

MUÏC LUÏC

TT	Hồi vào tên	Nội thầu	Trang
1	Muïc luïc		1
2	Lôoi nôi ñầu	-	2
3	Toàn ñĩa phoả hĩa	-	3
4	Traàn	-	4-5
5	Traàn Vaên Khoa	1	6
6	Traàn Vaên Binh	2	8
7	Traàn Vaên Nôi	3	8
8	Traàn Vaên Liĩa	4	9
9	Traàn Vaên Tũc	5	9-10
10	Traàn Vaên Cho	6	10-11
11	Traàn Siĩa	7	11
12	Traàn Yeĩa	7	12
13	Traàn Lôui	7	12
14	Traàn Duaãn	7	13
15	Traàn Vaên Vaù	4	13
16	Traàn Vaên Sôit	5	13-14
17	Traàn Vaên Lôii	6	14
18	Traàn Vaên Troĩng	6	14
19	Traàn Cuĩa	7	14-15
20	Traàn Vaên Voĩng	6	15
21	Traàn Troĩng	7	16
22	Traàn Hueĩa	7	16
23	Traàn Daũ	7	17
24	Traàn Phaãn	7	17
25	Traàn Vaên Ngoĩa	6	18
26	Traàn Vaên Nieĩa	7	18
27	Traàn Vaên Hyù	6	19-20
28	Traàn Vaên Hĩng	3	21-22
29	Traàn Vaên Khĩng	4	22-23
30	Traàn Vaên Beáp	5	23
31	Traàn Vaên Thuì	6	24
32	Traàn Vaên Cang	6	24-25
33	Traàn Vaên Nhĩ	7	25-26
34	Traàn Vaên Daũ	8	26
35	Traàn Vaên Phũ	7	26-27
36	Traàn Vaên Taãn	7	27
37	Traàn Vaên Du	7	28-29
38	Traàn Vaên Nĩng	6	29-30
39	Traàn Vaên Liĩa	7	30
40	Traàn Vaên Duĩc	7	31
41	Traàn Vaên Bĩnh	7	32-33
42	Traàn Vaên Hũia	5	33-34
43	Traàn Vaên Nĩnh	6	34-35
44	Traàn Vaên Uũt	7	35
45	Traàn Vaên Ngĩng	6	36-37
46	Traàn Vaên Thaĩnh	4	37
47	Traàn Vaên Leĩa	5	38
48	Traàn Vaên Ngĩa	5	38
49	Traàn Vaên Nhaĩnh	6	39
50	Traàn Vaên Nĩu	7	40
51	Traàn Vaên Thaĩnh	4	40-41
52	Traàn Vaên Thoác	4	41
	Traàn Vaên Phoĩa	5	

TT	Hồi vào tên	Nội thầu	Trang
53	Traàn Vaên Vaãn		42-43
54	Traàn Vaên Xũng	4	43-44
55	Traàn Vaên Ngoĩa	5	45
56	Traàn Vaên Tieãm	5	45
57	Traàn Vaên Naõ	6	46
58	Traàn Vaên Hũn	7	46
59	Traàn Vaên Thaĩnh	4	47-49
60	Traàn Vaên Saũch	4	50-51
61	Traàn Vaên Thaĩng	5	52-56
62	Traàn Giũu	6	56-57
63	Traàn Vaên Caãn	7	57-59
64	Traàn Leĩa Duy	7	59
65	Traàn Vaên Haĩng	8	60-62
66	Traàn Maãn	6	62
67	Traàn Thiĩap	7	62-64
68	Traàn Vaên Caãn	7	64-66
69	Traàn Vaên Kieãm	7	66-67
70	Traàn Luĩc	7	68-69
71	Traàn Liĩa	7	69-70
72	Traàn Loĩa	7	71
73	Traàn Vaên Chaãn	7	72-75
74	Traàn Nĩnh Chaũ	6	75
75	Traàn Deĩa	7	76-77
76	Traàn Vaên Phũc	7	78-81
77	Traàn Nĩnh Tieãn	6	81-82
78	Traàn Nĩng	7	82-83
79	Traàn Vaên Ich	7	84-86
80	Traàn Hoĩa	6	87-88
81	Traàn Thĩn	7	88-89
82	Traàn Vaên Sĩa	7	89-91
83	Traàn Vaên Nĩu	7	92-93
84	Traàn Hoaũn	6	94-95
85	Traàn Thĩ Nĩch	7	96
86	Traàn Thĩ Tieãm	6	97
87	Traàn Thĩ Nghĩ	6	98
88	Traàn Thĩ Tuỹ	6	99
89	Traàn Vaên Tĩ	6	100-102
90	Traàn Sũu	6	102
91	Traàn Quyĩa	7	102-103
92	Traàn Thĩ Dũ	7	104-106
93	Traàn Thĩ Thũaĩn	6	107
94	Traàn Vaên Hueĩa	6	108-109
95	Traàn Sũng	6	109-110
96	Traàn Tũng	7	110
97	Traàn Nhĩng	7	111
98	Traàn Cuĩ	7	112-113
99	Traàn Sum	5	113
100	Traàn Hoĩa	6	113-114
101	Traàn Duĩ	7	114
102	Nhĩng ñĩa caãn lĩu yũ	7	115
		-	
54			
55			
56			
57			
58			
59			

LỜI NÓI ĐẦU



Gia phả ghi chép lại lịch sử của tổ tiên dòng họ nhiều đời truyền lại. Nhờ có gia phả con cháu biết được nguồn gốc của mình, gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông.

Tu chỉnh biên soạn lại gia phả của họ Trần ta, chúng tôi - Hội đồng gia tộc chi họ 3, đời thứ 7 lấy làm tiếc là không có được đầy đủ tư liệu từ đời Thủy tổ, mà chỉ có rất ít ỏi tư liệu từ đời vị Tiên tổ Trần Văn Khoa trở về sau. Ông rời quê hương miền Bắc vượt biển vào Nam lập nghiệp. (Có thể vào khoảng những thập niên cuối của thế kỷ 18). Trong gia phả gốc: hầu hết không thấy ghi ngày, tháng, năm sinh, năm mất, mà chỉ đề ngày tháng cúng giỗ, nhiều chỗ viết không rõ, không phân biệt được ngôi thứ của những người trong cùng một gia đình, lại mang nặng quan niệm phong kiến trọng nam khinh nữ v.v.

Chúng ta trân trọng những tư liệu hiếm hoi đã có, trên cơ sở đó tra cứu, đối chiếu với tài liệu lịch sử, liên hệ với gia phả các họ tộc bạn, tập hợp mọi nguồn thông tin từ lớp người lớn tuổi kể lại... để gạn lọc, ghi chép, chỉnh lý, bổ sung...

Gia phả phải là kết quả của một công trình tập thể, đòi hỏi có sự đóng góp của nhiều người già trẻ thuộc nhiều thế hệ, cần có nhiều thời gian, không thể hoàn tất trong một sớm một chiều.

Một cá nhân, một nhóm người, dù có tài năng đến đâu cũng không thể viết gia phả của dòng tộc một cách hoàn chỉnh được.

Gia phả ghi chép lịch sử cùng văn hoá của dòng tộc, điều mà tổ tiên muốn gởi gắm lại cho đời sau. Cho nên Gia phả là “Gia bảo”, là tài sản vô cùng thiêng liêng đối với những ai có ý thức trân trọng cội nguồn, tổ tiên, biết ơn các đấng sinh thành, quý mến tình cảm họ hàng, gia tộc. Người ta có thể chịu mất vàng bạc, mất của cải chứ nhất thiết không ai chịu để mất gia phả. Vì vậy con cháu chúng ta cần phải trân trọng bảo vệ giữ gìn.

Hội đồng gia tộc tự thấy khả năng còn rất nhiều hạn chế, nhưng không vì thế mà gác lại việc tu chỉnh, biên soạn cuốn gia phả của dòng tộc đến đời thứ 7. Dù có thiếu, có muộn còn hơn là không có gia phả ở mỗi chi họ, ở mỗi gia đình họ Trần chúng ta.

Rất mong được sự thông cảm và cộng tác của con cháu trong dòng tộc, bằng cách gấp gở, viết thư, cung cấp thêm tài liệu để gia phả họ Trần ta ngày thêm hoàn chỉnh, phong phú, ngõ hầu thỏa mãn được ý nguyện của mọi người trong họ và tiếp tục truyền lại đời đời cho con cháu mai sau.

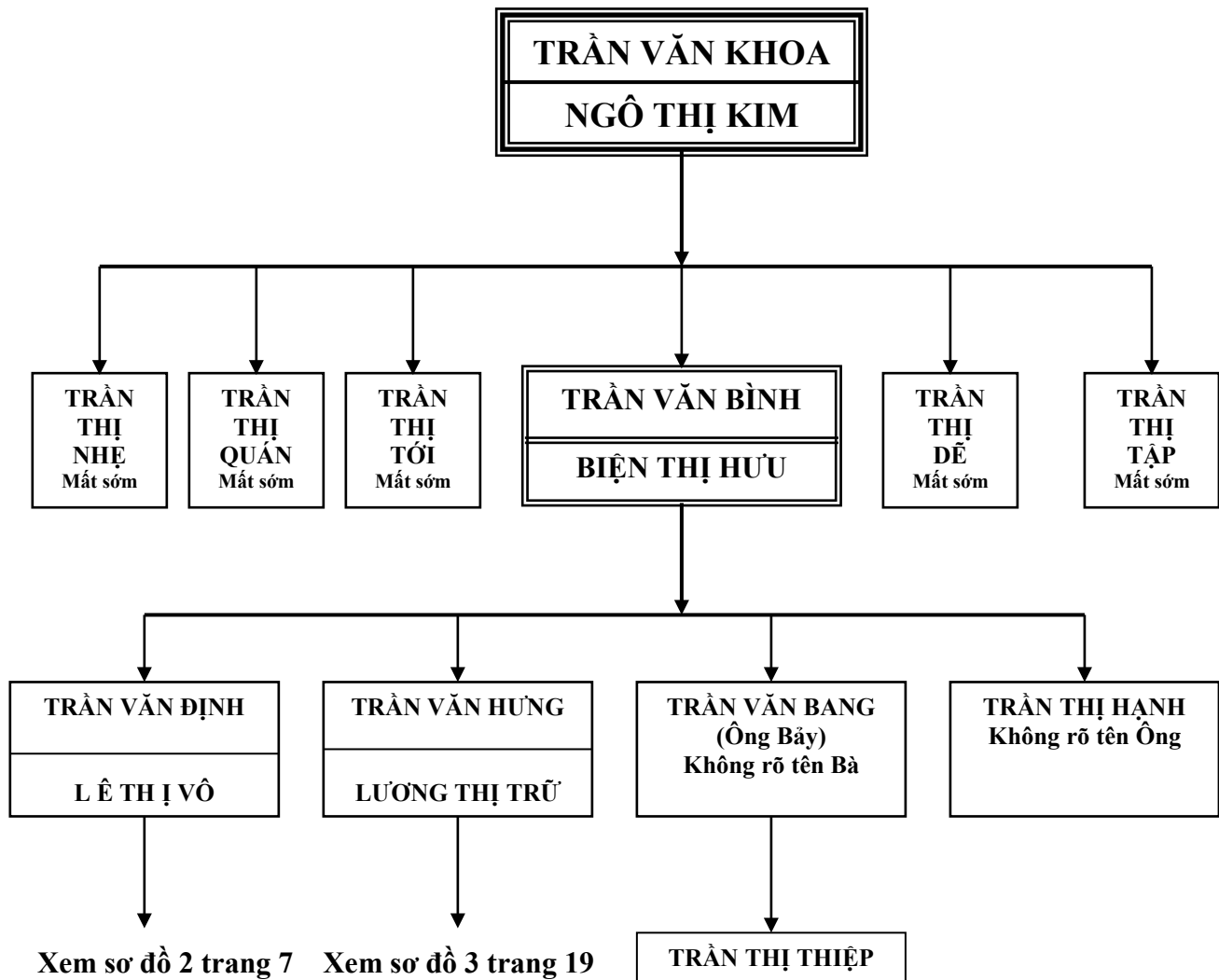
Bỏ đề, ngày 19 tháng 5 năm Quý Mùi (18-6-2003)

T/M HỘI ĐỒNG GIA TỘC

Chi họ 3 đời thứ 7

TÔN ĐỒ PHỔ HỆ HỌ TRẦN

Sơ đồ 1



Đời thứ nhất

Ông TRẦN VĂN KHOA
Bà NGÔ THỊ KIM

Xưa truyền lại rằng:

- ❖ **Ông** là người miền Bắc Việt Nam, đi buôn thuyền trường vào ở tại bến sông làng Hoài Dương, ấp Xuân Dương, nay thuộc thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Cùng đi với ông có hai người anh em là Trần Văn Dề và Trần Văn Dãi. Duy chỉ mình ông cưới vợ tại địa phương, sinh hạ con cái, nên ông ở lại làng Hoài Dương, còn hai người anh em kia trở về xứ.

Không rõ ngày tháng năm sinh của ông.

Ông mất ngày 6 tháng giêng Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, toạ Đông bắc, hướng Tây nam, nay thuộc thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Trước mộ có vũng ruộng “Bàu Chệt”.

- ❖ **Bà** là người ở An Mô châu, huyện Tư Nghĩa, nay là thôn An Mô, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi.

Không rõ ngày tháng năm sinh của bà. Bà mất ngày 26 tháng 4 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, nay thuộc thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.⁽¹⁾

Ông, Bà sinh hạ được 6 người con gồm 1 trai và 5 gái⁽²⁾:

1. Trần Văn Bình
2. Trần Thị Nhẹ
3. Trần Thị Quán
4. Trần Thị Tới
5. Trần Thị Dế
6. Trần Thị Tập

Chú thích:

- 1- Để đề phòng sự thất lạc và tiện việc thăm viếng của con cháu mai sau, ngày 2 tháng 3 Quý Mùi (03-04-2003), bốn tộc đã cải táng đưa Bà về nằm bên Ông (bên hữu), trùng tu và nâng cấp thành lăng mộ khang trang, có hai câu đối ghi ở 2 trụ cổng viết bằng chữ Hán:

“Hoài Dương, Long Phụng, tiên tổ khai cơ”

- (Ý nói: Ông Bà khởi đầu xây dựng cơ bản ở các nơi: Hoài Dương, Long Phụng, nay là 2 xã Đức Lợi, Đức Thắng).

“Văn Hội - Bồ Đề, tử tôn hiển nghiệp”

- (Ý nói: con cháu Ông Bà có được sự nghiệp hiển vinh từ khi nhập quán về thôn Văn Hội, làng Bồ Đề nay là xã Đức Nhuận).

- Ngoài ra còn có bảng chỉ dẫn viết bằng chữ Quốc ngữ để con cháu đều có thể đọc được. Lăng mộ Ông Bà được khánh thành đúng ngày giỗ Thanh Minh 10/3 Quý Mùi (11/4/2003) tại nhà thờ Cao tổ cũng vừa được trùng tu nâng cấp.

- Nhà thờ ông bà hiện nay ở ấp Văn hội làng Bồ đề cũ (nay là thôn 6 xã Đức nhuận). Hằng năm cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch và ngày 10 tháng 9 âm lịch, họ tộc vẫn còn duy trì nề nếp cúng tế (Xuân - Thu nhị kỳ) tại nhà thờ Cao tổ theo phong tục xưa của cha ông.

- 2- Năm bà con gái đều mất sớm, mộ của 5 Bà đều táng ở thôn Vinh Phú. Do nguy cơ nước xói lở, lần thứ nhất 2 trong số 5 mộ được di táng về thôn Bồ Đề cùng lúc với mộ Ông Trần Văn Bình, gần mộ

ông Trần Văn Như. Lần thứ hai ngày 9 tháng 3 năm Đinh Sửu (1997), hai ngôi mộ này được di chuyển về nghĩa địa xóm 6, thôn Bồ Đề, xã Đức nhuận.

- Ngày 2 tháng 4 năm Ất Hợi (1995), ba ngôi mộ còn lại được di táng về nghĩa địa xóm 6 thôn Bồ Đề (phía đông nghĩa trang liệt sĩ xã Đức Nhuận) cùng với một số mộ khác của ông bà tăng cao. Toàn bộ khu mộ đã được xây thành, dựng bia, đắp nấm làm di tích, tránh thất lạc.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ hai

Ông TRẦN VĂN BÌNH
Bà BIỆN THỊ HỮU

❖ Ông **Trần Văn Bình**, là con trai duy nhất của ông Trần Văn Khoa và Bà Ngô Thị Kim.

Không rõ năm sinh của ông. Ông mất ngày 29 tháng giêng Âm lịch. Mộ ông táng tại làng Hoài Dương, toạ Nam, hướng Bắc. ⁽¹⁾

❖ Bà **Biện Thị Hữu**, là con gái họ Biện, vốn dòng Cự tộc làng Bồ Đề. Họ Biện sau nhận quốc huy đổi thành họ Nguyễn. Gia phả phía Bà còn ghi tên Bà là Trần Thị Đạo (Bà mượn họ nhà chồng để đứng đơn khai trưng vũng ruộng Bàu Lát).

Không rõ năm sinh của Bà. Bà mất ngày 10 tháng 3 năm Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Đồng Vông, làng Bồ Đề, toạ Bắc, hướng Nam, nay thuộc xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Bà sinh hạ được 4 người con gồm 3 trai, 1 gái:

1. **Trần Văn Định** (sơ đồ 2)
2. **Trần Văn Hưng** (sơ đồ 3)
3. **Trần Văn Bang**
4. **Trần Thị Hạnh**

- Ông **Trần Văn Bang**, tục gọi là ông Bảy. Không rõ tên bà, chỉ biết ông bà sinh được một người con gái là bà Trần Thị Thiệp, bà này mất sớm. Mộ Ông Bà và con gái nằm bên nhau tại xứ Duối Một, làng Bồ Đề, toạ Tây, hướng Đông. Ông Trần Văn Thành cúng giỗ Ông vào ngày 12 tháng 9 Âm lịch nên con cháu cứ tuân theo ngày ấy mà cúng giỗ.

- Bà **Trần Thị Hạnh** có chồng họ Lê ở thôn Tân Định, làng Long Phụng, có con trai là ông Nhận. Mộ Bà táng tại Đất Mạ, xứ Núi Đất, thôn Tân Định, làng Long Phụng, nay là xã Đức Thắng.

Chú thích:

(1) Vì sợ nguy cơ nước xói lở, mộ ông được di táng về bên mộ bà và được trùng tu vào tháng 6 năm Bính Tý (1996), mộ xây theo kiểu Song Hồn, có hai tấm bia đá màu đen, chữ khắc màu đỏ, hai bên mộ có hai câu đối chữ Hán, giống như 2 câu ghi ở mộ Tổ. Mộ được dựng bia vào tháng 6 năm Bính tý (1996).

Đời thứ ba

Ông TRẦN VĂN ĐỊNH
Bà LÊ THỊ VÔ

❖ Ông **Trần Văn Định**, thuộc đời thứ ba, là con trai trưởng của ông Trần Văn Bình và bà Biện Thị Hưu.

Ông lấy vợ người họ Lê ở thôn Tân nịnh, làng Long phụng và ngụ cư tại đó.

Không rõ năm sinh của ông. Ông mất ngày 26 tháng 6 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, nay là xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

❖ Bà **Lê Thị Vô**, người thôn Tân nịnh, làng Long phụng, không rõ năm sinh của bà.

Bà mất ngày 4 tháng 7 Âm lịch. Mộ bà táng tại gò ông Đàm, xứ Núi Đất, thôn Gia Hoà, làng Long Phụng, toạ Tây nam, hướng Đông bắc.

Ông, bà sinh hạ được 3 người con (gồm 2 trai 1 gái):

- 1. Trần Văn Liêu**
- 2. Trần Văn Vá**
- 3. Trần Thị Dung**

Chú thích:

Ông Trần Văn Định là con trai lớn (trưởng nam) nhưng không được cha mẹ lập làm thừa tự, mà lập con thứ là ông Trần Văn Hưng. Có lẽ theo lễ giáo phong kiến, người ở quê vợ không tiện đảm nhiệm thừa tự ông bà. Thêm nữa ông không được “trực đình” ở làng Bồ Đề, tức không phải là công dân thường trú ở quê quán cha mẹ, mà ngụ cư (tạm trú) ở làng Long Phụng.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bốn

Ông TRẦN VĂN LIÊU
Bà Không rõ họ tên

❖ Ông **Trần Văn Liêu**, tục gọi là **ông Cải**, thuộc đời thứ bốn, là con trai của ông Trần Văn Định và bà Lê Thị Vô.

Ông bà sinh hạ được hai con (1 trai, 1 gái):

- 1. Trần Thị Cải (tục gọi là Bà Chiên)**
- 2. Trần Văn Tục**

---0-❧❧❧0---

Đời thứ năm

Ông TRẦN VĂN TỤC
Bà PHẠM THỊ MAI

❖ Ông **Trần Văn Tục**, tục gọi ông Mai, thuộc đời thứ năm, là con trai duy nhất của ông bà Trần Văn Liêu.

Ông sinh năm...., mất năm....Ngày 18 tháng 4 năm 1996 mộ ông được cải táng về khu vườn mộ của gia tộc tại thôn Tân định, xã Đức thắng, huyện Mộ đức, tỉnh Quảng Ngãi.

❖ Bà **Phạm thị Mai**, quê ở thôn 2, xã Đức nhuận. Sau khi lấy bà ông về ở rể tại quê vợ nên có tục danh là ông Mai. Sau khi có con cái ông đưa gia đình về sống tại nơi chôn nhau cắt rốn thôn Tân định.

Ông bà sinh hạ được 4 người con (1 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Cho**
2. **Trần Thị Xin**
3. **Trần Thị Chụt**
4. **Trần Thị Mẹo**

---0-❧❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN CHO
Bà NGÔ THỊ DƯ

❖ Ông **Trần Văn Cho** tục gọi **ông Siêng**, thuộc đời thứ sáu, là con trai duy nhất của ông bà Trần Văn Tục.

Ông sinh năm 189.., mất năm 195...Ngày 08 tháng 4 năm 1996, mộ ông được cải táng về tại khu vườn mộ của gia tộc tại thôn Tân định, xã Đức thắng.

❖ Bà **Ngô thị Dư** là con gái của ông bà.....quê thôn Vinh phú, xã Đức lợi.

Bà sinh năm 18... , mất năm 19... Ngày 08 tháng 4 năm 1996, mộ bà được cải táng về nằm bên mộ ông tại khu vườn mộ của gia tộc thôn Tân định, xã Đức thắng.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (4 trai, 3 gái):

1. **Trần Siêng** (ông Năng)
2. **Trần Yễng** (ông Bé)
3. **Trần Thị Đới** có chồng người ở xóm Bóng, thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, có 02 con tên Nguyễn Thị Giây và Nguyễn Thị (tổi lơ Hoàng)
4. **Trần Lối** (ông Sơn)
5. **Trần Duân**
6. **Trần Thị Thu** (mồôi Thu) có chồng tên là Nguyễn quê ở thôn Thanh Long, xã Đức Thắng. Coù caùc con Nguyễn Năm, Nguyễn Kính, Nguyễn thò Thò, Nguyễn Năm, Nguyễn thò Chôn, Nguyễn thò Dung, Nguyễn Neà, Nguyễn thò Sôông, Nguyễn thò Kim.

7. **Trần Thị Hoè** (moät Hoøe), sinh naêm 1933(Quyù daäü), maát naêm 1995, có chồng người thôn Gia Hoà xã Đức Thắng. Có 02 con tên Nguyễn thờ Thaán, Nguyễn thờ Laân.

---0-0000-0---

Đời thứ ba

Ông
Bà

TRẦN SIEÂNG
NGUYỄN THỜ HUÛ

❖ Ông **Trần Sieâng**, tục gọi **ông Naêng**, thuộc đời thứ ba, là con trai trồông của ông Trần Văn Cho và bà Ngô thờ Dỗ.

Oâng sinh naêm Tân hời (1911), maát naêm 1992, thoi 81 tuỏi. Mộ ông táng tại khu vườn mộ của gia tộc thôn Tân định, xã Đức thắng.

Sinh thoi ông cần cuơ, chòu khòu, làm ruộng và nghe ãnh caù biển. Tính ông hiền lành, chân thật nời bợ con hời haong và anh chò em thông meán.

❖ Bợ **Nguyễn Thờ Huù**, là con gái thoi 3 của ông Nguyễn Cồông ôu thôn Tân ãnh. Không rõ naêm sinh của bợ, Bợ maát ngày 16 tháng 6 naêm 2001. Mộ bợ táng tại khu vườn mộ của gia tộc thôn Tân định, xã Đức thắng.

Oâng bợ sinh hời nời 7 ngời con(4trai,3 gái):

1- **Traàn Naêng**, sinh naêm 1937(Tân sêu), maát naêm 1986, mộ táng tại khu vườn mộ của gia tộc thôn Tân định, xã Đức thắng.

- Với **Nguyễn thờ Lồông** con ông Nguyễn Ñôn ôu thôn Vinh phú, xã Ñôi lới.

Oâng bợ sinh các con :

1. Traàn thờ Nhieu
2. Traàn thờ Bô (ãi maát)
3. Traàn Vaên Bình
4. Traàn Vaên Huong
5. Traàn Thài Dông
6. Traàn thờ ...

2- **Traàn Nó** (Maát lúc 19 tuỏi)

3- **Traàn Thờ Laâu (Traàn Thờ Lan)** có choàng là Nguyễn Bèn con trai ông bợ Hăng ôu thôn Ñãi thănh, xã Ñôi thăng.

4. **Traàn Thờ Roài (Traàn Thờ Hoa)** có choàng là Nguyễn Ñôi ôu thôn An tănh, xã Ñôi thăng, có con tên Nguyễn Mănh.

5. **Traàn Neà (Traàn Duy Thài)** sinh naêm 1949(Ky Sêu). Naêm 1964 vào Ñi lăi hời may.Naêm 1969 vào Sỏi gòn vờa làm thoi may vờa ãi hời và thi ãi Tuê tòi 2 naêm 1972. Hời Ñi hời Luaät khoa Sỏi gòn, sau ngày giải phóng (1975) tiếp tục hời và tót nghiệp Ñi hời luaät. Trong thoi gian theo hời ôu Sỏi gòn ông tham gia Cành măng, hoạt ãi ãi bàu thuốc an ninh T4 ãi thănh Sỏi gòn. Sau ngày giải phóng làm ãi phu ãi nghiệp cõu tống hời Công an Quă 3, ãi trồông ãi công tác phong trào, trồông công an Phồông 9 Quă 3, phu ban toà chò haong chănh quân trò Vaên phông Công an Thănh phó Hoà Chí Minh. Naêm 1982-1987 hời trồông Ñi hời an ninh. Naêm 1994-1996 hời và tót nghiệp cõu nhănh chính trò ãi hời viă Nguyễn Aù Quóc. Naêm 2003 ãi phong quân haom Thồing tâu.

- Với: **Ñi thờ Phồông**, sinh naêm 1961, con gái ông bợ Ñi Công Minh que ôu huyện Duy xuyê, tănh Quang nam vào sinh sống ãi Sỏi gòn.

Oâng bợ sinh 3 ngời con (1gái, 2 trai)

1. Traàn Phồông Thài, sinh naêm 1981.
2. Traàn Sô Huy , sinh naêm 1985.

3. Traàn Sớ Phườ , sinh năm 1992.

6. Traàn Xeâ (Traàn Thanh Vuõ), sinh năm 1952

- Với: **Nguyeãn Thò Sinh**

OÂng baw sinh 2 ngồoôi con (1gaùi, 1 trai)

1. Traàn Thò Leân

2. Traàn Thanh Truì

Hieãn gia ãnh sinh soáng táỉ thoãn Taãn ãnh, xaw Ñồuc thaéng.

7- Traàn Thò Quyù còu choàng teãn Nguyeãn Lan.

---0-❀❀0---

Đời thứ baũy

Ông

TRẦN YEÃNG

Bà chành thaát: Khoâng roõ hoĩ teãn (tức goĩ

Baw BEÙ)

Baw thồu thaát: Khoâng roõ hoĩ teãn (tức goĩ **Baw**

HIEÀN)

❖ Ông **Trần Yeãng (Traàn Uyeãn),** tức goĩ ông Beù, thuôc ãnh thồu 7, lợ con thồu 5 củaw ông Traàn Vaw Cho vaw baw Ngoaw Thò Dõ.

OÂng sinh năm 1914, maát ngaw 5 thàng 11 năm 1997, thoi 84 tuoi. Mõ tawng táỉ tawh Hwũ dõng.

Sinh thoi trong khawng chieán choáng Phaùp ông lợm công nhaw hũa xa ôu Quaũng ngaw. Năm 1954 ông táp kết ra Bawc tieáp tức lợm công nhaw ãnh saét ãnh ãnh Hợ ãnh – Hwũ phợng.

❖ Baw chành thaát: Khoâng roõ hoĩ teãn (tức goĩ baw BeÙ) .

Oông baw sinh ãnh 2 ngồoôi con gaùi:

1. Traàn Thò Beù

2. Traàn Thò Moĩn

❖ Baw thồu thaát: Khoâng roõ hoĩ teãn (tức goĩ baw Hieàn), queaw baw ôu tawh Hwũ dõng cợng lợm ngawh ãnh saét vôi ông.

OÂng baw sinh ãnh 2 ngồoôi con gaùi:

1. Traàn Thò Hieàn

2. Traàn Thò Hợaw

---0-❀❀0---

Đời thứ baũy

Ông

TRẦN LỒU

Baw

LEÃ THÒ RAỄN

❖ Ông **Trần Lôùi**, tức gọi ông Sơn, thuộc nôi thờ 7, là con thờ 7 của ông Traàn Vaên Cho và bà Ngô Thò Dỗ.

Ông sinh năm 1919, mất năm 1999. Mộ táng tại huyện Long An, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông là người lao động cần cù, tính tình hiền lành, nổi anh chò em và bà con họ hàng thông mến.

❖ Bà **Leà Thò Raên** thuộc nôi thờ 7, là con thờ của ông Lê Khuyên ôu thôn Tân Nhì.

Ông bà sinh hai nổi 6 người con (4 trai, 2 gái)

1. Traàn Sơn
2. Traàn Tòn
3. Traàn Thò Tính
4. Traàn Toàn
5. Traàn Giỏi
6. Traàn thò Vây

---0-❀❀0---

Đời thứ bảy

Ông
Bà

TRẦN DUAÂN
NGUYỄN THÒ MUÔNG

❖ Ông **Traàn Duaân**, tức gọi chín Duaân, thuộc nôi thờ 7, là con thờ 9 của ông Traàn Vaên Cho và bà Ngô Thò Dỗ.

Ông sinh năm 1924, Ông là người lao động cần cù, tính tình hiền lành, nổi anh chò em và bà con họ hàng thông mến.

❖ Bà **Nguyễn Thò Muông**, là con gái ông Xòu người ôu xóm ngoại thôn Tân Nhì.

Hiện nay gia đình ông đang sinh sống tại Xã Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ông bà sinh hai nổi 7 người con (3 trai, 2 gái)

1. Traàn Thò Nhì
2. Traàn Thò Thanh
3. Traàn Vaên Nò
4. Traàn Thò L
5. Traàn Vaên Anh
6. Traàn Vaên Chuít
7. Traàn Thò.....

---0-❀❀0---

Đời thứ bốn

Ông
Bà

TRẦN VĂN VÁ
Không rõ họ tên

❖ Ông **Trần Văn Vá**, tục gọi ông Nghè, thuộc đời thứ bốn, là con trai thứ của ông Trần Văn Định và bà Lê Thị Vô.

Ông bà chỉ sinh được một con trai:

1. Trần Văn Sót

---0-❧❧❧0---

Đời thứ năm

Ông TRẦN VĂN SÓT

Bà chánh thất: Không rõ họ tên (tục danh là Bà Lợi)

Bà kế thất: Không rõ họ tên (tục danh là bà Trọng)

❖ Ông **Trần Văn Sót**, tục gọi **ông Lợi**, thuộc đời thứ năm, là con trai duy nhất của ông bà Trần Văn Vá.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (5 trai, 1 gái):

1. **Trần Văn Lợi** (con bà chánh thất)
2. **Trần Văn Trọng** (con bà kế thất)
3. **Trần Văn Vọng** (con bà kế thất)
4. **Trần Văn Ngộ** (con bà kế thất)
5. **Trần Văn Hỷ** (con bà kế thất)
6. **Trần Thị Lắm** (con bà kế thất)

Bà Lắm, tục gọi là bà Hà, lấy chồng về xóm “Bầu Hố” làng Long Phụng, nay xã Đức Thắng, huyện Mộ đức.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN LỢI

Bà Không rõ họ tên

❖ Ông **Trần Văn Lợi**, tục gọi **ông Chúc**, thuộc đời thứ sáu là con trai lớn của ông Trần Văn Sót và bà chánh thất.

Ông bà sinh hạ được 1 con trai là ông:

1. Trần Văn Chúc

Ông Chúc lớn lên chưa có vợ con, bị bệnh mất sớm.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN TRỌNG

Bà Không rõ họ tên (tục danh là bà Cọng)

❖ Ông **Trần Văn Trọng**, tục gọi **ông Cọng**, thuộc đời thứ sáu là con trai thứ của ông Trần Văn Sót và bà kế thất Bà Trọng

Ông bà sinh hạ được 3 người con (2 trai, 1 gái):

1. **Trần Văn Sốt** (lớn lên bị bệnh mất sớm)
2. **Trần Cửa**
3. **Trần Thị Tặng** có gia đình ở Miền nam.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN CỬA
Bà chánh thất	 MÀ
Bà thòu thất	

Oâng Traàn Cũa thồông gỏi lơ Boán Cũa. Khoâng roõ ngay sinh vào ngay maát cũa oâng. Ông cuơng bảo chaành thaát sinh hai 4 ngồôi con gài:

1. **Trần Thị Thanh**
2. **Trần Thị Danh**
3. **Trần Thị Nhân**
4. **Trần Thị Nương**

Oâng cuơng bảo keá thaát (khoâng roõ hoi teân) sinh nồôi 2 gài, 1 trai, hieãn ñang sinh soảng lập nghiệp tại tỉnh Đắc lăc.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN VỌNG
Bà	NGÔ THI UM

❖ Ông **Trần Văn Vọng**, tục gọi **ông Trông**, thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông bà Trần Văn Sốt và kế thất.

Ông sinh năm 1899 (Kỷ Hợi), mất năm 1982 (Nhâm Tuất). Mộ ông táng tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

❖ Bà **Ngô Thị Um**, quê ở thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa. Bà sinh năm 1903 (Quý Mão), mất năm 1972 (Nhâm Tý). Mộ táng tại thôn Tân định.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (4 trai, 3 gái):

1. **Trần Trông**
2. **Trần Huê**
3. **Trần Thị Mít**, có chồng là Lê Phong con ông Lê Sung cùng ở thôn Tân Định.

4. Trần Dậu

5. Trần Thị Nguyễn, có chồng là Lê Quới, ở thôn Tân Định.

6. Trần Thị Thống, chồng là Huỳnh Đăng, con trai thứ của ông xã Bích ở thôn Tân Định.

7. Trần Phần

---0-❀-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN TRÔNG

Bà

LÊ THỊ TOÀN

❖ Ông **Trần Trông**, còn có tên **Trần Trung**, thường gọi theo tên con là **ông Vận**, thuộc đời thứ bảy, là con trai trưởng của ông Trần Văn Vọng và bà Ngô Thị Um.

Ông sinh năm, Những năm cuối đời tuy tuổi cao, sức yếu, ông cuỡng quan taâm tham gia công vieăc của Toăc Hoi, kêu gọi con cháu trong chi họ mình đóng góp tiền, của xây dựng lăng mộ oăng bə Thuỷ toă ôu thoă Vinh phuù và trùng tu nhà thờ Cao tổ ở thôn Bò đề.

❖ Bà **Lê Thị Toàn**, là con gái ông bà Lê Toàn ở thôn Đại Thạnh, làng Long phụng nay là xã Đức Thăng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà sinh năm, Măt ngày năm 2002

Ông bà sinh hạ được 7 người con (5 trai, 2 gái):

1. Trần Vận

2. Trần Thị Biên

3. Trần Khứ

4. Trần Thị Hoa

5. Trần Tiến

6. Trần Phước

7. Trần Gia

---0-❀-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN HUÊ

Bà

NGUYỄN THỊ HỎI

❖ Ông **Trần Huê**, thường gọi theo tên con là **ông Đẹp**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Vọng và bà Ngô Thị Um.

Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc năm 1954, tham gia công tác trong ngành giao thông.

Ông sinh ngày.... Mất do tai nạn lao động ở miền Bắc, Mộ táng tại

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Hối** là con gái thứ của ông bà Nguyễn Cường ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà sinh năm

Ông bà sinh hạ được 2 con trai:

1. **Trần Đệp** (Trần Ngọc). Mất năm, vợ các con ở thôn Tân định, xã Đức Thắng.
2. **Trần Văn Dũng** (Trần Văn) công tác và lập nghiệp ở huyện lỵ Ba Tơ.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN DẬU
Bà	NGUYỄN THỊ VÈ

- ❖ Ông **Trần Dậu**, sinh năm 1933 (Quý Dậu), thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Vọng và bà Ngô Thị Um. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, tập kết ra năm Bắc 1954. Năm 1960 trở về Nam hoạt động kháng chiến chống Mỹ.
Ông hy sinh ngàytháng ...năm 196.....trong khi làm nhiệm vụ ở núi Đá Bạc, xã Đức Thắng, Oâng ãoôic Nhao ãoôuc coâng nhaân laø lieät só.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Vè**, con bà Xuân ở thôn Văn Bân, xã Đức Chánh. Ông đi tập kết ra Bắc, bà đã đi lấy chồng khác.

Ông bà có 1 con trai:

1. **Trần Tiét**, Sinh 1954 có vợ là Lê Thị Xuân con ông Lê Châu và Lê Thị Màng quê ở thôn Tân Định. Hiện nay cùng vợ các con ở thôn Tân định, xã Đức Thắng.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN PHẤN
Bà	LÊ THỊ LAN

- ❖ Ông **Trần Phấn**, thuộc đời thứ bảy, là con trai út của ông Trần Văn Vọng và bà NgôThịUm.
Ông sinh năm

- ❖ Bà **Lê Thị Lan**, là con gái ông Lê Lầu ở thôn Thế Khương, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.
Bà sinh năm ...
Ông bà sinh sống lập nghiệp ở tỉnh Gia Lai.
Ông bà sinh hạ được người con.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN NGỘ
Bà	NGUYỄN THỊ ÚT

- ❖ Ông **Trần Văn Ngộ**, thường gọi **ông Phẫm** (gọi theo tên con), thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông Trần Văn Sốt và bà kế thất (bà Trọng).
Ông sinh năm 1905 (Ất Ty), mất ngày 29 tháng 10 năm 1972 (Nhâm Tý). Thọ 68 tuổi. Mộ ông táng tại xứ Bầu Chợ cạnh “Gò Đường”, thôn Năng An, xã Đức Nhuận.
Tính tình ông thật thà, vui vẻ đôn hậu, xóm làng họ tộc ai cũng mến thương.
- ❖ Bà **Nguyễn Thị Út** ở làng Lạc Phố, nay là thôn Năng An, xã Đức Nhuận, là con gái ông Nguyễn Hữu Cát (rể ông Tú Chuẩn ở thôn Đồng Cát, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức).
Bà sinh ngàytháng...năm 1910, mất ngày 13 tháng 1 năm 1994 (Giáp Tuất). Mộ bà táng tại “Gò Đường” thôn Năng An, xã Đức Nhuận.
Ông bà sinh hạ được 3 người con (1 trai, 2 gái):
 1. **Trần Thị Phẫm**, có chồng là Bùi Kim Dung, hiện sống ở Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, các con là: - Bùi Kim Sinh (1952), - Bùi Kim Dung (1960), - Bùi Thị Tâm, - Bùi Kim Hải.
 2. **Trần Văn Điều**
 3. **Trần Thị Lại**, có chồng là Lê Quang Quý, quê ở làng Lạc Phố, thôn Năng An, xã Đức Nhuận, có các con: - Lê Thị Phương, - Lê Thị Loan, - Lê Quang Thông, - Lê Thị Sương, - Lê Quang Kiếm, - Lê Thị Hương, - Lê Thị Hạnh.
 Gia đình đang sống ở quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN VĂN ĐIỀU
Bà chánh thất	HAI GIÁO(Không rõ họ tên)
Bà kế thất	BÙI THỊ PHƯƠNG

- ❖ Ông **Trần Văn Điều**, thuộc đời thứ bảy, là con trai duy nhất của ông Trần Văn Ngộ và bà Nguyễn Thị Út.

Ông sinh năm 1931 (Tân Mùi), gia đình sống ở thôn Năng An, xã Đức nhuận. Ông là người siêng năng, vui tính, ăn nói ngay thẳng, rất nhiệt tâm với họ tộc trong việc phụng sự tổ tiên.

❖ Bà chánh thất tên thường gọi là bà **Hai Giáo**, con bà Giáo ở thôn Văn Bản, xã Đức Chánh.

Ông bà có 2 người con:

1. **Trần Văn Dũng** sinh năm 1958, có vợ là Đỗ Thị Tuyết Anh, quê ở Sông Vệ, định cư ở Úc.
2. **Trần Thị Nhường**, sinh năm 1960, có chồng là Nguyễn Văn Sơn quê ở xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức.

❖ Bà kế thất **Bùi Thị Phương**, sinh năm 1931, là con gái ông Bùi Huồn và bà Trần Thị Huột ở thôn Chú Tượng, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức.

Ông bà có 3 người con:

1. **Trần Văn Ái** (1965)
2. **Trần Thị Thu Chi** (1971)
3. **Trần Thị Thu Nguyệt**

---0-❀❀0---

Đời thứ sáu

Ông

TRẦN VĂN HỸ

Bà

LÊ THỊ SÁO

❖ Ông **Trần Văn Hỹ**, thường gọi theo tên con là **ông Sửu**, thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông bà Trần Văn Sốt và bà kế thất: bà Trọng.

Ông sinh năm, mất năm

❖ Bà **Lê Thị Sáo**, là con gái ông Lê Nò, ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Bà sinh năm, mất năm

Ông bà sinh hạ được 6 người con gái:

1. **Trần Thị Sửu** (1937) (Đinh Sửu).
2. **Trần Thị Hốt**
3. **Trần Thị Tử**
4. **Trần Thị Tốt**
5. **Trần Thị Màu**
6. **Trần Thị Xanh**

---0-❀❀0---

Đời thứ ba

Ông

TRẦN VĂN HÙNG

Bà

LƯƠNG THỊ TRỮ

- ❖ Ông **Trần Văn Hùng**, tục danh **Thầy Khương**, thuộc đời thứ ba, là con trai thứ của ông Trần Văn Bình và bà Biện Thị Hưu, không rõ ông sinh năm nào.

Ông mất ngày 18 tháng giêng Âm lịch. Mộ táng tại Gò Thủ, xứ Thượng Tân, Bến Đình, làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Tây, hướng Đông.

Ông theo mẹ về ở làng Bò Đề rồi nhập tịch luôn ở đó. Tuy vậy ông có trưng ruộng ở xứ Bàu Lát, vét mạch, đào mương, có đơn bằng khai khẩn ruộng nương tại xứ Bàu Lát, làng Long Phụng, thuộc đời vua Minh Mạng.

Ông cùng với họ Nguyễn lập chùa “**Già Lam Tự**” thờ đức Quan Thánh tại ấp Văn Hội, làng Bò Đề. Bài vị ông thờ tại chùa Già Lam ghi: “**Tiền Hiền Đề Xuyên Nguyên Đại Đức Vọng Trần Trang Lộc** **thuiy Nhoân Tín Phủ Quân Thần Vị**”.

Ông được cha mẹ lập làm thừa tự cho gia tộc, thay vì anh trai trưởng là Trần Văn Định ngụ cư ở quê vợ làng Long Phụng.

❖ Bà **Lương Thị Trữ**, có tục danh bà **Khương**, quê làng Đồng Viên, nay thuộc xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Không rõ bà sinh năm nào. Bà mất ngày 03 tháng chạp Âm lịch. Mộ Bà táng tại xứ “Thượng Tân Vườn Đổ” làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Bắc, hướng Nam ⁽¹⁾.

Sau khi ông mất, bà đứng tên lập phân thư chia ruộng đất cho các con.

Ông bà sinh hạ được 8 người con (6 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Khương** (ông Bếp)
2. **Trần Văn Thạnh** (ông Lẹ)
3. **Trần Văn Thành** (ông Thầy Kỳ)
4. **Trần Văn Thốc** (ông Phỏ)
5. **Trần Văn Vân** (ông Xưng)
6. **Trần Văn Hớn** (ông Tám)

7. **Trần Thị Sẻ**, tục gọi là bà Dieãm, lấy chồng quê Hải Châu, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa. Con trai có tên là Thôi Ngươn.

8. **Trần Thị Huyền**, tục gọi là bà Đáng, bà lấy chồng người họ Lê, làng Năng An, nay thuộc xã Đức Nhuận huyện Mộ Đức, bà chỉ sinh con gái, nên về già bà sống với cháu trai là Trần Hoàn, tức ông Trần Văn Sách.

Bà mất ngày 11 tháng 9 Âm lịch. Mộ táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, toạ Đông bắc, hướng Tây nam.

Chú thích: (1) Do qui hoạch ruộng đất, mộ bà được di táng về bên mộ ông (phía phải) tại Gò Thủ, xứ Thượng Tân, Bến Đình.. Mộ đã được trùng tu vào tháng 6 năm Bính Tý (1996).

Đời thứ tứ

Ông TRẦN VĂN KHƯƠNG
Bà PHẠM THỊ PHƯỚC

- ❖ Ông **Trần Văn Khương**, tục danh **ông Bép**, thuộc đời thứ bốn, là con trai trưởng của ông bà Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ.

Không rõ ông sinh năm nào. Ông mất ngày 04 tháng 4 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Cura làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Bắc, hướng Nam⁽¹⁾

- ❖ Bà **Phạm Thị Phước**, tục gọi là **bà Bép**.

Ông mất sớm, bà ở vậy nuôi con cháu, dạy dỗ đến tuổi trưởng thành, thờ phụng tổ tiên nhà chồng. Hằng năm đến ngày kỵ giỗ cha mẹ chồng bà mặc áo rộng, quì lạy khóc than thảm thiết, ai nấy cũng động lòng thương.

Không rõ bà sinh năm nào. Bà mất ngày 20 tháng 4 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Cura làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, toạ Đông, hướng Tây.⁽²⁾

Ông bà sinh hạ được 3 người con (2 trai, 1 gái):

1. Trần Văn Bép

2. Trần Văn Hứa

3. Trần Thị Hanh, tức bà Xã Thê, có chồng người làng Năng An, nay thuộc xã Đức nhuận, có con trai tên Biện Vi.

Chú thích:

(1),(2): Mộ Ông Bà đã được cải táng về Gò Thủ, xứ Bến Đình vào ngày ... tháng ... năm 2001 (Quý Tỵ).

---0-❧❧❧0---

Đời thứ năm

Ông TRẦN VĂN BÉP
Bà NGÔ THỊ TÔ

- ❖ Ông **Trần Văn Bép**, tịch là **Trần Vận**, thuộc đời thứ năm, là con trai trưởng của ông Trần Văn Khương và bà Phạm Thị Phước.

Ông ra làm thông lại, nên thường gọi là Thầy Thông Vận.

Ông mất ngày 24 tháng 9 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Hạ Vông, làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Đông, hướng Tây.

- ❖ Bà **Ngô Thị Tô**, quê làng Bò Đề, Bà mất ngày 07 tháng 11 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Đá Bạc, làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Đông, hướng Tây. Mộ bà đã được cải táng về xứ Hạ Vông

Ông bà sinh hạ được 5 người con trai:

1. Trần Văn... (Mất sớm)

2. **Trần Văn Thái**
3. **Trần Văn Cang**
4. **Trần Văn Tráng** (Mất sớm)
5. **Trần Văn Đường**

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN THÁI
Bà ...ÉN

❖ Ông **Trần Văn Thái**, tục gọi là **Thầy Ba Trinh**, thuộc đời thứ 6, là con trai của ông bà Trần Văn Bép và bà Ngô Thị Tô. Ông vào tỉnh Bình Thuận làm nghề thầy thuốc và lập nghiệp ở đó.

Ông mất ngày 6 tháng 3 Âm lịch. Mộ ông táng tại làng Thiện Khánh, tổng Lại An, phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận

❖ Bà không rõ họ chỉ biết tên là **Én**.

Ông bà sinh hạ được 2 người con (1 trai, 1 gái):

1. **Trần Văn Mậu** (mất sớm)

2. **Trần Thị Sum** (thường gọi là bà Sum hay ba Vầy theo tên con), có chồng là Phạm Yên quê ở làng Thiện Khánh, tỉnh Bình Thuận, có 6 con (4 trai và 2 gái):

- Phạm Thị Vầy (1930) có chồng là Thái Thanh Dân quê cũng ở Thiện Khánh, có 6 con (2 gái, 4 trai): - Thái Thanh Hùng, - Thái Thanh Thành, - Thái Thanh Tâm, - Thái Thanh Hiền, - Thái Thị Thanh Thuận, - Thái Thị Thanh Hoà. Hiện đang sống tại xã Phú Hải, Thị xã Phan Thiết.
- Phạm Văn Bình (Liệt sĩ chống Mỹ)
- Phạm Văn Năm
- Phạm Văn Ái (Liệt sĩ chống Mỹ)
- Phạm Văn Tào (Liệt sĩ chống Mỹ)
- Phạm Thị Chín, chồng là Hồ Quang Lượng (mất năm 1999) có con là Hồ Thanh Hà, hiện đang sinh sống ở Lâm Đồng.

Bà Sum được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Chú thích:

Bà Phạm Thị Vầy chỉ nhớ được tên bà ngoại là bà Én.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN CANG
Bà LÊ THỊ TUÝ

❖ Ông **Trần Văn Cang**, tục gọi **ông Cự**, thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông Trần Văn Bép và bà Ngô Thị Tô.

Ông sinh năm..... Mất ngày 10 tháng 9 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Cura, làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Đông, hướng Tây ⁽¹⁾.

❖ Bà **Lê Thị Túy**, người thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

Bà sinh năm Mất ngày 6 tháng 5 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Đồng Vông, làng Bò Đề, toạ Nam, hướng Bắc⁽²⁾.

Ông bà sinh hạ được 8 người con (6 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Cự** (mất sớm)
2. **Trần Văn Như**
3. **Trần Văn Phụ**
4. **Trần Văn Hoà** (mất sớm)
5. **Trần Văn Tân**
6. **Trần Văn Du**
7. **Trần Thị Kiểm**, có chồng là Nguyễn Phong, thường gọi là năm Phong quê Bò Đề. Bà mất sớm, không có con, ông cưới vợ kế.
8. **Trần Thị Thiểu**, (mất sớm)

Chú thích: (1)(2): Mộ Ông Bà đã được cải táng về tại Gò Thủ, xứ Thượng Tân, Bến Đình.

---0-❀❀❀0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN VĂN NHƯ
Bà HUỲNH THỊ VY

❖ Ông **Trần Văn Như**, tục gọi là **ông Liễu**, thuộc đời thứ bảy, là con trai của ông Trần Văn Cang và bà Lê Thị Túy.

Ông sinh năm Mất ngày 1 tháng 10 năm Mùi. Mộ ông táng tại xứ Hạ Vông thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận,

Người anh trai trưởng của ông mất sớm nên ông được lập làm thừa tự cho nhà thờ lớn họ Trần.

Ông bản chất thực thà, hiền lành, vui vẻ, hoà nhã, giàu ý thức gia tộc, rất thương yêu con cháu, quý mến họ hàng.

❖ Bà **Huỳnh Thị Vy**, là con gái thứ bốn của ông bà Huỳnh Ngừ, quê thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

Bà mất ngày 19 tháng 3 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Bàu Huyện, thôn Năng An, xã Đức Nhuận⁽¹⁾.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (6 trai, 1 gái):

1. **Trần Văn Liễu** (mất sớm)
2. **Trần Văn Dậu**
3. **Trần Văn Mẹo**
4. **Trần Văn Xi**
5. **Trần Văn Xi**
6. **Trần Văn Y**
- 7.

Chú thích: (1): Mộ bà đã cải táng về nằm bên ông tại Hạ Vông.

---0-❀❀0---

Đời thứ tám

Ông TRẦN VĂN DẬU
Bà PHẠM THỊ LONG

❖ Ông **Trần Văn Dậu**, tục gọi **ông Thạc**, thuộc đời thứ tám, là con trai thứ của ông Trần Văn Như và bà Huỳnh Thị Vy. Ông sinh năm 1921 (Tân Dậu).

Anh trai trưởng mất sớm, ông được lập làm cháu tự tôn, nối tiếp cha phụng sự ông bà Tổ tiên nhà thờ Cao tổ họ Trần. Ông thừa hưởng đức độ của cha, thực thà, siêng năng, cần kiệm. Tuy có cuộc sống thanh bần, ông rất mực thiết tha với họ tộc, làm tròn bổn phận tự tôn, đoàn kết trên dưới, giữ được nền nếp phụng thờ tổ tiên qua bao giai đoạn thăng trầm. Vào những năm cuối năm oanh ãoùng goùp phaàn khoång nhôu vào vieăc vaãn ãoãng con cháu phaui trôôùng hôip cuøng caùc chi phaui khaiùc tham gia vào vieăc di dôi, xây dựng lại lăng mộ ông bà ThuýTổ và trùng tu nhà thờ Cao tổ của dòng tộc.

Ngoài việc phụng sự Tổ tiên, ông cũng là người có công lớn trong việc thay mặt họ tộc tham gia công cuộc trùng tu và bảo quản ngôi chùa “Già Lam Tự”, một di sản Văn hóa lâu đời của 3 họ Trần - Nguyễn - Võ làng Bò Đề sáng lập.

❖ Bà **Phạm Thị Long**, là con gái đầu của ông Phạm Nguơn ở làng Bò Đề và bà Lê Thị ... quê ở Vạn Tượng, huyện Tư Nghĩa.

Bà sinh năm 1923 (Quý Hợi), mất ngày 01 tháng 7 năm 1974 (Giáp Dần), thọ 51 tuổi. Mộ bà táng tại xứ Hạ Vông, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 8 ngôoời con (5trai, 3 gaui):

1. **Trần Thị Thạc**
2. **Trần Văn Chúc**
3. **Traàn Thò Ba**
4. **Traàn Vaên Kịch (Baùu)**
5. **Traàn Vaên Chieán**
6. **Traàn Vaên Sôï**
7. **Traàn Thò Nghieäp**

8. Trần Văn Hai

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông **TRẦN VĂN PHỤ**
Bà **PHẠM THỊ ĐĨ**

- ❖ Ông **Trần Văn Phụ**, tục gọi **ông Nghĩa**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông bà Trần Văn Cang và bà Lê Thị Túy. Bản chất ông thật thà, siêng năng, cần kiệm, được bà con và xóm làng yêu thương.

Ông sinh năm 1895 (Ất mùi), mất ngày 7 tháng 10 Âm lịch. Mộ ông táng tại Vườn Dòng, đã di táng về xứ Duối Một (ngõ bà Đội Nhị) thôn Bò đề, xã Đức Nhuận.

- ❖ Bà **Phạm Thị Đĩ**, tục gọi **bà Nghĩa**, là con gái ông Phạm Di, quê thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

Bà sinh năm 1906 (Bính Ngọ), mất ngày 21 tháng 11 năm 2000 (Canh Thìn). Mộ bà táng tại xứ Duối Một, thôn Bò đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 9 người con (6 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Nghĩa** (mất sớm)
2. **Trần Văn Nhon**
3. **Trần Văn Bường**
4. **Trần Văn Được**
5. **Trần Văn Thương**
6. **Trần Văn Đủ**
7. **Trần Thị Phương**, chồng là Lê Tha, con ông Lê Hộ ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận.
8. **Trần Thị Mười**, có chồng là Lê Ngọc Phú, ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận
9. **Trần Thị Một**, có chồng là con trai ông Cửu Mai, ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông **TRẦN VĂN TÂN**
Bà **ĐOÀN THỊ VUN**

- ❖ Ông **Trần Văn Tân**, tục gọi **ông Tình**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Cang và bà Lê Thị Túy.

Ông sinh năm 1920 (Canh Thân), mất ngày 18 tháng 7 Âm lịch. Mộ ông táng tại nghĩa địa Núi Điệp, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận. Ông là người rất hiền lành, thực thà, vui tính, rất mực thương yêu con cháu và quý mến họ hàng. Ông rất khéo tay, làm được nhiều nghề: nấu đường, nghề nông, nghề mộc, bà con xóm làng ai cũng mến yêu.

- ❖ Bà **Đoàn Thị Vun**, có tên là Đây, hay gọi là **bà Tình**, con gái ông bà Đoàn Thêu quê thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận. Trước khi làm vợ ông Trần Văn Tân, bà có con gái riêng là Lê Thị Đây. Bà đưa con thơ về sống với chồng sau, được hai ông bà nuôi dưỡng khôn lớn, gã chồng như con chung.

Bà sinh năm 1909 (Kỷ Dậu), mất, Mộ bà táng tại nghĩa địa Núi Điệp, thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 4 người con (2 trai, 2 gái):

1. **Trần Thị Tình**, hay Trần Thị Nguyệt, có chồng trước là Nguyễn Văn Ngôn, con ông bà Nguyễn Yên ở thôn Bồ Đề. Chồng đi tập kết ra Bắc (1954), bà ở lại lấy chồng khác là Nguyễn Văn Sơn quê ở xã Đức hiệp, huyện Mộ Đức.
2. **Trần Văn Lưu**
3. **Trần Văn Cựu**
4. **Traàn Thò Tôùi**

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông **TRẦN VĂN DU**
Bà **NGUYỄN THÒ HIEÀN**

- ❖ Ông **Trần Văn Du**, tục gọi ông **chín Du**, Oâng sinh naêm 1911 (Tân hời) thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Cang và bà Lê Thị Túy. Ông mất ngày 29 tháng 5 Âm lịch. Mộ ông táng tại thôn Khánh Vân, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh.

Lúc nhỏ, mồ côi cha mẹ ông đã một thời làm con nuôi ông Ngô Tư ở thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận. Lớn lên ông xuất gia tu hành tại chùa Khánh Vân thuộc xã Tịnh Thiện. Về sau hoàn tục, ông lấy vợ ở làng Châu Sa, nay thuộc xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh và lập nghiệp tại đây.

- ❖ Bà **Nguyễn thò Hieàn**, tuic thường gọi là **bà Hơn**.

Ông bà sinh hạ được 4 người con : 1 trai, 3 gái, phaàn lờn ñeàu maát sòùm chæ coøn laĩ duy nhaát moăt ngồôôi con gaùi coù teân laø:

- **Trần Thị Thuỷ**

---0-❧❧❧0---

Ông **TRẦN VĂN ĐƯỜNG**
 Bà chánh thất **VÕ THỊ THÍCH**
 Bà kế thất **TRỊNH THỊ ĐÓ**

❖ Ông **Trần Văn Đường**, tục gọi **ông Xang**, thuộc đời thứ sáu, là con trai út của ông Trần Văn Bép và bà Ngô Thị Tô.

Sinh thời ông là người rất khỏe, tháo vát, tính tình hiền hậu, thực thà, vui vẻ. Ông có nghề mộc giỏi, có uy tín với bà con.

Không rõ ngày sinh của ông. Ông mất ngày 12 tháng chạp Âm lịch. Mộ ông táng tại “gò Ông Đàm”, thôn Gia Hoà, làng Long Phụng nay là xã Đức Thắng.

❖ Bà chánh thất **Võ Thị Thích**, thường gọi bà Hai Thích hay **bà Xang** quê ở thôn Mỹ Khánh, xã Đức Thắng.

Không rõ ngày sinh của bà, hằng năm giỗ bà vào ngày .../... Âm lịch, Mộ bà táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng nay là xã Đức Thắng.

❖ Bà kế thất **Trịnh Thị Đố**, tục gọi **bà Nghiêm**, con gái thứ của ông Trịnh Chanh, quê thôn Mỹ Khánh, xã Đức Thắng.

Không rõ ngày sinh của bà. Bà mất ngày 22 tháng 7 Âm lịch. Mộ bà táng tại nghĩa địa Núi Diệp.

Ông và các bà sinh hạ được 8 người con (5 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Xang** (mất tích)
2. **Trần Văn Xự** (mất sớm)
3. **Trần Văn Liễu**
4. **Trần Thị Cống** (mất sớm)
5. **Trần Thị Nói** (mất sớm)
6. **Trần Văn Dục**
7. **Trần Nhâm** (mất sớm)
8. **Trần Văn Bính**

Chú thích: Từ thứ 5 đến thứ 8 là con bà kế thất

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông **TRẦN VĂN LIỄU**
 Bà **NGUYỄN THỊ TUẤT**

❖ Ông **Trần Văn Liễu**, tục gọi **ông Ngân**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Đường và bà chánh thất Võ Thị Thích.

Ông sinh năm.....,mất năm,Mộ ông táng tại nghĩa địa Núi Diệp, thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

Sinh thời ông là người siêng năng, trung hậu. Ông là thợ mộc có tay nghề cao và có lương tâm nghề nghiệp. Trong gia đình ông hết mực lo lắng cho con cái, giáo dục, khuyên bảo con cháu trong họ góp phần công, của để trùng tu mồ mã ông bà và bảo tồn nhà thờ họ, chăm lo việc phụng sự Tổ tiên.

❖ Bà **Nguyễn Thị Tuất**, là con gái ông bà Yểng ở thôn Mỹ Khánh, xã Đức Thắng

Bà sinh năm, mất năm

Ông bà sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái):

1. **Trần Ngân**
2. **Trần Thị Ngơ**, có chồng là Phạm Ngọc Thi, con trai ông bà Phạm Đãi ở thôn Bò Đề.
3. **Trần Thị Hiền**, có chồng về xã Đức Chánh
4. **Trần Điền**
5. **Trần Thị Chín**, có chồng tên Đoàn Nhơn con ông Đoàn Sanh (tức Đội Sanh) ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.
6. **Trần Văn Nhịn**.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN VĂN DỤC
Bà LÊ THỊ NÀ

❖ Ông **Trần Văn Dục**, tục gọi **ông Nga**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Đường và bà kế thất Trịnh Thị Đó. Ông theo chú trong họ là ông Cửu Đạm về sống ở làng Bò Đề, cưới vợ và lập nghiệp. Ông hiền lành siêng năng, thương yêu họ hàng con cháu. Về già ông sống thanh thản, yên vui với con cái, gần gũi và gắn bó với họ tộc.

Ông sinh tháng 5 năm 1914 (Ất Mão). Ông mất, Mộ ông táng tại nghĩa địa Núi Diệp.

❖ Bà là **Lê Thị Nà**, tục gọi **bà Nga**, là con gái thứ của ông Lê Nhứt và bà Nguyễn Thị Ngoạn ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Bà sinh năm 1921 (Tân Dậu). Bà mất ngày 2 tháng 7 năm 1988 (Mậu Thìn). Mộ bà táng tại nghĩa địa Núi Diệp, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 9 người con (5 trai, 4 gái):

- 1 **Trần Nga**
2. **Trần Thị Đề** (mất sớm)
3. **Trần Văn Đa**
4. **Trần Thị Nha**
5. **Trần Thị Chạy**
6. **Trần Văn Lại**
7. **Trần Thị Mau**
8. **Trần Văn Thông** (mất sớm)
9. **Trần Văn Mười**

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN VĂN BÌNH
Bà	NGUYỄN THỊ TỶ

- ❖ Ông **Trần Bình**, sinh năm 1926(Bính Dần),tục gọi ông **Một Bình**, tên chữ là Trần Đông, thuộc đời thứ bảy, là con trai út của ông Trần Văn Đường và bà kế thất Trịnh Thị Đó.

Ông theo chú trong họ là ông Cửu Đạm về làng Bò Đề từ nhỏ, lớn lên cưới vợ và lập nghiệp tại đây.

Tính ông thực thà thẳng thắn, siêng năng, cần cù. Tuy nhà nghèo ông quyết chí nuôi con ăn học thành đạt. Về giao mặc dù tuổi cao sùc yếu nhưng ông rất nhiệt tình đối với họ tộc trong việc tham gia trùng tu mồ mả , nhà thờ họ, chăm sóc nề nếp cúng tế Tổ tiên hàng năm.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Tỷ**, sinh năm 1930, tục gọi bà Một Bước, là con gái ông bà Nguyễn Hạng ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 5 người con (3 trai, 2 gái):

1. **Trần Thị Bước**
2. **Trần Liên**, tức Trần Hùng Anh, tốt nghiệp Đại học sư phạm, sống và dạy học ở Thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
3. **Trần Thị Xuyên**
4. **Trần Hồng Quân**, có năng khiếu kinh doanh, sinh sống ở tỉnh Bình Thuận.
5. **Trần Văn Dụng** (mất sớm).

---0-❀❀❀0---

Đời thứ năm

Ông TRẦN VĂN HỨA
Bà NGUYỄN THỊ TÀO

- ❖ Ông **Trần Văn Hứa**, tịch là **Trần Diễn**, tục xưng **thầy Ba Tuyết** thuộc đời thứ năm, là con trai thứ của ông Trần Văn Khương và bà Phạm Thị Phước.

Ông học chữ Hán, đỗ thí sinh, đi thi hương đỗ 2 trường, đến trường 3 thì hỏng. Tính ông rất cẩn trọng, dạy học trò rất đông, thờ phụng cha mẹ chí hiếu. Nhà nghèo, thỉnh thoảng có món ngon vật lạ, ông dành riêng để dâng lên cha mẹ. Được mời đi ăn giỗ, được biếu quà cáp, ông khư khư mang về dâng cho mẹ, lấy đó làm vui.

Không rõ ông sinh năm nào.... Ông mất ngày 25 tháng 8 năm Canh Tý. Mộ ông táng tại Vườn Minh thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận, toạ Tây, hướng Đông.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Tào**, là người làng Trung Yên, mất ngày 10 tháng 2 Âm lịch. Mộ bà táng tại Gò Mọi xứ Cưa làng Bồ Đề, xã Đức Nhuận, toạ Nam, hướng Bắc.

Ông bà sinh hạ được 8 người con (3 trai, 5 gái):

1. **Trần Văn Đảnh**
2. **Trần Văn Nại** (mất sớm)
3. **Trần Văn Ngưng**
4. **Trần Thị Tuyết**, tục gọi là Hương Nhuệ, có chồng làng An Bàng, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, có con tên là Bạ.
5. **Trần Thị Sum** (mất sớm)
6. **Trần Thị Hên** (là bà Ngao)
7. **Trần Thị Tụ** (lấy chồng về An Mỹ)
8. **Trần Thị Huống** (mất sớm)

---0-❀❀❀0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN ĐẢNH
Bà BUI THỊ VẠN

- ❖ Ông **Trần Văn Đảnh**, tịch là **Trần Duy** thường gọi **Thầy Thuý**, thuộc đời thứ sáu, là con trai của ông Trần Văn Hứa và bà Nguyễn Thị Tào.

Ông học chữ Hán, thi đỗ thí sinh, tinh thông khoa đoán số tử vi.

Ông sinh năm Mất ngày 25 tháng 9 Âm lịch. Mộ ông đã cải táng về Vườn Minh, thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

- ❖ Bà **Bùi Thị Vạn**, Bà sinh năm...., mất ngày 15 tháng 7 Âm lịch. Mộ Bà táng tại vườn nhà thờ, xóm 6, thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận (vườn nhà ông Trần Văn Hứa).

Ông bà sinh hạ được 6 người con (3 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Đái**, thường gọi ông Bón Đái, có vợ không có con, mộ ông chôn ở soi Bến Đình, mộ bà chôn ở Vườn Minh.
2. **Trần Văn Kế** (mất sớm)
3. **Trần Văn Út**
4. **Trần Thị Túy**, có chồng là Hương lễ Đền
5. **Trần Thị Lén**, có chồng về Chánh Lộ, huyện Tư Nghĩa
6. **Trần Thị Chén**, có chồng về xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

---0-❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN VĂN ÚT
Bà	LƯƠNG THỊ BỘ

❖ Ông **Trần Văn Út**, tục gọi **ông Toán**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Đánh và bà Bùi Thị Vận. Ông người hiền lành, thực thà, chất phát, bà con làng xóm ai cũng có thiện cảm.

Ông sinh ngày 4 tháng 10 năm 1910 (Canh Tuất). Mất ngày 11 tháng 12 năm 1973 (Quý Sửu), thọ 74 tuổi. Mộ ông táng tại Gò Thủ, xứ Thượng Tân, Bến Đình, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà **Lương Thị Bộ**, là con gái ông Nguyễn Đắc quê ở thôn An Tĩnh, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (3 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Toán**, sinh năm 1937, vợ là Bùi Thị Tờ ở xóm 6 thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận. Sinh các con :

1. Trần Thị Cúc
2. Trần Thị Toan (mất sớm)
3. Trần Thị Liệu
4. Trần Thị Thanh Huyền
5. Trần Văn Huynh
6. Trần Thị Kim Hiền

2. **Trần Văn Cui**, sinh năm 1943, vợ là Võ Thị Ngân, con ông Võ Nhơn quê xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa. Sinh các con:

1. Trần Ngọc Hùng
2. Trần Thị Kim Liên

3. **Trần Văn Trót**, sinh năm 1947, vợ là Lê Thị Trầm, con gái ông Lê Mỹ Liễu ở thôn Tân Định, xã Đức thắng, Sinh các con:

1. Trần Huy Cát
2. Trần Thị Mịn
3. Trần Văn Mẫn

4. **Trần Thị Tính**, có chồng là Nguyễn Út, có 3 con , đã mất.

5. Trần Thị Mên, có chồng là Phạm Ca con trai ông “Điển Nhạc” ở thôn Bồ Đề, có các con là: - Phạm Thị Trang , - Phạm Văn Diễm , - Phạm Thị Danh , - Phạm Văn Hiền.

6. Trần Thị Xiêm, có chồng là Lê Quang Sẻ ở thôn Vạn Mỹ, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, có các con là: - Lê Quang Việt , - Lê Quang Giang.

---0-❀❀0---

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN NGƯNG
Bà chánh thất	LƯƠNG THỊ ĐÀNG
Bà kế thất	L Ê TH Ị CAM
Bà thứ thất	LÊ THỊ NGAY

❖ Ông **Trần Văn Ngưng**, tục gọi **ông Nghị** hay còn gọi là **ông Ngọt**, thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông Trần Văn Hứa và bà Nguyễn Thị Tào.

Ông mất ngày 7 tháng 2 Âm lịch. Mộ ông táng tại gò kho, xứ Duối Một thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà chánh thất **Lương Thị Đàng**. Bà cùng ông sinh hạ được 1 người con gái:

1. **Trần Thị Nghị** (mất sớm).

❖ Bà kế thất **Lê Thị Cam** ; Bà cùng ông sinh hạ được 4 người con gái:

1. **Trần Thị Ngọt**

2. **Trần Thị Ngành**

3. **Trần Thị Chúi**

4. **Trần Thị Rau**

Tất cả đều mất sớm.

❖ Bà thứ thất **Lê Thị Ngay** ; Bà cùng ông sinh hạ được 3 người con gái:

1. **Trần Thị Dây** (mất sớm)

2. **Trần Thị Đây**, có chồng là Nguyễn Trữ, quê ở thôn Gia Hoà, Đức Thắng, có 4 con: - Nguyễn Thị Sỷ, - Nguyễn Thị Nhung, - Nguyễn Quốc Hoàng, - Nguyễn Quốc Học.

3..**Trần Thị Nề**, có chồng là Nguyễn Trọng ở thôn Bồ Đề, có các con là: - Nguyễn Thị Trọng, - Nguyễn Thị Miên, - Nguyễn Văn Lào, - Nguyễn Văn Xiêm,- Nguyễn Thị Nhựt.

---0-❀❀0---

Đời thứ tổ

Ông	TRẦN VĂN THẠNH
Bà	ĐOÀN THỊ HUẤN

❖ Ông **Trần Văn Thạnh**, tục gọi **ông Lệ**, thuộc đời thứ bốn, là con trai thứ của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ.

Không rõ năm sinh của ông, ông mất ngày 29 tháng 10 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Bàu Lại làng Bò Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, toạ Đông, hướng Tây, đã cải táng về tại Vườn Lồng, xứ Thượng Tân, Bến Đình, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà **Đoàn Thị Huấn**, sinh ngày, mất ngày.....Mộ bà táng tại Núi Điệp, toạ Tây, hướng Đông, thôn Bò Đề.

Ông bà sinh hạ được 4 người con (2 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Lệ**
2. **Trần Văn Ngạn**
3. **Trần Thị Lướt**, có chồng là Trịnh Quyền (Cai Quyền) người làng Long Phụng, có con trai là: - Trịnh Cẩm, - Trịnh Gân.
4. **Trần Thị Giàu** (mất sớm)

---0-❧❧-0---

Đời thứ năm

Ông	TRẦN VĂN LỆ
Bà	

❖ Ông **Trần Văn Lệ**, tục gọi **ông Bải**, thuộc đời thứ năm, là con trai trưởng của ông Trần Văn Thạnh và bà Đoàn Thị Huấn.

Ông sinh ngày, mất ngày, Mộ ông táng tại Gò Đường, thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

❖ Bàsinh ngày, mất ngày..... Mộ bà táng tại.....

Ông bà sinh hạ được 3 người con (1 trai, 2 gái)

1. **Trần Văn Bải**, tục gọi ông Khuông, ông có vợ sinh con trai tên là Khuông (maát sòùm). Không rõ ngày sinh, ngày mất của Ông.
2. **Trần Thị Văn**
3. **Trần Thị Vện**

---0-❧❧-0---

Đời thứ năm

Ông **TRẦN VĂN NGẠN**
Bà **NGUYỄN THỊ CỬI**

❖ Ông **Trần Văn Ngạn**, tục gọi **Cai Cui**, thuộc đời thứ năm, là con trai thứ của ông Trần Văn Thạnh và bà Đoàn Thị Huân.

Ông sinh năm, ông mất ngày 9 tháng 9 Âm lịch, mộ ông táng tại xứ Cura thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận, toạ tây, hướng đông.

❖ Bà **Nguyễn Thị Cui** (gõii theo tên con nãàu loong?), người làng Trung Yên, nay thuộc xã Đức Chánh. Bà mất ngày 9 tháng 5 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Thượng Vông thôn Bò Đề, toạ Nam, hướng Bắc.

Ông bà sinh hạ được 3 người con (1 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Nhàn**
2. **Trần Thị Mai** (có cháu tự tên là Nguyễn Hoà)
3. **Trần Thị Xưa**.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông **TRẦN VĂN NHÀN**
Bà **NGUYỄN THỊ MINH**

❖ Ông **Trần Văn Nhàn**, tục gọi **ông Tùng**, thuộc đời thứ sáu, là con trai duy nhất của ông Trần Văn Ngạn và bà Nguyễn Thị Cui.

Ông mất ngày 4 tháng 4 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Thượng Vông, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà **Nguyễn Thị Minh**, quê Lạc Phố, làng Năng An, nay thuộc xã Đức Nhuận. Bà mất ngày 4 tháng 8 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ Cura thôn Bò Đề, toạ Đông, hướng Tây.

Ông bà sinh hạ được 4 người con (2 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Tùng** (mất sớm)
2. **Trần Văn Đáy**
3. **Trần Thị Thinh** (bà Ân), có chồng là Hương Dịch Ấm, người thôn Bò Đề
4. **Trần Thị Mưu** (mất sớm)

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN VĂN ĐÁY
Bà ĐOÀN THỊ NGUYỄN

❖ Ông **Trần Văn Đáy**, tục gọi **ông Luân**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Nhanh và bà Nguyễn Thị Minh.

Tính tình ông hiền lành, thẳng thắn, cần cù, thương yêu con cháu và có tinh thần xây dựng họ tộc. Ông giỏi việc nông trang, lại khéo tay đan lát. Vợ mất trước, ông sống với con cháu, tuổi thọ rất cao 93 tuổi.

Ông sinh năm 1908 (Mậu Thân), mất ngày ...tháng.... năm 2001 (TânTy). Mộ ông táng tại xứ Mu Ghe, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà **Đoàn Thị Nguyên**, là con gái đầu của ông Đoàn Nguyên, cháu nội ông Đoàn Thông ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Bà sinh năm 1910 (Canh Tuất), mất năm, mộ bà táng tại “Gò Sơn”, thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh hạ được 4 người con (3 trai, 1 gái):

1. Trần Xuân, vợ là Phạm Thị Rân con gái ông Phạm Rân ở thôn Bò Đề, sinh các con:

1. Trần Sương
2. Trần Dương
3. Trần Lực
4. Trần Thị Hoàng
5. Trần Thị Ngọ (mất sớm)

2. Trần Văn Chuân, vợ là Nguyễn Thị Này(mất sớm.), con gái bà Thiệt ở thôn Bò Đề. Sinh các con là:

1. Trần Tuấn
2. Trần Nên
3. Trần Thị Hư
4. Trần Thị Quá

3. Trần Văn Đẩu, vợ là Võ Thị Kiếm con gái ông Võ Kiếm. Sinh các con:

1. Trần Luật
2. Trần Lịnh
3. Trần Thị Lựu
4. Trần Đào

4. Trần Thị Diễm, có chồng là Phạm Mới, con trai ông Phạm Tự, ở thôn Bò Đề, có các con là: - Phạm Bền (Sử), - Phạm Bền (Sơn), - Phạm Thị Có (Nhưng), - Phạm Thị Bốn, - Phạm Năm.

---0-❧❧❧0---

Ông	TRẦN VĂN THÀNH
Bà chánh thất	NGUYỄN THỊ NÊN
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ TẤN

- ❖ Ông **Trần Văn Thành**, tịch là **Tiền**, tục danh **Thầy Kỳ**, thuộc đời thứ tư, là con trai thứ của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ, Ông tánh thông minh cần cù, học Hán tự giỏi, ông dạy chữ Hán học trò rất đông, làm thầy thuốc trị chứng thiên đởm rất tài, lại chuyên cần việc nông trang.

Ông nguyên quán làng Bồ Đề, không rõ ngày sinh của ông. Ông mất ngày 18 tháng 5 Âm lịch, hưởng thọ 75 tuổi. Mộ ông táng tại làng Vinh Phú, xứ Núi Đất có dựng bia xây mộ kiên cố cùng với mộ bà, tọa Thân hướng Dần.

- ❖ Bà chánh thất **Nguyễn Thị Nên**, là người làng Văn Bản. Nay thuộc xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức. Bà mất ngày 5 tháng 5 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ “Vòng Cưa” làng Bồ Đề, tọa Bắc, hướng Nam.

Ông bà sinh hạ được 2 người con gái:

1. **Trần Thị Kỳ** (mất sớm)
2. **Trần Thị Sứ** (mất sớm)

- ❖ Bà kế thất **Nguyễn Thị Tấn**, là người làng Phước Lộc, huyện Tư Nghĩa. Bà với ông đồng một tuổi, cùng thọ 75 tuổi, bà mất ngày 27 tháng 5 Âm lịch, đồng với ông một năm, một tháng, đồng táng một chỗ với ông.

Ông bà sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Hậu** (mất sớm)
2. **Trần Văn Cát** (mất sớm)
3. **Trần Văn Sách**, có tục danh là ông cụ Thăng
4. **Trần Thị Thô** (mất sớm)
5. **Trần Thị...**(mất sớm)
6. **Trần Thị Bốc**, tục danh bà Thi

(Xem chi tiết ôu phần cuối cuốn gia phả tờ trang 47 đến trang 49)

Đời thứ tổ

Ông	TRẦN VĂN THỐC
Bà	LÊ THỊ LÃNH

- ❖ Ông **Trần Văn Thốc**, thường gọi là **ông Phốc**, thuộc đời thứ tư, là con trai của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ.

Ông sinh ngày (...) mất 20 tháng 4 Âm lịch, mộ ông táng tại...

- ❖ Bà **Lê Thị Lãnh**, quê ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi.

Bà sinh năm Mất ngày 14 tháng giêng Âm lịch, mộ bà táng tại ...

Ông bà sinh hạ được 4 người con (3 trai, 1 gái).

1. **Trần Văn Phổ** (ông Chủ Hai)
2. **Trần Văn Xá** (mất sớm)
3. **Trần Văn Điện** (mất sớm)
4. **Trần Thị Lầu**, tục xưng là Thủ Vụ Dân, vợ ông Thủ Vụ Dân quê ở thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ năm

Ông	TRẦN VĂN PHỔ
Bà chánh thất	VƯƠNG THỊ...
Bà thứ thất	NGUYỄN THỊ THẠNH
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ THÍ

❖ Ông **Trần Văn Phổ**, tục xưng **Thầy Hai Chấn**, hiệu **Nguyên Phủ**, thuộc đời thứ 5, là con trai ông Trần Văn Thốc và bà Lê Thị Lãnh.

Ông giỏi chữ Hán, làm nghề dạy học và làm thầy thuốc. Học trò đến học ông rất đông, nghề thuốc ông cũng giỏi, trị lành bệnh có tiếng khen. Ông lại tinh thông võ nghệ, tính tình cương nghị, quả cảm, làm việc mẫn cán. Ông cùng họ Nguyễn, họ Võ dựng lại chùa “Già Lam” thờ đức Quan Thánh, ông được cử làm chức chủ bái, nên thường gọi là ông Chủ Hai. Ông mất ngày 28 tháng 7 Âm lịch, mộ Ông táng tại xứ Thượng Tân, thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

❖ Bà chánh thất chỉ biết họ **Vương**, không rõ tên, sinh hạ được 7 người con: (2 trai, 5 gái):

1. **Trần Thị Thuần** (mất sớm)
2. **Trần Thị Nấm** (mất sớm)
3. **Trần Văn Cuốn** (mất sớm)
4. **Trần Văn Đá** (mất sớm)
5. **Trần Thị Nhũ** (mất sớm)
6. **Trần Thị Bảnh**, (bà Hương Hường), có chồng về xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức.
7. **Trần Thị Ong**, (bà Hương Thọ), có chồng về xã Đức Hiệp, Mộ Đức.

❖ Bà thứ thất **Nguyễn Thị Thanh**, sinh hạ được 2 con (1 trai, 1 gái):

1. **Trần Văn Vú** (mất sớm)
2. **Trần Thị Nhụ** (mất sớm)

❖ Bà kế thất **Nguyễn Thị Thí (Sý)**, sinh hạ được 2 con:

1. **Trần Thị Sý**, có chồng là Tư Thơ Hỷ
2. **Trần Văn Bộc** (mất sớm)

---0-❧❧❧-0---

Ông TRẦN VĂN VÂN
Bà VÕ THỊ XÚNG

❖ Ông **Trần Văn Vân**, thường gọi là **ông Xứng**, thuộc đời thứ 4, là con trai của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ.

Ông sinh ngày Mất ngày 6 tháng 4 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, toạ Đông bắc, hướng Tây nam.

❖ Bà **Võ thị Xứng** (tên con). Bà mất ngày 6 tháng 9 Âm lịch. Mộ Bà táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, mộ toạ Đông Bắc, hướng Tây Nam.

Ông bà sinh hạ được 6 người con: (4trai, 2 gái)

1. **Trần Văn Xứng** (ông Tri).

2. **Trần Văn Đô** (mất sớm)

3. **Trần Văn Biên** (mất sớm)

4. **Trần Văn Ngoạn** (ông Tiềm)

5. **Trần Thị Hiếu**, tục xưng bà Caăn

6. **Trần Thị Lữ**, tục xưng bà Khiêm, bà có 2 đời chồng, đời trước là ông Đội Khiêm, có con trai tên là Khiêm, đời sau là ông Trịnh Sấm có con là Trịnh Như.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ năm

Ông TRẦN VĂN XÚNG
Bà (không rõ họ) THỊ CƠ

❖ Ông **Trần Văn Xứng**, tục gọi **ông Tri**, thuộc đời thứ năm, là con trai của ông Trần Văn Vân và bà Võ Thị Xứng.

Ông mất ngày 01 tháng 2 Âm lịch. Mộ ông táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng.

❖ Bà tục xưng là **bà Tri**, không rõ ngày sinh, ngày mất của bà.

Ông bà sinh hạ được 9 người con (3 trai, 6 gái):

1. **Trần Văn Chuối** (mất sớm)

2. **Trần Văn Đình** (mất sớm)

3. **Trần Văn Đố** (mất sớm)

4. **Trần Thị Tri**, có chồng về Sa Huỳnh, huyện Đức Phổ, có con tục gọi là bà Tuyền

5. **Trần Thị Hương**, có chồng về thôn Tân Định, có con là Nguyễn Thục, cháu nội là Nguyễn Thông

6. **Trần Thị Lân**, có chồng là ông Trùm Chuân

7. **Trần Thị Lý** (mất sớm)

8. **Trần Thị Tới**, có chồng nhưng không rõ tên chồng

9. **Trần Thị Đạt** (mất sớm)

---0-❧❧❧0---

Đời thứ năm

Ông

TRẦN VĂN NGOẠN

Bà

CAO THỊ GIẢNG

❖ Ông **Trần Văn Ngoạn**, thường gọi **ông Tiềm**, thuộc đời thứ 5, là con trai của ông Trần Văn Vân và bà Võ Thị Xứng (gọi theo tên con trai đầu của bà). Ông mất ngày 29 tháng 8 Âm lịch.

❖ Bà tên là **Cao Thị Giảng**, không rõ ngày sinh của bà. Bà mất ngày 12 tháng giêng Âm lịch.

Mộ ông bà táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng.

Ông bà sinh hạ được 5 người con: (3 trai, 2 gái)

1. **Trần Văn Tiềm**, tục gọi ông Nơ

2. **Trần Văn Tô** (mất sớm)

3. **Trần Văn Tâm** (mất sớm)

4. **Trần Thị Tố**

5. **Trần Thị Đốc**, tục gọi bà Chúc, lấy chồng về thôn Dương Quang

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông

TRẦN VĂN TIỀM

Bà

TRƯƠNG THỊ NGHI

❖ Ông **Trần Văn Tiềm**, tục xưng **ông Nơ**, thuộc đời thứ 6, là con trai của ông Trần Văn Ngoạn và bà Cao Thị Giảng, giỗ ông vào ngày ...

❖ Bà **Trương Thị Nghi**, là con gái ông Chín Tuyết, quê thôn Văn Bân, xã Đức Chánh, giỗ bà vào ngày....Hai mộ ông bà đều táng tại xứ Núi Đất làng Long Phụng.

Ông bà sinh hạ được 6 người con:

1. **Trần Văn Nơ** (mất sớm)

2. **Trần Văn Nào** tức ông Kiên

3. **Trần Thị Chưa**, có chồng là Nguyễn Lý ở thôn Tân Định

4. **Trần Văn Ngó** (mất sớm)

5. **Trần Văn Bên** (mất sớm)

6. **Trần Thị Rồi** (mất sớm)

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN VĂN NÀO
Bà NGÔ THỊ HOA

❖ Ông **Trần Văn Nào**, tục xưng **ông Kiển**, thuộc đời thứ 7, là con trai của ông Trần Văn Tiềm và bà Trần Thị Nghi.

Ông sinh ngày, Mất ngày do tai nạn giao thông, mộ ông táng tại

❖ Bà **Ngô Thị Hoa**, thường gọi bà Kiển, quê thôn Dương Quang, xã Đức Thắng.

Bà sinh ngày....., mất ngày

Ông bà sinh hạ được 7 người con: (5 trai, 2 gái)

1. **Trần Kiển** (mất sớm)
2. **Trần Văn Này**
3. **Trần Văn Ở**
4. **Trần Văn Coi**
5. **Trần Văn Chút**
6. **Trần Thò Hông**
7. **Trần Thò Cuộc**

---0-❧❧❧❧-0---

Đời thứ tám

Ông TRẦN VĂN HÓN

❖ Ông **Trần Văn Hón**, tục gọi **ông Tám**, thuộc đời thứ 4, là con trai của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ. Ông mất sớm không có vợ, con.

Bà Lương Thị Trữ, mẹ ông lúc lập phân thờ chia ruộng cho các con, có trí ruộng tuyệt tự cho ông, tục gọi đám “rào Ông Đình”. Ruộng này giao cho ông Trần Văn Phổ (tức ông chủ Hai, gọi ông Trần Văn Hón là chú thúc bá cận phòng) để lấy hoa lợi cúng giỗ ông.

Ông Trần Văn Phổ cũng không có con trai (tuyệt tự) nên chọn ông Trần Văn Chấn (tức ông Tú Tuấn, con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân) gọi ông Trần Văn Hón là ông nội thúc, gọi mình (Trần Văn Phổ) là chú thúc bá trong họ, để làm thừa tự cho chú và cho mình.

Phần ruộng canh kỵ nói trên được giao cho ông Trần Văn Chấn để lo cúng giỗ, còn nhà thờ tạm giao cho ông Trần Phụ (con trai ông Trần Văn Cang, thuộc phái trưởng) ở và nhang khói.

Sau 1954, con gái ông Trần Văn Phổ là bà Trần Thị Sý (tức bà Hỷ) phủ nhận sự thừa tự và lập tự của cha, dành lại phần ruộng để bán, dành lại nhà thờ cho con trai là Nguyễn Hạnh để ở và thờ vọng ông ngoại.

Mộ ông táng tại xứ Vông, được con cháu dựng bia vào ngày 10 tháng 3 năm Đinh Sửu (1997).

Hằng năm Xuân Thu nhị kỳ, họ tộc cúng giỗ 2 ông tại nhà thờ Cao tổ của dòng tộc họ Trần tại thôn 6 xã Đức Nhuận .

---0-❧❧❧❧-0---

Ông	TRẦN VĂN THÀNH
Bà chánh thất	NGUYỄN THỊ NÊN
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ TẤN

❖ Ông **Trần Văn Thành**, tịch là **Tiền**, tục danh **Thầy Kỳ**, thuộc đời thứ tư, là con trai thứ của ông Trần Văn Hưng và bà Lương Thị Trữ, Ông tánh thông minh cần cù, học Hán tự giỏi, ông dạy chữ Hán học trò rất đông, làm thầy thuốc trị chứng thiên đác rất tài, lại chuyên cần việc nông trang.

Ông nguyên quán làng Bồ Đề, đến khi cưới bà kế thất, ông sang ở làng Phước Lộc, thuộc huyện Tư Nghĩa cùng với bà gây dựng tư bản, rồi ông lại dời về ấp Tân Định, làng Long Phụng để tiện việc nông trang. (Ông bà có ruộng tại xứ Bàu Lát do cha mẹ kỹ phần). Về sau nhờ làm ăn khá giả ông bà mua thêm và chuộc lại các phần ruộng của anh em đã bán, thành thử vũng ruộng Bàu Lát đều thuộc sở hữu của ông bà. Ông trích hương hỏa và trí phần thực cho các con.

Không rõ ngày sinh của ông. Ông mất ngày 18 tháng 5 Âm lịch, hưởng thọ 75 tuổi. Mộ Ông táng tại làng Vinh Phú, xứ Núi Đất có dựng bia xây mộ kiên cố cùng với mộ bà, toạ Thân hướng Dần.

Năm 1983, con cháu đã di táng mộ ông về “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức.

❖ Bà chánh thất **Nguyễn Thị Nên**, là người làng Văn Bân. Nay thuộc xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức.

Bà mất ngày 5 tháng 5 Âm lịch. Mộ bà táng tại xứ “Vông Cura” làng Bồ Đề, toạ Bắc, hướng Nam. Năm 1983 con cháu đã di táng mộ bà về nằm cạnh mộ ông tại “Vườn mộ họ Trần”, thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 2 người con gái:

1. **Trần Thị Kỳ**, mất sớm vào ngày 7 tháng 11 Âm lịch, mộ táng tại xứ Núi Đất, làng Long Phụng, toạ Đông, hướng Tây Nam.

2. **Trần Thị Sứa**, mất sớm không rõ ngày nào, mộ táng về bên tả của thân mẫu.

Năm 1983 mộ Bà được di táng về “Vườn mộ họ Trần”.

❖ Bà kế thất **Nguyễn Thị Tấn**, là người làng Phước Lộc, huyện Tư Nghĩa. Bà có phần ruộng hơn 1 mẫu, vườn, đất dưới 1 mẫu, thuộc xứ Xích Thố, làng Phước Lộc. Khi cùng ông về Tân Định bà đem vườn đất giao lại cho cháu trai phái thứ bên bà lập nhà thờ để cúng giỗ ông bà cha mẹ của bà.

Bà với ông đồng một tuổi, cùng thọ 75 tuổi, bà mất ngày 27 tháng 5 Âm lịch, đồng với ông một năm, một tháng, đồng táng một chỗ với ông.

Năm 1983 mộ bà đã được di táng cùng với mộ ông về “Vườn mộ họ Trần”.

Ông bà biệt phái thi thiên khai cơ cho con cháu. Vì vậy 2 vị thân chủ của ông và bà trăm đời sau cũng không nên đổi. Ấy là tuân theo lễ chế vậy.

Ông bà sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái):

1. **Trần Văn Hậu** (mất sớm), mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”

2. **Trần Văn Cát** (mất sớm), mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”

3. **Trần Văn Sách**, có tục danh là ông cụ Thắng

4. **Trần Thị Tho** (mất sớm). Mộ táng tại xứ Núi Đất

5. **Trần Thị...**(mất sớm). Mộ táng tại xứ Núi Đất

6. **Trần Thị Bốc**, tục danh bà Thi, có chồng là **Phạm Hàng**, quê ở Phú Vinh về sống với bà ở ấp Tân Định, sinh các con:

- Phạm Thị Thi tục gọi bà **Ân**, lấy chồng về phái Lê Tuấn..., có các con là: - Lê Tuấn Cải (Hương Song), - Lê Tuấn Khách (ông Nhứt), - Lê Tuấn Khứa (ông Ngạnh), - Lê Thị Ân, - Lê Thị Ngãi, - Lê Thị Phận.
- Phạm Văn Doãn (Không có con).
- Phạm Văn Bảng tức ông Chờ *
- Phạm Văn Trung (mất sớm).
- Phạm Thị Tao, tục gọi bà **Huân** lấy chồng họ Huỳnh ở Tân Định, có các con là: Huỳnh Chung (tức ông Lân), Huỳnh Thị Láo (Đồng), Huỳnh Thị Châu có chồng về làng Long Phụng.
- Phạm Thị Thuần (mất sớm)
- Phạm Thị Thiệp có chồng là Thủ Sắc Sà quê ở ấp 4 thôn Văn Bân, xã Đức Chánh.

* Ông Phạm Văn Bảng và Bà (không rõ họ tên) sinh hạ:

- ✦ Phạm Lân thường gọi ông Gò, vợ là Nguyễn Thị Ruộng có các con là:- Phạm Sâu,- Phạm Thị Ngò,- Phạm Thị Hành, - Phạm Thị Tỏi, - Phạm Hẹ, - Phạm thị Lá, - Phạm thị Lay.
- ✦ Phạm Xây thường gọi ông Trờ, có vợ là Nguyễn Thị Xuân, có các con là: - Phạm Thị Trờ, - Phạm Thị Quyên, - Phạm Thân,- Phạm Thề.

Ông Bảng còn có bà kế thất tên là bà Luyến làm nghề đỡ đẻ (mụ vườn)

7. Trần Cui, là dưỡng tử (con nuôi).

Tính ông siêng năng làm việc “cùi cùi ” suốt ngày nên ông mang tục danh đó. Tổ tiên ông là người Tàu, cha ông sang Việt Nam lấy vợ Việt (bà này có họ hàng với bà Nguyễn Thị Tấn) sinh được 2 người con trai, người con trai cả về Tàu, ông là con thứ ở lại với mẹ. Có lẽ vì khó nuôi con, vả lại ông Cui có họ phía bà nên ông Trần Văn Thành nhận ông Cui về làm con nuôi .

Chú thích:

Ông Trần Văn Thành thuộc chi họ thứ ba, đời thứ tư của họ Trần Văn Khoa. Ông là người đông con, nhiều cháu. Ông lập chi họ thấp, có nhà thờ xây dựng kiên cố, khang trang ở ấp Tân Định, xã Đức Thắng, trước mặt có vũng ruộng Bàu Lát và dãy núi Long Phụng. Trong chiến tranh chống Mỹ, nhà thờ bị tàn phá, con cháu sống phân tán. Sau giải phóng miền Nam(1975), hoà bình lập lại, đến năm 1982 con cháu quyết định xây dựng lại nhà thờ chi họ ở ấp Nho Lâm thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi là nơi quê hương tổ quán. Và nhà thờ đã được xây dựng lại kế bên nhà ở của ông Trần Văn Sĩ con trai út của ông Trần Văn Ích, gọi ông Thành là ông Cỏ. Nhà thờ được khánh thành nhân ngày giỗ của Ông ngày 19 tháng 5 năm 1994 (Giáp Tuất).

Nhà thờ có 3 khám, thờ các tiên linh từ đời thứ 4 trở về sau:

- Khám giữa thờ ông Trần Văn Thành cùng các bà chánh , kế thất, các ông bà thuộc trường phái kế tự...
- Khám tả thờ vọng các chư vong linh thất tự.
- Khám hữu thờ vọng các chư vong linh bá thúc nội, ngoại.

Ở tiền sảnh, hai bên có khắc ghi hai câu đối:

*“ Vệ-Điệp chung linh sơn thủy tú,
Tùng-Mai hiệp đức tử tôn vinh.*

Sự tích của hai câu đối này như sau: Nguyên vào thời kỳ còn là thủ chỉ làng Bồ Đề, ông phán Phan (Trần Phiên) có viết hai câu đối để khắc vào cổng làng Bồ Đề, nguyên văn như sau:

*“ Vệ-Điệp chung linh sơn thủy tú,
Nho-Văn kiệt xuất đồng lương tài.”*

Tam dịch:

- Sông Vệ, núi Diệp chung nhau cái linh khí tạo nên cảnh có núi, có sông này quá đẹp! (chỉ làng Bồ Đề)

- Hai ấp Nho Lâm, Văn Hội (2 ấp cũ của làng Bồ Đề) có nhiều bậc danh nho là nhân tài, kiệt xuất có ích cho dân, cho nước (có tài lương đồng).

Sau năm 1945, cổng đình bị đập phá, hai câu đối trên đi vào quên lãng của dân làng sở tại. Để bút tích người xưa khỏi bị mai một, nhân dịp xây dựng lại nhà thờ mới, con cháu mượn (giữ) lại vế thứ nhất của câu đối (vẫn còn hợp nghĩa) và viết thêm vế mới: “ Tùng- Mai hiệp đức tử tôn vinh ”

Ý nói : (nhờ) Phúc đức của ông bà (Tổ tiên) hiệp lại (để) cho con cháu đời sau được vinh hạnh.

Hai vị thần chủ của ông bà, hai bức chân dung của con trai trưởng và dâu là ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân là những di vật thiêng liêng của dòng họ, được con cháu gìn giữ cẩn thận, nay được trang trọng an vị nơi khám thờ chính của nhà thờ mới, thực hiện đúng lời chỉ dạy của người xưa đã được ghi trong gia phả. Từ đây (1994) trôi về sau hàng năm, vào ngày 19 tháng 5 âm lịch con cháu từ mọi miền Trung - Nam - Bắc hướng về quê hương đất tổ, đi về đông đúc để kỷ niệm tưởng nhớ công đức sinh thành dưỡng dục của Tổ tiên. Và cũng từ đây đã hình thành lễ tục thắp hương tại nhà thờ Cao tổ vào chiều ngày hôm trước (18 - 5 Âm lịch) và con cháu cùng nhau về “Vườn mộ” của chi họ sáng 19 tháng 5 Âm lịch để thắp hương viếng mộ Tổ tiên và những người ruột thịt đã khuất.



Ông	TRẦN VĂN SÁCH
Bà chánh thất	LÊ THỊ BÂN
Bà thứ thất	NGUYỄN THỊ TIỀN

- ❖ Ông **Trần Văn Sách**, còn gọi là **ông cụ Thăng**, thuộc đời thứ năm, tên tịch và tên đi thi là **Trần Hoành** hay **Trần Hoàn**, hiệu là **Lữ Thụy** (chữ Thụy là Đoan Thận).

Ông sinh năm Kỷ Mùi (1859), Triều vua Bảo Đại năm Quý Dậu (1933) sắc tặng phong ông Hàm: **“Phụng Thiên Đại Phu Hàn Lâm Viện Thị Giảng”** theo quan chế **“Tùng Tùng Ngũ Phẩm”**.

Ông là con trai duy nhất còn lại của ông Trần Văn Thành và bà Nguyễn Thị Tấn. Ông tính trung hậu, nghiêm nghị. Thường nghe lúc nhỏ ông theo học chữ Hán với đường huynh là ông Trần Diên (tức ông Trần Văn Hứa), lớn lên ông theo học ông Tú tài Hồ Du, người miền Bắc nhập tịch làng Vinh Phú, sau lên tỉnh học với quan Đốc học, ông đi thi đỗ thí sinh và nhất, nhị trường. Ông tinh thông y học, làm thuốc trị bệnh nổi tiếng. Ngoài ra ông còn giỏi khoa địa lý và lý số. Ông nổi giữ cơ nghiệp cha mẹ, sinh con đông (9 trai, 7 gái) nuôi dưỡng trưởng thành, xây dựng gia thất...

Ông làm nhà thờ xây tường đá lợp ngói để thờ phụng ông bà, cha mẹ. Ông mất giờ Tỵ ngày 13 tháng 5 năm Đinh Mão (1927), thọ 69 tuổi. Mộ ông táng tại xứ Núi Đất toạ Giáp Canh kim Mẹo Dậu, hiện nay là “Vườn mộ họ Trần” chi họ ba, đời thứ tư tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- ❖ Bà chánh thất **Lê Thị Bân**, là con gái ông Lê Mỹ Vịnh, vốn dòng dõi cự tộc ở ấp Dương Quang, làng Long Phụng. Bà tính hạnh nhân từ, nữ công tinh thực, hiếu thảo với cha mẹ, giúp ông trong việc thờ cúng Tổ tiên thật chu đáo, may vá, bánh trái thông thạo, thờ cha mẹ chồng rất mực cung kính, cư xử với con chồng hoà thuận, trong nhà, trong họ đều khen, đều nể.

Bà sinh hạ được 5 trai 3 gái, nuôi dạy trưởng thành, lại biết thương con dòng thứ thất, nuôi dạy như con ruột mình.

Năm Quý Dậu (1933) Bảo Đại thứ 8, Bà được Vua phong: **“Tùng Ngũ Phẩm Nghi Nhân”**.

Bà sinh năm 1854 (Giáp Dần). Bà mất ngày 26 tháng 8 năm Đinh Tỵ (Bảo Đại thứ 10), tức 23 tháng 9 năm 1935. Thọ 82 tuổi. Mộ bà táng tại xứ Núi Đất, nay là “Vườn mộ họ Trần”, toạ Mẹo Dậu Kim Giáp Canh, gần mộ ông (bên tả).

- ❖ Bà thứ thất **Nguyễn Thị Tiền** tục xưng **bà Thiết**, còn gọi là **bà Năm**, con gái ông Hương Trữ ở thôn Trước Viên làng Đông Dương, nay là thôn Dương Quang thuộc xã Đức Thắng. Bà đồng một tuổi với ông, sinh năm 1859 (năm Kỷ Mùi) và mất ngày ngày 6 tháng 12 năm Ất Hợi (31/12/1935), thọ 77 tuổi. Mộ bà táng ở “Vườn mộ họ Trần” gần mộ ông (bên hữu).

Ông cùng 2 bà sinh hạ được 16 người con (9 trai, 7 gái). Không phân biệt con dòng chánh, thứ, ai sinh ra trước đều được là anh chị. Thứ tự như sau:

1. **Trần Văn Thăng** (tịch là Trần Phiên)
2. **Trần Văn Hằng** (tịch là Trần Thường)
3. **Trần Văn Chấn** (tịch là Trần Tuân)
4. **Trần Văn Phục** (tịch là Trần Đại)
5. **Trần Văn Ích** (tịch là Trần Đạm)
6. **Trần Văn Thiết** ^(*)(mất sớm)⁽¹⁾
7. **Trần Thị Liêm** ^(*) (mất sớm)⁽²⁾
8. **Trần Văn Đẩu** ^(*) (ông Mỹ)
9. **Trần Thị Địch** ^(*)(bà Hương Sảng)
10. **Trần Thị Tiềm** (bà Chủ Cúc)

11. **Trần Thị Nghi** (*) (bà Xã Phái)
12. **Trần Thị Tuỳ** (bà Thủ Phò)
13. **Trần Văn Tợ** (*) (ông Sử)
14. **Trần Thị Dự** (bà Thí)
15. **Trần Thị Thuận** (*) (bà Hương Văn)
16. **Trần Văn Huệ** (*) (ông Bông)

Chú thích:

(1) Những người có đánh dấu (*) là con bà thứ thất.

(2) Bà Trần Thị Liêm mất ngày 25 tháng 7 Âm lịch. Hàng năm cúng giỗ vào ngày 27 tháng 7 Âm lịch (theo chú thích của ông Trần Hoán).

Để có một khu đất dành riêng chôn cất những người trong thân tộc khi qua đời, ngày ...tháng... năm 1927 (Đinh Mão) ông Trần Văn Thẳng con trai trưởng đứng ra mua một mảnh đất cát 2 sào rưỡi của ông bà thông gia Huỳnh Giảng (ở xóm ngoài). Cũng trong năm đó ông mua thêm khoảnh đất khác kế bên (phía Nam) rộng 3 sào của ông bà Trữ ở thôn Đại Thạnh, làng Long Phụng. Tổng cộng 2 khoảnh đất có diện tích 5 sào rưỡi (2734m²) và đặt tên khu đất là “Vườn mộ”. Năm 1994, Hội đồng gia tộc đặt tên chính thức cho khu đất là “Vườn mộ họ Trần” chi họ 3, và đã được con cháu nội ngoại các đời thứ 7, thứ 8 góp công sức, tiền của để trùng tu, nâng cấp: xây tường rào, cổng ngõ, thiết lập đài hương.... Tại cổng chính ra vào khu vườn mộ có khắc ghi câu đối:

“Phước địa hồi long, hoài bửu cốt. Ân thiên hiệp phụng, phát linh tâm”

Tạm dịch: Con Rồng ôu hồ ờùng Taây chầy xuóng ãnán bôø bieãn Ñông quay đầu trở lại hiệp cùng con Phụng (núi Long phụng) tạo nên cuộc đất Hoài long lưu giữ vĩnh cửu hài cốt của Tổ tiên thân yêu cho đời sau con cháu gìn giữ. Và được ơn trời sau này tâm linh con cháu họ Trần sẽ phát tiết hơn người !



Ông	TRẦN VĂN THẮNG
Bà chánh thất	LƯƠNG THỊ XUYỀN
Bà kế thất	PHẠM THỊ NGHIỆP
Bà thứ thất	TRẦN THỊ XUÂN

❖ Ông **Trần Văn Thắng**, tịch là **Trần Phiên**, tên chữ là **Lỗ Ngọc**, hiệu **Long Trì**, thuộc đời thứ sáu, là con trai trưởng của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Ông theo Nho học, có chí khoa bảng, thi đỗ làm quan, ông còn đọc thông viết thạo chữ Quốc ngữ.

Năm Thành Thái thứ 12, tức năm Canh Tý (1900) ông thi đỗ Tú Tài.

Năm Duy Tân thứ 6, tức năm Nhâm Tý (1912) ông thi đỗ Giải Nguyên (thủ khoa Cử nhân).

Năm Duy Tân Thứ 10, ngày 01 tháng 01 năm Bính Thìn (1916) ông được bổ thọ Hàn lâm viện Diên tịch, phái Hậu bổ tỉnh Bình Thuận.

Năm Khải Định thứ 3, tức năm Mậu Ngọ (1918) thăng Hàn lâm viện Biện Tu.

Năm Khải Định thứ 5, tức năm Canh Thân (1920) thăng chức Hàn lâm viện Tu Soạn. Năm ấy ông có thành tích vận động dân mua Quốc trái thắng số.

Năm Khải Định thứ 6, ngày 01/01/1921 tức năm Tân Dậu thăng chức Hàn lâm viện Trước tác. Cũng tháng 10 năm ấy ông được bổ làm Thông phán tỉnh Bình Định.

Năm Bảo Đại thứ 2, tháng giêng năm Đinh Mão (1927) thăng Hàn lâm viện Thị Giảng.

Năm Bảo Đại thứ 5, ngày 5 tháng 2 Canh Ngọ (1930) thăng Hàn lâm viện Thị độc.

Năm Bảo Đại thứ 6, ngày 5 tháng 01 năm Tân Mùi (1931) được thưởng Kim tiền hạng 3.

Năm Bảo Đại thứ 7, ngày 01 tháng 01 năm Nhâm Thân (1932) được thăng Quang Lộc Tự Thiếu Khanh. Hồi hưu ngày 4 tháng 2 được cấp lương toàn bổng 5 tháng.

Năm Bảo Đại thứ 8 tức năm Quý Dậu (1933), Văn cáo tang cha được phong lên hàm Hàn lâm viện Thị Giảng, mẹ được phong lên hàm tòng Ngũ Phẩm Nghi Nhân.

Năm Bảo Đại Thứ 12, tức năm Đinh Sửu (1937) dựng bia, xây mộ cho cha mẹ.

Năm Bảo Đại Thứ 13, tức năm Mậu Dần (1938) dựng bia, xây mộ cho ông bà nội.

Năm Bảo Đại thứ 14, tức năm Kỷ Mão (1939) hiệp với bốn tộc xây dựng nhà thờ Cao tăng bằng ngói tại ấp Văn Hội, làng Bồ Đề, xã Đức Nhuận

Ông sinh vào giờ Sửu ngày 2 tháng 7 năm Đinh Sửu (1877) là năm Tỵ Đức thứ 30. Ông mất ngày 27 tháng 11 năm Canh Dần (1950), hưởng thọ 73 tuổi. Hàng năm kỵ giỗ ông vào ngày 26 tháng 11 Âm lịch. Mộ ông táng tại “Vườn mộ họ Trần”, thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Chú thích:

Tương truyền các vị nhân sĩ trong địa phương trong đó có cụ Đoàn Sanh nhiều lần kể lại: “ Quan Thị không những có học vấn uyên thâm mà còn có tài thi đối ... Tại khoa thi Nhâm Tý (1912) đề thi ra: “ Sở dục vô cùng, sở tham vô yểm” phải viết theo thể Phú nghị luận. Quan Thị đem tất cả Văn tài, làm bài thật xuất sắc: Nghĩ rằng bài Phú nghị luận của mình chưa lột hết tinh thần của đề thi, nên cuối bài Quan Thị vịnh thêm bốn câu thơ trác tuyệt:

*“ Ngũ Đế, Tam Hoàng dục đắc thiên,
Thạch Sùng, Vương Khải hận vô tiền,
Tây Thi đối ảnh du hiềm xú,
Bành Tổ cầu nhan chúc thọ niên.”*

Có lẽ nhờ bài thơ trên đã bổ túc cho Văn bài thêm hay, điều mà sĩ tử cùng khoa thi không ai sánh kịp, nên ngài đỗ thủ khoa Cử nhân năm đó”.

Tạm dịch như sau:

“Nghĩa đề thi: Sự ham muốn là không cùng, sự tham lam là không đáy.

Nghĩa 4 câu thơ: Các vua thời Tam Hoàng Ngũ Đế của nước cổ Trung Hoa, có nhiều công đức với nước, với dân, thiên hạ được hưởng thái bình, được tiếng minh quân ... còn muốn được như “ông trời”. Thạch Sùng, Vương Khải bên Taòu là những nhà giàu có “nứt đổ đổ vách” nhưng vẫn hạn là còn ít tiền. Nàng Tây Thi đẹp nhất nước, khi soi gương vẫn nhăn mặt, cho mình còn xấu. Sống lâu như Bành Tổ mà còn đốt hương cầu được sống lâu”.

Tại trường thi này, trước đây có nhiều thủ khoa là người Quảng Ngãi, bây giờ có thủ khoa Trần Phiên cũng là người Quảng Ngãi, nên dân gian có câu:

“Tiếc công Bình Định xây thành

Để cho Quảng Ngãi vô giành thủ khoa”.

Thi đối của ông không được sưu tập, hầu hết ông làm để tặng thân bằng, cố hữu, thông gia ..., các câu liễn đối viết tại nơi thờ phụng v.v... Tại cổng đình làng Bò Đề có 2 câu đối của ông:

“Vệ -Diệp chung linh sơn thủy tú,

Nho - Văn kiệt xuất đồng lương tài”

Tạm dịch:

- Sông Vệ, núi Diệp chung nhau cái linh khí tạo nên cảnh có núi, có sông này quá đẹp! (chỉ làng Bò Đề)

- Hai ấp Nho Lâm, Văn Hội (2 ấp cũ của làng Bò Đề) có nhiều bậc danh nho là nhân tài, kiệt xuất có ích cho dân cho nước (có tài lương đồng).

Tại nhà thờ họ Trần ở thôn Văn Hội có 2 câu đối:

“Thương nghiệp khai cơ, tổ hữu công, tôn hữu đức.

Kế chí viễn sự, tử như sanh, vong như tồn”

Đại ý nói lên công trạng của tổ tiên đã mở đầu cơ nghiệp bằng nghề buôn bán, tổ có công con cháu có đức. Nói chí người xưa, chết như còn sống, mất như vẫn còn mãi ... Ngụ cư tại Long Phụng, ông vẫn là Thủ chỉ của làng Bò Đề (làng nguyên quán).

❖ Bà chánh thất **Lương Thị Xuyên**, là con gái ông Lương Quốc, tục gọi là ông Phú ở thôn An Tĩnh, làng Long Phụng. Bà sinh năm 1881 (Tân Ty), lấy chồng lúc 17 tuổi, được tiếng dâu hiền, hiếu thảo với cha mẹ chồng, hoà thuận với các em chồng, siêng năng tiết kiệm và là người nội trợ giỏi.

Tháng 01 năm Khải Định thứ ba (1918) từ quê bà đem 2 con là Trần Thị Ý và Trần Giới đến chỗ hoàn thư theo chồng. Ngày 7 tháng 8 năm Mậu Ngọ (1918) bà sinh Trần Thị Đính, đến tháng chạp năm ấy ngộ bệnh hàn nhiệt hạ lợi *. Bà mất lúc giờ Sửu ngày 14 tháng chạp năm Mậu Ngọ (1918) hưởng dương 38 tuổi. Mộ bà táng tại tỉnh Bình Thuận, đến tháng 2 năm Khải Định thứ 6 (1921) mới đưa hài cốt bà về Quảng Ngãi, cải táng tại “Vườn Chung” (rẫy bà Chỗ) xứ Núi Đất, làng Long Phụng.

Bà mất đột ngột quá sớm, chưa thực hiện được ý định cưới vợ lẽ cho chồng để hầu hạ

ông ở Bình Thuận, còn bản thân bà về lại quê hương để hầu hạ cha mẹ chồng, làm tròn trách nhiệm người dâu trưởng của họ tộc. Bà mất ai cũng thương tiếc...

* Bị bệnh dềch tả

Bà cùng ông sinh hạ được 7 người con (3 trai, 4 gái):

1. Trần Thị Cẩm, sinh năm Canh Tý (1900) có chồng là Trần Cang (tức Chánh Ký) con ông Cừ Bổng, quê làng Bồ Đề, bà không có con, coi con riêng của chồng là Trần Quý Khuê (Trần Ký) như con mình. Bà thường được gọi là bà Chánh Ký.

2. Trần Thị Ý, sinh năm Quý Mão (1903) có chồng là Lê Huyền, con trai ông Bá Hành quê Đề An, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành. Bà thường gọi là bà Giám Quý. Bà có 2 con (1 trai, 1 gái):

- Lê Thị Quý, sinh năm 1927, đã lấy chồng nhưng chồng mất năm 1945, sau vài năm bà cũng mất theo.
- Lê Hoàng, sinh năm 1929 có vợ là Phạm Thị Biên, có các con là: - Lê Ngôn, - Lê Bảo, - Lê Viên Bình. Ông còn có 2 con riêng Lê Chí Cồông, Lê thò Dieãm>

3. Trần Giám, sinh ngày 30 tháng 8 năm Bính Ngọ (1906) mất ngày 9 tháng 9 năm Nhâm Tý (1912) hưởng dương 7 tuổi.

4. Trần Thị Luyện, thường gọi là bà Phó Đoàn sinh năm 1909, có chồng là Lê Hoàng (tục gọi ông Phó Đoàn), con trai ông Lê Tuấn Khải (Tú Khải) ở thôn Thanh Long, xã Đức Thắng. Có các con:

- Lê Ri, sinh năm 1931 đã học đến đệ nhị trung học, bị bệnh và mất năm 1951.
- Lê Thị Rí, sinh năm 193..., lấy chồng là Đỗ Tất Hưng quê ở Quảng Nam, có các con là: - Đỗ Thị Tuyết Nga, - Đỗ Tất Đạm, - Đỗ Tất Đang, - Đỗ Tất Đáng, - Đỗ Tất Đông, - Đỗ Tất Đăm, - Đỗ Thị Dung Nghi.
- Lê Thị Trung, sinh năm 19.., không lập gia đình, về già sống với kẻ mẫu ở xã Đức Thắng

5. Trần Giới

6. Trần Kinh, sinh ngày 1/9 năm Ất Mão (1915), mất năm Bính Thìn (1916).

7. Trần Thị Đính, sinh năm Mậu Ngọ (1918), thường gọi là bà Tám Đính. Lúc nhỏ bà học đồ sơ học yếu lược. Thời Pháp thuộc, bà làm nữ hộ sinh ở nhà thương Quảng Ngãi. Chồng là ông Bùi Thành, làm việc tại Nông phố ngân hàng tỉnh. Sau cách mạng tháng 8/1945 ông làm kế toán trưởng tại kho thóc Quảng Ngãi. Ông là con ông Bùi Xố, quê ở làng Ba La, xã Nghĩa Đồng huyện Tư Nghĩa.

Ông bà có 5 con:

- Bùi Lãng, sinh năm 1942 (Nhâm Ngọ) mất sớm.
- Bùi Thị Trâm, sinh năm 1945 (Ất Dậu), có chồng là Đỗ Hiệp Phó, Bác sĩ Bệnh viện Nhi Đồng 1 tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Có ba con là: - Đỗ Liêm,- Đỗ Thị Ý Nhi, - Đỗ Thị Lan Nhi.
- Bùi Thị Nhạn, sinh năm 1949(Kỷ Sửu). Hiện là hiệu phó trường phổ thông cơ sở. Chồng là Đỗ Hiệp Đức. Có một con gái tên là Thảo Nhi.
- Bùi Thị Vân, sinh năm 1951 (Tân Mão), chồng là Trần Đạo gia đình định cư ở Mỹ. Có 3 con: - Trần Hữu Nghĩa, - Trần Hữu Phương, - Trần Thị Thuý Nhi.
- Bùi Thị Minh, sinh năm 1948 (con riêng của ông Bùi Thành). Chồng là Phan Tuấn, có 2 con: - Phan Thị Thanh Loan, - Phan Tuấn Huy.

❖ Bà kế thất **Phạm Thị Nghiệp**, thường gọi là **Bà Mười** con gái ông Phạm Vĩnh Tích, có quê gốc ở thôn Thế khương, làng Long phụng, nay thuộc xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư nghĩa. Ông cha Bà vào định cư sinh sống tại làng Vĩnh Thạnh, huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Sinh thời bà là người có cử chỉ đoan trang, tính tình lịch thiệp, vui vẻ. Tuy tuổi đời xấp xỉ tuổi con chồng, nhưng bà luôn giữ được mối thiện cảm với các em chồng và con chồng. Bà được tiếng hiền đức, sống nhân hậu, thành thực với mọi người, ân cần và mến yêu con cháu nên ngoài xóm làng, trong họ tộc đều đem lòng quý trọng. Tuy từng sống đời mệnh phụ, khi có biến bà thích nghi với

mọi hoàn cảnh. Vốn khéo tay bà luôn làm được nhiều việc: May vá, nấu nướng, đan, thêu, bán buôn...Bà có sở trường làm món dưa món tuyệt ngon.

Người con trai duy nhất đi tập kết ra Bắc, bà ở lại quê nhà sống với vợ chồng người con trai trưởng của chồng, gánh vác việc phụng tự ông bà. Lúc chiến tranh bà phải sống nhiều nơi: Khi ở Bồ Đề, khi ở Thị xã Quảng Ngãi. Hoà bình lập lại bà sống ở thị xã Qui Nhơn, Sài Gòn cùng với dâu và cháu nội. Những năm cuối đời bà ra Hà Nội sống với con trai và mất ở ngoài ấy.

Bà sinh năm Tân Hợi (1911) mất lúc 4 giờ ngày 10 tháng 12 năm Quý Dậu (1994), hưởng thọ 84 tuổi. Thi hài bà được hoả táng tại đài hoả thân “Hoàn Vũ” Hà Nội và di táng về “Vườn mộ họ Trần” ngày 18 tháng 5 năm Giáp Tuất (1994).

Bà cùng ông sinh hạ được 1 con trai:

◆ **Trần Văn Cẩn**

- ❖ Bà thứ thất **Trần Thị Xuân**, thường gọi là Bà Năm, là con gái ông đội Phương quê làng Dương An, xã An Ngãi, ngoại thành Bình Định (gần chợ chiều, sát quốc lộ 1 về phía đông). Bà sinh được một con gái (mất sớm chưa đặt tên), bà mất vào ngày 18 tháng giêng Âm lịch. Mộ bà táng tại đất quan phòng, phía bắc thành Bình Định(nay vẫn chưa tìm thấy). Bà là người hiền lành, thật thà và sống cần kiệm.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông:	TRẦN GIỚI
Bà chánh thất	NGUYỄN THỊ HƯỜNG
Bà thứ thất	... UÙ

- ❖ Ông **Trần Giới**, thường được gọi là ông **Ấm Giới** thuộc đời thứ bảy là con Trưởng nam của ông Trần Văn Thăng và bà Lương Thị Xuyên. Ông sinh năm Nhâm Tý (1912). Lúc nhỏ ông theo học ở các trường Pháp-Việt, đỗ Sơ học Yếu lược năm Bảo Đại thứ 4 (1929), qua bậc tiểu học và học hết năm thứ 4 ban thành chung trường Pellerin Qui Nhơn.

Năm Bảo Đại thứ 11(1936) ông được cấp bằng Ấm sanh và được bổ làm hiệu trưởng trường sơ học Long Phụng. Sau cách mạng tháng 8/1945 ông tiếp tục dạy học và làm hiệu trưởng các trường tiểu học trong huyện Mộ Đức. Sau năm 1954 nhờ có vốn Pháp văn ông chuyên tâm nghiên cứu Tây y, làm thầy thuốc và làm ruộng. Lúc dạy học, ông nổi tiếng là người dạy học trò rất giỏi. Tương truyền có một năm lớp ông dạy có 40 học sinh đi thi, đậu 39 người, sót lại 1 người bỏ thi vì bị ốm đau. Thôi nghề dạy học, ông cũng là thầy thuốc có nhiều kinh nghiệm chữa bệnh. Vốn là một nhà sư phạm có tính kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp, ông luôn nghiêm khắc với bản thân, sống cần kiệm, giàu óc thực tiễn. Ông rất ghét lối sống hời hợt, buông thả nên những người không hiểu ông, cho ông là người khô khan, lạnh lùng. Thực ra thì ông có tình cảm phong phú, biết thương yêu anh em, con cháu và giúp đỡ mọi người.

Ông thích chơi cây cảnh, biết đàn hát và tập thể dục đều đặn. Là cháu đích tôn, thừa tự của một họ tộc lớn, ông chăm lo nề nếp phụng thờ tổ tiên. Rất tiếc là ông không có con trai để nối dõi tông đường. Ông lâm bệnh nan y, mất đột ngột vào ngày 16 tháng giêng năm Đinh Mùi (1967) thọ 56 tuổi. Mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần” thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- ❖ Bà chánh thất **Nguyễn Thị Hường** thường gọi là “**Bà Ấm Giới**” là con gái của ông tri huyện Nguyễn Toại (tức ông Huyện Hàng xoài) quê làng Nam Yên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà sinh năm Bính Thìn (1916).

Bà được tiếng đẹp người, đẹp nết, tính tình hiền thực, nêu tấm gương hiếu nghĩa, suốt đời chăm nom chồng con, thờ cha kính mẹ, hết lòng vì họ tộc. Là dâu trưởng của một họ tộc lớn, bà sống với ông không có con trai. Thành thật với lòng, bà rất băn khoăn lo cho hậu tự của chồng, bèn cưới vợ thứ cho ông. Bà được họ hàng kính nể, xứng đáng là người dâu trưởng của một họ tộc danh giá. Sau khi chồng mất, bà về ở với con gái đầu và con rể, tái lập nền nếp thờ phụng ông bà, đoàn kết họ hàng.

Những năm tháng cuối đời, bà bị bệnh huyết áp cao, thường hay ốm đau, bà mất đột ngột vào ngày 30 tháng chạp năm Quý Hợi (1983), hưởng thọ 68 tuổi. Mộ bà táng tại “Vườn mộ họ Trần”.

Ông bà sinh hạ được 7 người con gái:

1. Trần Thị Trân, sinh ngày 24 tháng 3, mất ngày 27 tháng 5 năm 1938. Mộ táng tại xứ Núi Đất, bên tả mộ ông Trần Giám (mộ cũ), đã được cải táng về “Vườn mộ họ Trần”.

2. Trần Thị Bửu, sinh năm 1940 (Canh Thìn) có chồng là Lê Thanh, các con là: - Lê Thị Thu Thủy; - Lê Quân, - Lê Hùng; - Lê Thuận, - Lê Thị Thủy Tiên, - Lê Thị Thu Uyên, - Lê Thị Thu Đông, - Lê Thị Xuân Thao.

3. Trần Thị Sâm, Sinh năm 1944 (Giáp Thân) có chồng là Thái Khanh, có các con là: - Lê Quang Dũng(con riêng), - Thái Quang Huy, - Thái Thị Kim Hương, - Thái Thị Kim Tuyền, - Thái Thị ...

4. Trần Thị Tâm, sinh năm 1947 (Đinh Hợi) có chồng là Nguyễn Trung Hưng quê ở Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, có các con là: - Nguyễn Minh Hà, - Nguyễn Minh Phiến, - Nguyễn Thị Minh Thư, - Nguyễn Trung Thành, - Nguyễn Trung Thịnh.

5. Trần Thị Tánh, sinh năm 1950 (Canh Dần), mất ngày 16 tháng 6 Giáp Tuất tức ngày 25/7/1994, thọ 45 tuổi, có chồng là Võ Viên quê ở Thị trấn Sông Vệ, có các con là: - Võ Thành Mầu, - Võ Thành Mến, - Võ Thành Tuyền, - Võ Thành Ngôn (mất sớm).

6. Trần Thị Hạnh, sinh năm 1953(Quý Ty), có chồng là Nguyễn Xuân Hoà sinh năm 1956 quê ở huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, có các con là: - Nguyễn Trần Huy Phúc (1987), - Nguyễn Trần Tuấn Vũ (1989).

7. Trần Thị Thoa, sinh ngày 7 tháng 3 năm 1957(Đinh Dậu), có chồng là Nguyễn Đức Tân sinh năm 1958 quê ở Thị trấn Bình Định, có các con là: - Nguyễn Thị Kiều Trâm (1/1/1984), - Nguyễn Quốc Phong (5/1988), gia đình hiện sống ở Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

❖ Bà thứ thất: tên là **Ưu**, quê ở thôn Kỳ Tân, xã Đức Lợi, tên thường gọi là bà Năm Ưu, bà sống với ông khá lâu nhưng không sinh con. Sau khi ông mất, bà về sống với con gái riêng ở tỉnh Bình Phước. Thỉnh thoảng bà có về nơi ở của con gái chồng (Trần Thị Bửu) để cúng giỗ ông.

---0-❀❀❀0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN VĂN CẦN
Bà chánh thất	LÊ THỊ KIM HOA
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ THANH

❖ Ông **Trần Văn Cần**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1931 (Tân Mùi), thuộc đời thứ bảy, là con thứ của ông Trần Văn Thăng và là người con trai duy nhất của bà Phạm Thị Nghiệp, thường gọi là ông Chín Cần. Từ năm 1931-1954 tên ông Trần Cần. Năm 1954 tập kết ra Bắc đến nay tên ông là Trần Văn Cần (có chữ lót).

Từ nhỏ ông đã được học chữ Nho và chữ Quốc ngữ, đỗ sơ học yếu lược năm 1940, đỗ tiểu học Đông Pháp năm 1944, tốt nghiệp trung học sư phạm năm 1950 ở trường Lê Khiết và tốt nghiệp Cử nhân tài chính kế toán năm 1976 tại trường ĐH Tài chính kế toán Hà Nội.

Ông tham gia kháng chiến chống Pháp năm 1945. Năm 1954 tập kết ra Bắc ông tham gia xây dựng nhiều nhà máy, xí nghiệp, được Nhà nước đào tạo thành chuyên gia kế toán tài chính. Đã từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: kế toán trưởng, trưởng phòng, chuyên gia đào tạo. Ông về hưu năm 1991, là chuyên viên bậc 5/9. Ông gia nhập công đoàn năm 1955, là Đảng viên Đảng Lao động Việt Nam năm 1960 và đã kinh qua các chức vụ trong tổ chức đảng ở cơ sở như: Chi uỷ viên, Bí thư chi bộ, Đảng uỷ viên....

Ông là người năng động, có tinh thần trách nhiệm, liêm chính chí công vô tư, ông đã đào tạo cho ngành hàng trăm cán bộ tài chính kế toán. Ông về hưu sống thanh bạch, quyết chí nuôi dạy con cái học hành thành đạt, nối chí cha ông.

Tuy sống xa quê nhà, bằng mọi cách, ông kêu gọi con cháu, họ hàng cùng góp sức xây dựng nhà thờ chi họ. Ông chủ xướng việc xây dựng tường rào, cổng ngõ khu “Vườn mộ họ Trần,” trùng tu nâng cấp các mộ ông bà Trần Văn Thành, ông còn trực tiếp đi vận động con cháu từ Bắc vào Nam đóng góp tiền của để xây dựng công trình bảo tồn mồ mã Tổ tiên, ông luôn khuyên răn con cháu gìn giữ nề nếp gia phong, đoàn kết với họ hàng, xứng đáng với truyền thống ông cha.

Vì sự cống hiến ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, bằng khen của Thủ tướng chính phủ, bằng khen của Bộ trưởng bộ xây dựng, huy chương 25 năm ngành xây dựng và nhiều bằng khen, giấy khen khác.

Ông không được toại nguyện vì đau ốm đột xuất, nên đã bỏ lỡ một dịp vào trường âm nhạc để trở thành nhạc sĩ sáng tác. Thiếu thời ông đã có một số nhạc phẩm được một số người yêu thích, biết chơi các loại đàn: vĩ cầm, banjô, ghi ta...

- ❖ Bà **Lê Thị Kim Hoa**, sinh năm Giáp Tuất (1934) là con thứ 4 của ông Lê Tường và bà Phạm Thị Định, quê ở thôn Thanh Long, xã Đức Thắng, Huyện Mộ Đức. Về nhà chồng tuổi chưa đầy 18, là con dâu một, bà được cha mẹ chồng yêu quý như con đẻ, vẫn tiếp tục cho đi học đến hết bậc tiểu học.

Bà được gia đình dạy dỗ đến nơi đến chốn về công, dung, ngôn, hạnh, giỏi việc nội trợ: nấu ăn, khâu thùa, may vá....Lấy chồng hơn 4 năm, theo tiếng gọi của Tổ Quốc, chồng tập kết ra Bắc làm nhiệm vụ. Bà ở lại chăm lo mẹ chồng, sinh con, nuôi con ăn học đến bậc tú tài, âm thầm chịu đựng bao khó nhọc chờ chồng. Bà ăn ở đối xử với họ hàng một lòng giữ vững tình cảm và bổn phận con dâu nhà họ Trần, bà nêu tấm lòng rộng rãi đối với các con của chồng, yêu quý như con mình nên được các con yêu quý, kính nể, họ hàng thương yêu. Bà mất ngày 25 tháng 4 năm Canh Thìn (2000), thọ 66 tuổi. Mộ bà táng ở “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân định, xã Đức thắng.

Ông bà sinh hạ được 1 con trai là:

◆ **Trần Lê Duy**

- ❖ Bà thứ thất **Nguyễn Thị Thanh**, sinh năm 1951 (Tân Mão), là con gái ông Nguyễn Phương Lực và bà Nguyễn Thị Tuất, quê ở xã Vĩnh Lại, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ. Sau 20 năm tập kết ra Bắc, chiến tranh kéo dài, tin tức nơi quê nhà biệt, nỗi buồn xa quê, nỗi lo tuổi già không nơi nương tựa, được cơ quan cho phép ông xây dựng với bà năm 1974. Từ nhỏ bà được học hành, tốt nghiệp trung học tài chính kế toán, vừa làm việc vừa tiếp tục học tập bà đã tốt nghiệp đại học tài chính kế toán và đã kinh qua chức vụ kế toán trưởng ở nhiều đơn vị trong ngành.

Vốn là con gái một thầy giáo trường làng, tính tình bà chất phác, thật thà, cần cù, siêng năng chịu đựng và làm việc hết mình, thương chồng, yêu con, dành dụm từng đồng lương để nuôi các con ăn học (đều tốt nghiệp đại học).

Là người miền Bắc, bà cũng rất thiết tha với quê hương chồng, cùng chồng nuôi dưỡng mẫu thân những năm tháng cuối đời.

Ông bà sinh hạ được 3 người con (2 trai, 1 gái):

1. **Trần Việt Hùng**, sinh năm 1975, tốt nghiệp kỹ sư thực hành điện trường Đại học Bách Hà Nội, đang làm việc ở Hà Nội.
2. **Trần Việt Cường**, sinh năm 1976, tốt nghiệp kỹ sư kinh tế xây dựng trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội, công tác tại Trung tâm thí nghiệm và kiểm định vật liệu miền Trung ở Nha Trang.
3. **Trần Thị Kim Ngân**, sinh năm 1978, tốt nghiệp cử nhân kinh tế Tài chính Kế toán - Hà Nội, đang công tác tại xí nghiệp đầu tư xây dựng thuộc công ty khảo sát xây dựng Bộ xây dựng tại Hà Nội.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ tám

Ông
Bà

TRẦN LÊ DUY
PHAN TRẦN HIỀN

❖ Ông **Trần Lê Duy**, sinh năm 1955 (Giáp Ngọ), thuộc đời thứ tám là con trai duy nhất của ông Trần Văn Cẩn và bà Lê Thị Kim Hoa. Cha đi tập kết ra Bắc từ khi chưa ra đời, được bà nội và mẹ nâng niu từ tấm bé, lớn lên được học hành, thi đỗ tú tài. Sau chiến tranh, hoà bình lập lại ông được đào tạo nghề cơ khí, tham gia xây dựng nhiều công trình phía Nam. Là con một nhưng ông sớm có bản lĩnh, tự lập thân, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Tự xác định vai trò cháu đích tôn thừa tự nhà thờ chi họ 3. Ông hết lòng vun đắp cho sự đoàn kết của họ tộc, duy trì nền nếp phụng thờ Tổ tiên, góp phần công sức, tiền của cùng họ tộc xây dựng, tu bổ mồ mã Tổ tiên, trùng tu nhà thờ Cao tổ, xây dựng mới nhà thờ chi họ.

Tuy xa quê, hàng năm ông thường xuyên đi về nhà thờ chi họ để chăm lo việc hương khói, tế tự Tổ tiên cùng họ tộc, được các bậc cô, chú, cùng anh em con cháu trong họ tin yêu.

❖ Bà **Phan Trần Hiền**, sinh năm 1956 (Ất Mùi) là con gái của ông Phan Tời và bà Trần Thị Du cư trú tại thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định. Bà đã học hết bậc trung học, đỗ tú tài. Sau ngày giải phóng đất nước bà làm việc tại cơ quan nhà nước, được đào tạo thành nhân viên thí nghiệm.

Do điều kiện kinh tế gia đình, bà xin nghỉ việc về nhà cùng chồng làm ăn để nuôi sống gia đình. Tính bà hiền hậu, thủy mị, đảm đang, hiếu thảo với cha mẹ chồng, thương yêu em chồng và hết lòng nuôi dạy con cái. Quý trọng họ tộc nhà chồng, bà nguyện học tập mẹ chồng để làm tròn bổn phận người cháu dâu trưởng của họ tộc Trần.

Ông bà sinh hạ được 2 người con (1 trai, 1 gái):

1. **Trần Diễm Oanh**, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1983 (Quý Hợi).
2. **Trần Duy An**, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1986 (Bính Dần).

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN HẰNG
Bà chánh thất	MAI THỊ TRƯỢNG
Bà kế thất	NGÔ THỊ ĐÓ

- ❖ Ông **Trần Văn Hằg**, tịch **Trần Thường**, thường gọi **ông Mẫ**, hay **ông Ba** thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Ông sinh năm Canh Thìn (1880), mất ngày 21 tháng 8 năm Ất Mùi (1955). Hưởng thọ 75 tuổi.

Mộ ông tág tại “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông biết chữ Nho và chữ Quốc ngữ. Tính tình ông cương trực, không ưa nịnh bợ, luôn cúi, thương người nghèo khó. Ông chuyên việc nông trang, năng động, tháo vác trong công việc gia đình cũng như công việc của họ tộc. Con cái ông người nào cũng được học hành, có bằng cấp, nhiều người thành đạt, giữ nhiều cương vị công tác, đóng góp nhiều công sức phục vụ đất nước.

- ❖ Bà chánh thất **Mai Thị Trượng**, là con gái ông Chủ Lãng, quê ở làng Hoài Dương, thôn Vinh Phú (nay là xã Đức Lợi). Bà là người hiền hậu, phúc đức, giỏi việc nội trợ, thông thạo nữ công, quán xuyến công việc gia đình lẫn họ tộc nên được cha mẹ, anh em, con cháu nhà chồng rất mực yêu thương.

Không rõ năm sinh của bà. Bà mất khi còn trẻ vào ngày 25 tháng 4 Âm lịch. Mộ bà tág tại xứ Núi Đất, thôn Tân Định, toạ Đông bắc, hướng Tây nam.

Ông bà sinh hạ được 6 người con trai:

1. **Trần Mẫ**
2. **Trần Thiệp**
3. **Trần Văn Càn**
4. **Trần Văn Kiểm**
5. **Trần Sung**(mất sớm)
6. **Trần Mẫ** (mất sớm)

- ❖ Bà kế thất **Ngô Thị Đó** thường gọi **bà Trúc** (tên con đời chồng trước) quê ở xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Tính tình bà vui vẻ, trọn đạo thờ chồng. Ngoài việc noãi trôi vaø nông trang bà còn có tài buôn bán nên có tiền mua thêm ruộng đất, nuôi nấng các con ăn học, dựng bề gia thất.

Bà mất ngày 21 tháng 10 năm Đinh Mùi (1967). Mộ tág tại thôn Thế Khương, xã Nghĩa Hiệp, nay đã được cải tág về “Vườn mộ họ Trần”, nằm kế mộ ông về bên hữu.

Ông bà sinh hạ được 5 người con (3 trai, 2 gái):

1. **Trần Thị Liễu**, sinh năm 1922 (Nhâm Tuất) có chồng là Lê Quang Bình, quê thôn Thế Khương, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, năm 1955, tập kết ra Bắc, sau đó vào Nam hoạt động kháng chiến chống Mỹ và đã hy sinh, được Nhà nước công nhận là liệt sĩ. Ông bà có các con là: - Lê Quang Lưu, - Lê Thị Hồng, - Lê Thị Ngọc.
2. **Trần Lục**
3. **Trần Liên**
4. **Trần Lộc**

5. Trần Thị Quờn hay Trần Thị Tuyết Minh, có chồng là Nguyễn Chánh, quê xã Đức Hoà, huyện Mộ Đức, có các con là: - Nguyễn Hoà Quang, - Nguyễn Thị Kim Tuyền, - Nguyễn Thị Trang, - Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Anh Quân (Con riêng của bà)

---0-❧❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN MÃN

Bà chánh thất

NGUYỄN THỊ THÀ

Bà kế thất

NGUYỄN THỊ TÝ

❖ Ông **Trần Mãn**, tên chữ **Trần Nguyên**, thường gọi **ông Miễn** thuộc đời thứ bảy, là con trai trưởng của ông Trần Văn Hằng và bà Mai Thị Trượng. Ông sinh năm 1905 (Ất Ty).

Ông học chữ Quốc ngữ, chuyên nghề làm ruộng. Cách mạng Tháng 8 thành công, ông tham gia kháng chiến chống Pháp, làm trưởng thôn Tân Định, vào Đảng cộng sản Việt Nam. Sau hiệp định Geneve 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác tại bệnh viện Hồng thập tự Việt Xô (còn gọi là bệnh viện Hữu nghị Việt Xô), nay là bệnh viện Hữu nghị Hà Nội. Ông là trung tâm tình cảm của những người con quê nhà sống xa ở đất Bắc trong 21 năm chiến tranh chống Mỹ. Ông được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Pháp, huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng 3, ông về hưu trước năm 1970. Sau ngày giải phóng miền Nam ông trở về quê hương sống với con gái cho đến khi qua đời. Bản chất ông rất hiền lành, thật thà, quan tâm và yêu thương con cháu, bè bạn, anh em họ hàng. Ông sống thanh bạch, cần kiệm và giản dị.

Ông mất ngày 18 tháng 2 năm Ất Sửu (7/4/1985). Thọ 81 tuổi. Mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

❖ Bà chánh thất là **Nguyễn Thị Thà**, con ông Nguyễn Hành ở thôn Gia hòa, chưa có con bà đã mất.

❖ Bà kế thất là **Nguyễn Thị Tý**, con gái ông thầy Thường quê ở thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng.

Bà là dâu trưởng hiền lành, tốt bụng, trong gia đình ai cũng thương yêu, kính nể.

Bà sinh năm....Mất năm.....Mộ bà táng tại “Vườn mộ họ Trần”, tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 1 người con gái:

1. Trần Thị Miễn, có chồng là Lê Quang Độ quê ở thôn Mỹ Khánh, xã Đức Thắng. Có 2 con gái: - Lê Thị Nguyệt Thu, - Lê Thị Thu Ân, - Lê Thị Thu Huyền (con riêng của bà).

---0-❧❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN THIỆP

Bà

TRẦN THỊ ĐIỂM

❖ Ông **Trần Thiệp**, tên chữ là **Trần Đình Quảng**, thường gọi là **ông “Xếp Ba”**, thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Hằng và bà Mai Thị Trượng.

Ông sinh tháng 5 năm 1907 tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng, mất ngày 02 tháng 4 năm 1980 (tức ngày 17 tháng 2 năm Canh Thân) tại thành phố Hồ Chí Minh. Mộ táng tại nghĩa trang thành phố Hồ

Chí Minh. Ông mồ côi mẹ từ nhỏ, được bác trai (ông Phán Phan) đưa theo nuôi ăn học. Ông rất hiếu học và có chí tiến thân. Sau khi đỗ tiểu học Đông Pháp, ông ra Huế học trường Bá Công (Kỹ nghệ thực hành). Do giác ngộ tinh thần yêu nước, ông tham gia bãi khoá để tang cụ Phan Bội Châu, bị chính quyền Pháp đuổi học. Ông xin làm “xếp ga”⁽¹⁾ ở các ga Ninh Hoà, Đà Lạt, Tháp Chàm. Sớm giác ngộ Cách mạng, ông tham gia bãi công chống thực dân Pháp các năm 1930 – 1932 – 1935, hoạt động bí mật trong ngành hoả xa, tham gia Việt minh, bí mật hoạt động ở huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, tham gia cướp chính quyền tháng 8/1945. Ông được cử làm phó chủ nhiệm Việt minh huyện, rồi bí thư huyện uỷ Tuy Phong, tỉnh uỷ viên tỉnh Bình Thuận.

Những năm 1950 – 1954 ông làm công tác mật dịch ở Liên khu 5. Tập kết ra Bắc ông được giao các chức trách: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty lương thực Trung ương, tổng thanh tra Tổng công ty lương thực, hiệu trưởng trường trung cấp lương thực. Suốt đời nêu tấm gương vì dân, vì nước, ông không ngại gian khổ hy sinh, sống trung thực, giản dị, trong sáng đáng được con cháu noi gương. Ông sống nhân hậu, yêu thương gia đình, họ hàng bà con, bạn bè.

Ông được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương kháng chiến chống Pháp Hạng Nhì.

❖ Bà **Trần Thị Diễm**, thường gọi là **bà Xếp Ba**, sinh tháng 2 năm 1913 tại xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Bà mất ngày 8 tháng 3 năm 1990 (ngày 12/2 năm Canh Ngọ) tại thành phố Hồ Chí Minh. Hưởng thọ 77 tuổi. Mộ bà táng tại nghĩa trang thành phố Hồ Chí Minh.

Mồ côi mẹ từ lúc 13 tuổi, bà phải vất vả nuôi cha bị mù vừa đi học văn hoá. Sớm giác ngộ Cách mạng, năm 1930 bà hoạt động trong tổ chức Ái hữu cứu tế đồng bào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị Pháp bắt giam. Ra tù bà lấy chồng và cùng chồng hoạt động bí mật trong phong trào công nhân hỏa xa, tổ chức đình công ở “Tour- Chàm”. Năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Do cơ sở bị khủng bố, mất liên lạc bà tiếp tục móc nối và tham gia hoạt động bí mật tổ chức Việt Minh huyện Tuy Phong, tham gia cướp chính quyền tháng 8/1945 và được cử làm Hội trưởng hội phụ nữ Cứu quốc huyện. Trong kháng chiến chống Pháp bà làm đội trưởng đội diệt tề trừ gian bị địch truy nã. Địch rất nể sợ, gọi bà là “Con cọp cái” treo giải thưởng cho ai nếu bắt sống được thì nhận thưởng 1000 đồng bạc Đông Dương, nếu bắn chết thưởng 500 đồng. Nhờ nhân dân và binh lính có cảm tình với Cách mạng che chở, bà nhiều lần được thoát hiểm.

Sau đó bà tạm lánh về quê chồng ở Quảng Ngãi để sống và tiếp tục tham gia công tác phụ nữ: Bí thư Hội Phụ nữ xã Đức Thắng, Bí thư Hội Phụ nữ huyện Mộ Đức, phó Bí thư Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi. Tập kết ra Bắc bà làm công tác trong ngành lương thực, thực phẩm Hà Nội.

Bà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba, Huân chương kháng chiến Hạng Ba, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Ông bà sinh hạ được 10 người con (2 trai, 8 gái):

1. Trần Thị Xuân Thanh, sinh năm 1932 (Nhâm Thân) mất lúc 3 tháng tuổi

2. Trần Thị Xuân Viên, sinh năm 1933, có chồng là Nguyễn Bạng (1925) quê ở huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Mất năm 1975, có 8 con (4 trai, 4 gái): - Nguyễn Thị Hạnh (1953), - Nguyễn Thanh Hải (1957), - Nguyễn Hữu Nghĩa (1959), - Nguyễn Thị Bích Thuận (1960), - Nguyễn Văn

Hoà (1964), - Nguyễn Hữu Bình, - Nguyễn Thị Bích Trang, - Nguyễn Thị Bích Hoàng.

3. Trần Thị Xuân Phương, sinh ngày 2 tháng 4 năm 1935, có chồng là Ngô Cao Sơn (2/5/1932) quê ở Phan Rí, tỉnh Bình Thuận, Phó tiến sĩ Hoá. Hai vợ chồng nghỉ hưu ở thành phố Hồ Chí Minh. Đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, có các con trai là: - Ngô Bách Phong (1960) Kỹ sư cơ khí, cử nhân kinh tế, - Ngô Phương Nam (1962) Kỹ sư cơ khí.

4. Trần Bình Dân, (1938) là kỹ sư cơ khí, giám đốc nhà máy phụ tùng y tế số 3. Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Vợ: Trương Thị Xuân Lý (1943) kỹ sư cơ khí, quê

Chú thích: (1) chef-gare: chức trưởng ga xe lửa

quán huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Có 2 con:

- Trần Thị Thu Trà (1971) Thạc sĩ hoá học, chồng là Trần Hải Ứng (1970) kỹ sư hoá, quê ở Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh. Hai vợ chồng là cán bộ giảng dạy đại học.
 - Trần Vũ Bình (1977) Thạc sĩ đại học Melbourne-Úc.
5. **Trần Đình Quốc**, (1940) Kỹ sư hoá. Vợ là Trần Thị Cấp (1947) Bác sĩ bệnh viện Chợ Rẫy, con gái ông Trần Lương tức Trần Nam Trung, quê ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Có 2 con:
- Trần Đình Trung (1976)
 - Trần Thị Trang Phương (1979)
6. **Trần Thị Xuân Lâm**, (1942) cử nhân Văn, Đại Học Sư Phạm Hà Nội, tốt nghiệp cao cấp chính trị học viện quốc gia. Nguyên là Bí thư huyện ủy huyện Tuy Phong, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Thuận Hải, chồng là Lê Ngọc Quý phó tiến sĩ cơ khí, quê ở Phan Rang (đã mất). Có 2 con : - Lê Thị Ngọc Minh (1966) dược sĩ, chồng là Hoàng Nam(1963), - Lê Quang Minh (1970) cử nhân Anh văn, vợ là Trần Thị Diễm Thuý (1974).
- Bà tái giá với ông Lê Tấn Lợi quê ở Ninh Thuận, không có thêm con. Ông bị bệnh, đã qua đời.
7. **Trần Thị Xuân Hoa**, (1945) bác sĩ, chồng là Nguyễn Huỳnh Vũ (1935) cử nhân kinh tế. Có 2 con : - Nguyễn Trang Thảo (1972), chồng là Bùi Minh Dung (1968) quê Cao Lãnh, Đồng Tháp, - Nguyễn Chí Hiếu (1975) cử nhân tài chính kế toán.
8. **Trần Thị Xuân Lai** (1951) kỹ sư thuỷ lợi, chồng là Trần Kim Thanh (1954) thạc sĩ kinh tế. Có 2 con: - Trần Lam Giang (1976), - Trần Anh Linh (1982).
9. **Trần Thị Xuân Tâm** (1953) kỹ sư chế tạo máy, chồng là Bùi Lê Huyền (1953) kỹ sư vật lý. Có 2 con : - Bùi Văn Hương (1978), - Bùi Nhật Huyền (1988).
10. **Trần Thị Hồng Hà** (1956) kỹ sư hoá, chồng là Nguyễn Chí Nghĩa (1953) thạc sĩ. Có 2 con: - Nguyễn Chí Anh Quân(1984), - Nguyễn Chí Như Phương(1990).

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN VĂN CẦN

Bà

NGUYỄN THỊ TÝ

❖ Ông **Trần Văn Cần** tên chữ là **Trần Duẩn**, thường gọi ông Đội Bốn, thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Hằng và bà Mai Thị Trượng. Ông sinh năm 1909.

Thuở nhỏ, ông được cha và bác trai cho ăn học qua bậc sơ học và tiểu học. Ông thi tiếp vào học 4 năm tại trường Cao đẳng kỹ nghệ thực hành Huế. Tốt nghiệp ra trường với vị thứ cao ông được ưu tiên chọn nơi làm việc. Ông chọn ngành đường sắt và được bổ làm trưởng hạt kiều lộ, coi đoạn đường Quảng Ngãi – Bình Định, trải qua 2 thời kỳ Pháp và Nhật thuộc.

Ông rất giỏi toán học. Hồi còn học lớp nhất (lớp cuối của bậc tiểu học thời bấy giờ) ông giải hết các bài toán tập, kể cả những bài toán học búa nhất trong cuốn sách toán học lớp nhất viết bằng Pháp ngữ (Arithmétique du cours Supérieur). Những tháng nghỉ hè ông mở lớp dạy học. Học trò xa gần nghe tiếng ông học giỏi đến học rất đông, trong số đó có những người bà con lớn tuổi vai chụ của ông như : Lê Mỹ Huyền, Lê Mỹ Thoá ở Long Phụng, ông Trần Xuân Hinh ở Bồ Đề ... Những năm từ 1940 – 1945 ông đem cây dương liễu trồng trên bãi cát biển từ thôn Dương Quang đến thôn Hàm

An xã Đức chánh đạt kết quả tốt. Sáng kiến này của ông đã trở thành tập quán của dân chúng, vừa đem lại lợi ích kinh tế, vừa bảo vệ vùng dân cư sống ven biển. Ông ôm giấc mộng chế tạo một cánh quạt chạy bằng sức gió để kéo một guồng nước tưới ruộng, biến quê hương ông thành một nơi có nghề thủ công làm nón, kéo sợi dệt vải. Công việc chuyên môn của ông trong thời chiến không cho phép ông thực hiện điều mơ ước đó.

Sau 1945, ông tham gia Cách mạng và tiếp tục làm việc ở ngành đường sắt. Những năm chiến tranh ác liệt, Pháp phong tỏa ráo riết đoạn đường sắt dọc Liên Khu V, đánh bom sập cầu, bắn phá toa xe, đầu máy, hòng chặn đứng nguồn tiếp viện cho chiến trường Tây Nguyên. Ông cùng một số công nhân, bằng những phương tiện và vật liệu thô sơ, ngày đêm trực bám sửa cầu, làm đường, làm hầm cất giấu toa xe đầu máy... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thông tàu. Ông được Bộ tư lệnh Liên Khu V tuyên dương và khen thưởng.

Năm 1954, nhờ có nhiều kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao, ông được ưu tiên tập kết ra Bắc trước và được Nhà nước giao phụ trách nhiều đoạn đường huyết mạch phục vụ cho công cuộc bảo vệ và phát triển kinh tế miền Bắc, hậu phương lớn của miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong đời thường ông là người hiền lành vui tính, một người con chí hiếu, một người chồng, người cha mẫu mực. Ngoài xã hội, ông luôn được cấp trên yêu quý, bạn bè mến phục. Ông về hưu năm 1965, bị bệnh và mất ngày 12 tháng 11 năm 1971, mộ táng tại nghĩa trang Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Nhờ có công với đất nước, ông được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương cao quý.

❖ Bà **Nguyễn Thị Tý** quê thôn Phước Thuận, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức. Bà sinh ra và lớn lên trong một gia đình trung nông, cha mất lúc bà lên 7 tuổi. Mẹ tái giá, bà ở với bác, nuôi em gái lớn lên, gả chồng cho em xong, bà mới đi lấy chồng. Bà là người mẹ, người vợ hết mực yêu thương chồng con. Lúc còn ở Đức Nhuận bà làm ruộng, buôn bán lật vật, nuôi 6 con nhỏ, khi theo chồng ra công tác ở miền Bắc bà chịu khó, chịu khổ để chồng yên tâm làm việc nuôi các con ăn học đều trở thành kỹ sư, bác sĩ... Bà rất giỏi nội trợ, có tài nấu nướng, làm bánh trái.

Bà sinh năm 1912, mất ngày 05 tháng 12 năm 1985. Mộ bà táng tại nghĩa trang Thị xã Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (4 trai, 3 gái):

1. Trần Văn Sang, sinh năm...Mất lúc lên 2 tuổi . Mộ táng tại vườn ông Trần Văn Sĩ.

2. Trần Thị Nhu, sinh năm 1936, lúc nhỏ theo học trường Nguyễn Bá Loan. Theo cha mẹ tập kết ra Bắc, vừa công tác vừa học, tốt nghiệp Cử nhân Tài chính kế toán. Là người chị, bà luôn chăm sóc giúp đỡ các em. Bà có chồng là Nguyễn Văn Thuận quê ở Sài Gòn, rất hiền lành, giỏi nghề cơ khí, ô tô máy kéo... Ông đã lâm bệnh và mất ở thành phố Hồ Chí Minh năm 1980, có 2 con: - Nguyễn Thị Nhung (1963) kỹ sư hoá thức phẩm, chồng là Võ Tuấn đại học An ninh, quê ở huyện Tư Nghĩa, có con là Võ Tuấn Đạt; - Nguyễn Thị Thu (1970) tốt nghiệp cấp 3, làm kế toán tại công ty lắp máy thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trần Công Khanh, sinh năm 1938, rất hiếu học, học giỏi từ phổ thông đến đại học. Là sinh viên khoá I trường đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp kỹ sư hoá 1959, ông được giữ lại trường làm giảng viên. Hiện nay là Phó giáo sư – Tiến sĩ ngành hoá hữu cơ. Vợ là Ông Thị Đàm Thanh quê Hà Nội, Tiến sĩ địa lý kinh tế, phó giáo sư trường Đại học sư phạm I Hà Nội, có 2 con:

- Trần Bạch Dương, sinh năm 1968, kỹ sư hoá hữu cơ. Giám đốc công ty TNHH cung cấp thiết bị công nghệ mới, vợ tên là kỹ sư hoá hữu cơ.
- Trần Thanh Tùng, sinh năm 1974, kỹ sư hoá hữu cơ, chuyên viên Ban quản lý dự án nhà máy lọc dầu số I tại Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Trần Thị Nhẫn sinh năm 1941, bác sĩ chuyên khoa sản, chồng là Huỳnh Văn Tâm - Tiến sĩ Lý, quê ở Biên Hoà. Bà mất năm 2002. Có 2 con: - Huỳnh Thị Lệ Giang (1967), giáo viên cấp 3, chồng là....cử nhân kinh tế, - Huỳnh Thị Hồng Giang (1971), cử nhân kinh tế.

5. Trần Thị Nhàn sinh năm 1943 kỹ sư nông hoá thổ nhưỡng, có chồng là Hà Văn Thân, quê Quảng Trị, có 2 con: - Hà Lâm Chi (197..) bác sĩ đa khoa, - Hà Thị Lệ Chi (197..) giáo viên cấp 3.

6. Trần Công Anh sinh năm 1945, kỹ sư nông nghiệp, hiện là Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, vợ là Thái Thị Quý, sinh năm 1951, quê ở xã Tam Lãnh, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có 3 con:

- Trần Toàn Thắng (1975)
- Trần Toàn Tài (1977)
- Trần Thái Thuỷ (198)

7. Trần Công Tuấn, sinh năm 1947, kỹ sư Vật lý đại học tổng hợp Tasken. Vợ là Trần Thị Nga, kỹ sư công nghiệp nhẹ. Có các con:

- Trần Việt Hùng (1976)
- Trần Việt Dũng (1983)

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN VĂN KIỂM

Bà chánh thất TRẦN THỊ LỰA

❖ Ông **Trần Văn Kiểm**, tục danh **ông Năm Kiệm**, thường gọi **ông Vinh**, thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Hăng và bà Mai Thị Trượng. Ông sinh ngày 01 tháng 10 năm 1911 (Tân Hợi). Mất ngày 9 tháng 01 năm 1988 (Mậu Thìn). Thọ 78 tuổi. Mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần” thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Năm ông lên 6 tuổi đã mồ côi mẹ, cha lấy vợ kế nên cùng các anh ba và anh bốn vào ở với bác ruột (ông Phán Phan) đang làm quan tại tỉnh Bình Định. Bác nuôi lớn, được các anh dạy chữ Quốc ngữ, giúp trông coi vườn tược nhà bác. Tính tình ông hiền lành, thật thà chất phát nhưng thông minh, sáng dạ, học nghề gì cũng mau biết, khéo tay lại cần cù siêng năng. Ông tự học được nghề gò, hàn, nghề may, nghề nào cũng thành thạo. Dưới thời Pháp thuộc, ông được anh trai là Trần Đình Quảng dìu dắt đi làm công nhân hoá xa, “gác lin” (garde-ligne) ở ga Vạn Tây, huyện Mộ Đức. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 ông trở về quê Tân Định làm nghề may. Khi có chiến tranh ông sống ở Sông Vệ, thị xã Quảng Ngãi.

Sau 1975 ông vào Sài Gòn ở với các con, đến năm 1977 về Bình Định ở với con trai út cho đến khi qua đời.

❖ Bà chánh thất **Trần Thị Lựa**, thường gọi là bà Vinh. Bà sinh ngày 15 tháng 10 năm 1916 (Bính Thìn), quê ở thôn An Tĩnh, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức.

Ông bà lấy nhau năm ông 21 tuổi, hai ông bà lên ga Vạn Tây để làm ăn sinh sống. Ông bà sinh được 9 người con (5 trai, 4 gái):

1. Trần Văn Tĩnh, mất lúc một tháng rưỡi

2. Trần Thị Vinh, sinh năm 1938 (Mậu Dần), lấy chồng tên là Nguyễn Lý, người thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng, vợ chồng vào Bà Rịa lập nghiệp, có 5 con : - Nguyễn Thị Chung có chồng là Nguyễn Trung, - Nguyễn Văn Thuyết sinh năm 1968, mất vì tai nạn, - Trần Thị Hạnh có chồng là Lê Văn Tâm, - Lê Văn Phúc, - Nguyễn Thị Hoa.

3. Trần Thị Biên, sinh năm 1942 (Tân Tỵ), chồng là Nguyễn Văn Quyền (tên thường gọi bốn Di) cùng tuổi, cùng quê. Có các con: - Nguyễn Văn Huy có vợ là Nguyễn Thị Kim Ánh, -

Nguyễn Thị Nga có chồng là , - Nguyễn Thị Thuý Nguyệt (1975) (Ất Mão), - Nguyễn Văn Hoàng (1977) (Đinh Tỵ)

4. Trần Văn Trí, sinh năm 1944 (Giáp Thân) mất lúc 1 tuổi

5. Trần Văn Thích, sinh năm 1946 (Bính Tuất), học xong Tú tài, có năng khiếu kinh doanh và cơ khí, vợ là Tạ Thị Tuyết Hà sinh năm 1948 (Mậu Tý) quê ở xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, là công nhân viên Nhà nước. Có 3 con:

- Trần Tạ Bích Hải, sinh năm 1973 (Nhâm Tý), Thạc sĩ xây dựng
- Trần Tạ Hồng Hải, sinh năm 1975 (Giáp Dần), Kỹ sư cầu đường
- Trần Tạ Như Hải, sinh năm 1977, Cử nhân đại học Tài chính Kế toán

Hai vợ chồng Trần Văn Thích đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, nuôi mẹ già, nuôi dạy con cái học hành thành đạt, luôn quan tâm cùng họ tộc, góp công, góp của bảo tồn mồ mã tổ tiên, xây dựng nhà thờ chi họ ở quê nhà, điều dắt các em, làm tròn nhiệm vụ người con trai trưởng của gia đình.

6. Trần Vô Danh, mất lúc 8 tháng

7. Trần Thị Nữ, sinh năm 1950 (Canh Dần), chồng là Lê Quang Tiếp, quê xã Đức Nhuận. Có 6 con: - Lê Quang Trinh, - Lê Quang Trình, - Lê Quang Trọng, - Lê Quang Trang, - Lê Thị Hoàng Yên, - Lê Quang Tuấn.

8. Trần Văn Nam, sinh năm 1954 (Giáp Ngọ), học xong trung học phổ thông, kinh doanh nghề may mặc ở thành phố Hồ Chí Minh, vợ là Nguyễn Thị Kim Ánh cùng tuổi. Có 1 con gái:

- Trần Huệ Ngân, sinh năm 1994 (Giáp Tuất).

9. Trần Văn Nhi (Trần Phi Hùng), sinh năm 1958, vợ là Nguyễn Thị Thanh sinh năm 1959 quê ở huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, hiện đang sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Có 2 con:

- Trần Đức Sơn, sinh năm 1978 (Mậu Ngọ)
- Trần Thị Lộc Giang, sinh năm 1980 (Canh Thân)

10. Trần Văn Khiêm (con riêng của ông Trần Văn Kiểm với bà Phan Thị Đồng), sinh ngày 10 tháng 2 năm 1944 (Giáp Thân), có vợ là Trương Thị Hoa, sinh ngày 6 tháng 01 năm 1949, quê ở thôn Đôn Lương, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức. Cả 2 vợ chồng đều tham gia kháng chiến chống Mỹ, đều gia nhập Đảng Lao động Việt Nam. Chồng: Trần Văn Khiêm được Nhà nước thưởng huân chương Quyết thắng hạng Ba và huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Vợ: Trương Thị Hoa được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Có các con là:

- Trần Thị Anh Hoàng, mất lúc mới sinh
- Trần Thị Hồng Phượng, sinh năm 1976, hiện là CNVC, có chồng là Nguyễn Đức Hợp, giáo viên
- Trần Thị Kim Chung, sinh năm 1978, tốt nghiệp THPT
- Trần Trọng Châu, sinh ngày 9 tháng 10 năm 1980
- Trần Hồng Phượng, sinh ngày 4 tháng 2 năm 1985.
- ✦ Bà Phan Thị Đồng, sinh năm 1912 (Nhâm Tý), quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Bà mất ngày 8 tháng 3 năm 1986 (Bính Dần), mộ táng tại thôn Phước Hoà, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN LỤC

Bà chánh thất

VÕ THỊ TÁ

Bà kế thất

BÙI THỊ XUÂN SƯƠNG

- ❖ Ông **Trần Lục**, bí danh là **Huy**, thường gọi là ông **Chín Lục**, thuộc đời thứ bảy, là con thứ của ông Trần Văn Hằng và bà Ngô Thị Đó, ông sinh ngày 5 tháng 9 năm 1924 (Giáp Tý), mất ngày 13 tháng 1 năm 1992 (23/12 năm Tân Mùi) tại Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh, thọ 69 tuổi. Mộ ông táng tại

Ông tham gia kháng chiến chống Pháp từ năm 1945, gia nhập Đảng cộng sản Đông Dương năm 1949, thuở nhỏ được cha mẹ cho đi học thi đỗ bằng tiểu học Đông Pháp (1941). Năm 1955 tập kết ra Bắc ông theo học hết chương trình cấp 3, công tác trong ngành lương thực, trưởng ban kiến thiết nhà máy xay Đập Cầu ở Bắc Ninh, cán bộ Cục vật liệu kiến thiết Bộ Nội thương. Ông về hưu năm 1982, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến Hạng Ba và huân chương chống Mỹ cứu nước Hạng Hai.

Tính ông hiền lành, thương yêu anh em bà con và đoàn kết thân thiện với láng giềng, thôn xóm nơi cư trú.

- ❖ Bà chánh thất **Võ Thị Tá**, lúc nhỏ còn có tên là Võ Thị Rạ. Bà sinh năm Mất năm Đinh Mão (1947), mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”, thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Cha mẹ mất sớm bà được bà nội nuôi cho ăn học thi đỗ bằng Sơ học yếu lược. Bà sống với ông không được bao lâu, sinh được 1 người con gái rồi bà mất sớm:

◆ **Trần Thị Xuân Soạn**, sinh năm 1947, kỹ sư nông nghiệp, tốt nghiệp trường đại học Nông Nghiệp Hà Nội. Chồng là Tạ Hồng Hải, sinh năm 1947, con trai ông Tạ Mỹ Điền quê ở huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, tốt nghiệp đại học Nông nghiệp Hà Nội. Năm 1974 hai vợ chồng cùng đoàn công tác của Bộ nông nghiệp vào Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ. Có các con: - Tạ Thanh Tùng (1975), - Tạ Hoàng Tùng (1977).

- ❖ Bà kế thất tên **Bùi Thị Xuân Sương**. Lúc nhỏ bà còn có tên Bùi Thị Chanh, là con gái thứ 8 của ông Bùi Cò và bà Tạ Thị Quyền, quê ở làng Ba La, xã Nghĩa Đồng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Bà học đến lớp 6. Bà theo chồng tập kết ra Bắc năm 1955, năm 1956 bà công tác tại nhà máy xay Đập Cầu - Bắc Ninh cho đến năm 198.. nghỉ hưu.

Bà sinh năm

Tính tình bà hiền hậu, chất phát, thật thà, được họ hàng thương mến. Tuy ở miền Bắc, không ngại tuổi già sức yếu, thỉnh thoảng bà vẫn về thăm quê chồng vào các dịp giỗ họ hàng năm.

Ông cùng bà sinh được 6 con (3 trai, 3 gái):

1. Trần Đình Chu, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1950 (Canh Dần). Tốt nghiệp cấp 3, đi học trung cấp chế tạo máy tại Tung Quốc, công tác tại nhà máy bóng đèn, phích nước Rạng Đông tại Hà Nội (năm 1974), vợ là Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1951 (Tân Mão), quê tại Thị Cầu Bắc Ninh, công tác tại nhà máy xay Đập Cầu - Bắc Ninh nay đã nghỉ hưu, được thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Ba.

Ông mất ngày..... Mộ táng tại

Hai vợ chồng sinh được 2 con (1trai,1 gái):

- Trần Tùng Anh, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1975 (Giáp Dần)
- Trần Thị Vân Anh, sinh ngày 2 tháng 3 năm 1977(Đinh Tỵ) học hết THPT,làm thợ may.

2. Trần Thị Hồng Thu, sinh năm 1954 (Giáp Ngọ), học hết THPT. Công tác tại nhà máy xay Đập Cầu, Đảng viên Đảng công sản Việt Nam, đã nghỉ hưu. Được Nhà nước tặng thưởng huân

chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Ba, chồng là Nguyễn Văn Thức, bộ đội giải ngũ, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Hai vợ chồng sinh được 2 con gái: - Nguyễn Phương Thảo (1987), - Nguyễn Thu Hà (1989).

3. Trần Trí Thức, sinh tháng 10 năm 1956 (Bính Thân), bộ đội, tốt nghiệp đại học Hàng hải Nha Trang. Công tác tại Quân Khu V. Mất tích trong một chuyến công tác bằng tàu biển đi từ Quảng Nam ra Hải Phòng năm 1982 lúc 27 tuổi.

4. Trần Thị Hồng Đào, sinh năm 1959 (Kỷ Hợi) học sư phạm 10 + 3, hiện là giáo viên cấp 2, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, chồng là Giang Văn Khương quê ở tỉnh Thái Bình là kỹ sư ngành hàng không, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã nghỉ hưu năm 1996, có 1 con trai: Giang Văn Đức (1989).

5. Trần Thị Loan, sinh năm 1960 (Canh Tý) đã học hết cấp 2, chồng là Nguyễn Văn Quyền sinh năm 1952 (Nhâm Thìn) tài xế xe vận tải, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, có 2 con trai: - Nguyễn Thành Hưng (1981), - Nguyễn Đức Thịnh Anh (1983).

6. Trần Quốc Khánh, sinh năm 1963 (Quý Mão) công nhân hàn bậc 4/7, đã tham gia xây dựng công trình thủy điện Sông Đà, tỉnh Hoà Bình, nay đã thôi việc Nhà nước, vợ là Nguyễn Thị Hà sinh năm 1968, tốt nghiệp trung cấp may mặc, có 2 con (1 trai, 1 gái):

- Trần Thuỳ Linh, sinh năm 1989 (Kỷ Tỵ)
- Trần Hoài Nam, sinh năm 1996 (Bính Tí).

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN LIÊN
Bà chánh thất	LÊ THỊ QUANG HOA
Bà kế thất	PHAN THỊ XUYỀN

❖ Ông **Trần Liên** thường gọi là **Mười Liên**, thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Hằng và bà Ngô Thị Đó.

Ông sinh năm Bính Dần (2/ 9/1926), mất ngày 7 tháng 4 năm Quý Mùi (7/5/2003). Thọ 78 tuổi, mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”, thôn Tân Định .

Ông sống trong một gia đình đông con, anh em hầu hết theo Cách mạng tập kết ra Bắc hoặc đi làm ăn xa. Lúc nhỏ ông học hết bậc sơ học, lớn lên ở nhà đảm đương công việc nông trang, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già. Gặp buổi chiến tranh tàn phá quê hương, ông cùng mẹ già, vợ con tản cư sống ở thôn La Hà thuộc xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa. Khi mẹ và vợ qua đời ông tục huyền lấy bà kế thất và định cư tại thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận cho đến cuối đời.

Ông bình sinh là người vui tính, năng nổ trong bất cứ mọi công việc và có quan hệ giao tế rộng rãi với mọi người, nhờ đó mà trong chiến tranh loạn lạc, ông vẫn duy trì tốt cuộc sống gia đình, nuôi con ăn học đến nơi đến chốn, gây dựng gia thất cho các con. Tuy bận rộn với việc mưu sinh thường nhật ông vẫn luôn quan tâm đến việc thờ phụng tổ tiên. Trong chiến tranh, nhà thờ Cao tổ của dòng tộc tại thôn 6 Bò Đề bị tàn phá, ông cùng họ tộc trùng tu nhà thờ, bảo tồn nề nếp cúng tế tu tạo phần mộ tổ tiên. Nhà thờ chi họ 3 ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng trong chiến tranh bị san ủi, ông đã cùng con cháu trong họ bảo tồn di ảnh ông bà nội, thần chủ ông bà Cô cùng một số tự khí, tự vật để tiếp tục thờ cúng tại Bò Đề. Sau này khi họ tộc nội ngoại xây dựng lại ngôi Từ đường chi họ mới tại ấp Nho Lâm, thôn Bò Đề, ông cũng góp phần công của đáng kể. Ông còn hiệp cùng anh em trong Hội

đồng gia tộc chỉ họ 3 chủ trì cuộc họp các trưởng chi trong dòng tộc bàn việc di dời mộ bà Ngô thị Kim, ông được cử làm Trưởng ban chỉ đạo xây dựng lại lăng mộ ông bà Tổ tiên. Ông luôn cùng anh em, con cháu lo việc thờ phụng Tổ tiên cho đến ngày ông qua đời.

❖ Bà chánh thất **Lê Thị Ngoã**, tên chữ là Lê Thị Quang Hoa, sinh năm Kỷ Ty (1929) là con gái của ông bà Lê Quang Hành, quê thôn Thế Khương, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

Bà mất ngày 6 tháng 6 năm Đinh Mùi (1967), mộ táng tại quê bà, các con dự định cải táng đưa bà về bên ông tại “Vườn mộ họ Trần”.

Ông bà sinh hạ được 5 con trai:

1. **Trần Đình Nhân**, sinh năm 1950, học đến Tú tài, mất ngày 6 tháng 8 năm ... Mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”.

2. **Trần Trung Việt**, Sinh năm Giáp Ngọ (1954), học xong Trung học, có năng khiếu kinh doanh, vợ là Nguyễn Thị Vinh sinh năm Ất Mùi (1955) con gái ông Nguyễn Tài Thợ, quê ở xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, sinh các con là:

- Trần Thị Phi Vân, tốt nghiệp trung cấp Địa chính
- Trần Thị Thu Vân, giáo viên cấp 3
- Trần Thị Hải Vân, tốt nghiệp Học viện Ngân hàng
- Trần Thị Hồng Vân
- Trần Việt Vương

3. **Trần Đình Miên**, sinh năm 1956 (Bính Thân), mất lúc 5 tuổi.

4. **Trần Lào**, sinh năm 1960 (Canh Tý), tốt nghiệp trung học, có năng khiếu kinh doanh, vợ là Nguyễn Thị Dũng, sinh năm 1961 (Tân Sửu), con gái ông bà Nguyễn Hồng quê ở thôn 3, xã Đức Nhuận, có các con (1 gái, 2 trai):

- Trần Thị Thu Hà
- Trần Điền Trung
- Trần Hoàng Như

5. **Trần Đình Thái**, sinh năm 1964 (Giáp Thìn), kỹ sư cơ khí, công tác tại nhà máy nước Dung Quất, vợ là Nguyễn Thị Kim Nga, thợ may, sinh ngày 2 tháng 6 năm 1964 (Giáp Thìn), là con gái ông bà Nguyễn Ký, quê ở thôn 2, xã Đức Nhuận, có 2 con (1 gái, 1 trai):

- Trần Thị Cẩm Mi
- Trần Đình Thi

❖ Bà kế thất **Phan Thị Xuyến** tục gọi bà Hộ (tên đời con chồng trước), là con gái ông bà Phan Ngừ quê ở thôn 4, xã Đức Nhuận. Bà là người hiền thực, đức độ. Trong gia đình bà xem các con chồng như con ruột. Với họ tộc bên chồng bà thương yêu đùm bọc con cháu, đoàn kết anh em và thiết tha với bốn phận cháu dâu họ Trần trong việc phụng sự ông bà, Tổ tiên.

Bà với ông không sinh con. Về già ông bà nuôi một con nuôi (gái).

Đời thứ bảy

Ông TRẦN LỘC
Bà PHẠM THỊ LÂN

❖ Ông **Trần Lộc**, thường gọi ông Một Lộc, thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Hằng và bà Ngô Thị Trúc.

Ông sinh năm 1929 (Kỷ Ty) mất ngày 21/4/1978 (Mậu Ngọ), mộ ông táng tại “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Ông được đi học từ nhỏ, thi đỗ sơ học yếu lược ở trường Long Phụng, đỗ tiểu học Pháp Việt năm 1943 tại trường Tư Nghĩa, tiếp tục theo học Ban thành chung ở trường tư thực Cẩm Bàn. Sau Cách mạng tháng 8/1945 ông học ở trường trung học Lê Khiết (Quảng Ngãi). Học đến năm thứ 4, theo tiếng gọi của đất nước, ông gia nhập bộ đội chống Pháp và được biên chế vào lực lượng tình nguyện quân giúp nước bạn Lào, chiến đấu tại mặt trận Lào.

Hoà bình lập lại năm 1954, ông tập kết theo đơn vị ra Bắc. Sau khi chuyển ngành (1959) làm cán bộ giảng dạy môn Quân sự tại trường Đại học Lâm nghiệp.

Sau giải phóng miền Nam 1975, ông cùng vợ con trở về quê hương sống tại Thị trấn La Hà, xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi. Không bao lâu ông lâm bệnh nặng và qua đời.

❖ Bà **Phạm Thị Lân**, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1935 (Ất Hợi) tại Savanakhet (Lào). Bà là con ông Phạm Thụy và bà Nguyễn Thị Nguyệt, quê xã Phong Dinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Từ nhỏ bà đã tham gia Cách mạng, làm liên lạc cho hội Việt kiều yêu nước ở Thái Lan. Sau đó bà theo gia đình hồi hương về sống tại Thị xã Hải Dương và công tác tại cửa hàng may đo tỉnh Hải Dương.

Sau giải phóng miền Nam (1975) thống nhất đất nước, bà theo ông về sống ở quê chồng. Với truyền thống của người phụ nữ Việt Nam yêu nước, bà vừa làm việc vừa nuôi dạy con cái trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định.

Hai ông bà đã sinh hạ được 5 người con (2 trai, 3 gái):

1. Trần Thị Quỳnh Lê, sinh ngày 1 tháng 4 năm 1962 (Nhâm Dần) tại Kinh Môn, Hải Dương, tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm Quảng Ngãi, hiện là giáo viên cấp 2, chồng là Đinh Trọng Tảo sinh năm 1955 (Đinh Mùi), quê ở huyện Ý Yên, tỉnh Nam định, là rể thảo, coi gia đình bên vợ như gia đình mình, giúp đỡ các em vợ đều có công ăn việc làm ổn định. Có 2 con: - Đinh Đức Trọng (1986), - Đinh Thị Như Quỳnh (1988).

2. Trần Thị Diệu Linh, sinh ngày 2 tháng 9 năm 1965 (Ất Ty) tại Kinh Môn, Hải Dương, đã tốt nghiệp trung học phổ thông, chồng là Huỳnh Nghĩa, sinh năm 1960 (Canh Tý) quê tại xã Phổ An, huyện Đức Phổ. Có 2 con : - Huỳnh Thị Linh Chi (1989), - Huỳnh Minh Trí (1993).

3. Trần Cửu Long, sinh ngày 6 tháng 12 năm 1967 (Đinh Mùi) tại Kinh Môn, Hải Dương, đã tốt nghiệp phổ thông trung học và theo học nghề cơ khí, vợ là Trần Thị Tâm, sinh năm 1969 (Kỷ Dậu) quê tại xã Nghĩa Chánh, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Có 1 con:

- Trần Thanh Thanh Lam (1996)

4. Trần Thị My Ly, sinh năm 1969 (Kỷ Dậu) tại Kinh Môn, Hải Dương, đã tốt nghiệp trung học phổ thông, chồng là Nguyễn Kỳ Anh (1973) quê ở xã Bình hải, huyện Bình sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Có con là Trần Nguyễn Thảo My.

5. Trần Thắng Lợi, sinh năm 1972 (Nhâm Tý) tại Kinh Môn, Hải Dương, tốt nghiệp trung học phổ thông và đã học nghề ở trường Cơ điện tỉnh Đồng Nai, công tác tại Công ty đường Quảng Ngãi.

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN CHẤN
Bà chánh thất	NGÔ THỊ KHOẢN
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ DA MI

❖ Ông **Trần Văn Chấn** tự là **Trần Tuân**, thường gọi là ông **Tú Tuân**, thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Ông sinh giờ Mẹo, ngày Nhâm Dần (ngày 25 tháng 11 năm Quý Mùi (1883)). Ông theo Nho học, có chỉ khoa bảng, cùng học và cùng đi thi với anh trai trưởng Trần Phiên. Ông còn biết chữ Quốc ngữ và một ít tiếng Pháp.

Năm Canh Tuất, Duy Tân thứ 4, ông thi đỗ Tỉnh trường Học sinh.

Năm Nhâm Tý (1912) Duy Tân thứ 6, ông thi đỗ Cử nhân cùng khoa thi với anh trai. Lẽ ra ông cũng được về kinh bái yết Vua, nhận ban áo mão, nhưng một số quan trường và cử tử sanh lòng đố kỵ, khiêu nại về Triều, hạch quyền tìm lỗi. Bộ học duyệt lại Văn bài của ông bị phạm huý nên bị giáng truat từ Cử nhân xuống Tú tài thượng hạng.

Năm Ất Mão(1915) Duy Tân thứ 9, ông thi lại và cũng đỗ Tú tài. Sau đó bị bạo bệnh đành chấm dứt nghiệp khoa cử. Cũng năm ấy, ông được hạch bổ hạng giáo sư, dạy học tại trường Văn Bân, nay thuộc xã Đức Chánh, Huyện Mộ Đức.

Năm Canh Thân(1920), ông được thưởng Hàn Lâm Viện Đãi chiếu. Dạy học được 8 năm, ông nghỉ dạy, về nhà phụng dưỡng cha mẹ già, lo việc gia đình, đồng áng.

Năm 1931, ông làm nhà ra ở riêng, dạy chữ hán và chữ Quốc Ngữ. Ông chuyên nghiên cứu Đông y, địa lý, xem ngày tháng kiết hung, viết liễn, đối, giúp đỡ bà con gần xa. Ông có cốt cách khoan thai, hoà nhã, từ cách đi, dáng đứng đến lời ăn, tiếng nói. Ông là tiêu biểu một Nho sĩ đương thời có nếp sống thanh bạch, mẫu mực. Đức độ của ông được lan truyền gần xa, là niềm tự hào của con cháu dòng họ.

Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, làm chủ tịch mặt trận Liên-Việt tỉnh Quảng Ngãi, đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh. Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương . Những năm chiến tranh, quê hương bị tàn phá, ông tạm lánh về sống ở Bồ Đề, sau đó dời ra xã Nghĩa Lộ, huyện Tư Nghĩa sống với con trai là Trần Dệ những năm tháng cuối đời. Trước giờ lâm chung, ông còn rất tỉnh táo, gọi các con đến dặn dò, đọc chữ Triệu và bài vị để lo hậu sự cho ông.

Ông mất lúc giờ Mẹo ngày 28 tháng 8 năm Mậu Thân (1968), hưởng thọ 86 tuổi, an táng ông tại Núi Chùa Qui Sơn, cạnh núi Thiên Bút về phía Nam.

Năm 1986, hài cốt ông được di táng về “Vườn mộ họ Trần” ở thôn Tân Định. Hài cốt bà cũng được di táng về nằm bên mộ ông trong năm ấy.

❖ Bà chánh thất: **Ngô Thị Khoản** có hiệu là **Hiếu Trung** con gái thứ 2 ông Viên tử Ngô Khoản, quê ở xóm 10, thôn Năng An, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức.

Bà sinh năm Kỷ Sửu (1889). Mất ngày 5 tháng 2 năm Bính Thìn (1916), hưởng dương 28 tuổi. Mộ bà táng tại Gò Đường, thôn Năng An, xã Đức Nhuận, trong nghĩa trang gia tộc họ Ngô.

Ông bà sinh được 1 con gái :

1. Trần Thị Toản, sinh ngày 18 tháng 9 năm Mậu Thân (1908), mất ngày 4 tháng 8 năm Ất Hợi (1935). Chồng là Trần Hạng (tức Trần Lộ) con ông Cửu Chỉ, ở xã Đức Hoà, huyện Mộ Đức, mất ngày 6 tháng 12 Âm lịch. Có 2 con gái:

- Trần Thị Nhi, Chồng là Bùi Sum ở thôn An Phong, xã Đức Chánh. Có con gái là Bùi Thị Bửu.

- Trần Thị Hồng(1928), tục danh là Khai, có chồng tên là Nguyễn Đình Phúc, người Nghệ An. Có 3 con trai tên là: Nguyễn Đình Thanh, Nguyễn Đình Hà và Nguyễn Đình Bắc.

❖ Bà Kế thất: **Nguyễn Thị Da Mi**, hiệu là **Môn Thử**, con gái thứ 4 của ông Tri huyện Nguyễn

Hữu Lệ và bà Trương Thị Lệ Yên, quê làng Mỹ Khê, huyện Sơn Tịnh. Bà là cháu nội của cụ Thượng Thư Nguyễn Bá Nghi và là cháu ngoại cụ Đông Cát Trương Quang Đăng ở Mỹ Khê, huyện Sơn Tịnh.

Bà sinh ngày 21 tháng 8 năm Giáp Ngọ (1894). Bà mất ngày 17 tháng 10 năm Quý Mùi (1943), hưởng thọ 50 tuổi, mộ ông bà táng tại “Vườn mộ họ Trần” ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (3 trai, 4 gái):

1. Trần Thị Khế, sinh ngày 10 tháng 3 năm Kỷ Mùi (1919), mất ngày 25 tháng 8 năm Canh Thìn (1939), có chồng là ông Huỳnh Cẩn, con trai thứ của ông Huỳnh Cát, tục gọi là Bá Hộ Chằm và bà Nguyễn Thị Chằm ở thôn Bách Mỹ, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa. Ông mất ngày 21 tháng 12 năm Ất Hợi(1995) .

Ông bà sinh hạ được 1 con trai:

- Huỳnh Thịnh, sinh năm 1937, mất ngày 13 tháng 5 năm 1992. Vợ là Nguyễn Thị Hồng quê ở thôn An Chỉ, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, hiện sống ở Cam Ranh, có các con là:- Huỳnh Thị Lệ, - Huỳnh Thị Duyên, - Huỳnh Dân, - Huỳnh Thị Diêu , - Huỳnh Dinh , - Huỳnh Thị Diễm.

Sau khi vợ mất ông Huỳnh Cẩn cưới bà kế thất là Lê Thị Phương, con gái ông Lê Thiệu (Cử Thiệu) quê ở xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức.

2. Trần Thị Lựu, sinh ngày 12 tháng 5 năm Canh Thìn (1920), mất ngày 21 tháng 9 năm Bính Thân (1957), có chồng là Lê Quang Ba, con ông Lê Quang Mỹ (Hương Sư Mỹ) quê thôn Năng An, xã Đức Nhuận, mất ngày 22 tháng 7 năm Bính Tý (1976), có 6 người con là:

- Lê Thị Diêu (mất sớm)
- Lê Thị Dị, chồng là....
- Lê Thị Thanh, chồng là....., các con là Hiền, Hiều
- Lê Quang Thơi, vợ là Lê Thị Bay có các con là: - Lê Thị Phương, - Lê Quang Phúc, -Lê Quang Vỹ, - Lê Quang Ẩn, - Lê Thị Kiều.
- Lê Quang Như, vợ là Hồ Thị Kim, các con là: - Lê Thị Diễm Trang, - Lê Quang Trung, - Lê Quang Vũ, - Lê Quang Nhã, - Lê Quang Dũng, - Lê Thị Phi, - Lê Thị Bé;
- Lê Thị Lôi, có chồng là.....

Bà qua đời, ông cưới bà kế thất là Phạm Thị Thắm, quê ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

3. Trần Đình Châu.

4. Trần Thị Bưởi, thường gọi bà Sáu Bưởi, sinh ngày 26 tháng 9 năm Giáp Tý (1924), có chồng là Phạm Chuân (tên con là Xuân), con trai bà Phan Thị Mô ở thôn Thử Khương, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

Ông bà sinh được các con là:

- Phạm Xuân Vĩnh (tức Hiều), vợ là Phạm Thị Hoa quê ở Tây Ninh, có các con : - Phạm Thị Lê Phương (mất sớm), - Phạm Xuân Huy, - Phạm Xuân Hoàng, - Phạm Xuân Quang, - Phạm Xuân Vinh.
- Phạm Thị Thắm, chồng là Đặng Ngọc Sinh quê ở Hải Châu, có các con: -Đặng Ngọc Tường Duy, - Đặng Ngọc Hoàng Duy, - Đặng Ngọc Thu Uyên.
- Phạm Tươi, tức Phạm Xuân Việt vợ là Trịnh Thị Tấn, có con là: - Phạm Trịnh Minh Quân, - Phạm Trịnh Minh Triết.

- Phạm Vui, vợ là Nguyễn Thị Hoàng Anh, có con là: - Phạm Thị Thu An.

5. Trần Thị Bông, thường gọi bà Bảy Bông, sinh ngày 9 tháng 4 năm Bính Dần (1926), có chồng là ông Lê Quang Bích, sinh 22 tháng 2 năm 1927, con ông Lê Quang Trang (Hương Bộ Trang), quê thôn Thố Khương, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, Ông Lê Quang Bích tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 tập kết ra Bắc. Hoà bình lập lại ông về Đà Lạt làm Chi cục trưởng thống kê tỉnh Lâm Đồng. Về hưu ông còn tham gia công tác mặt trận Tổ Quốc thành phố Đà Lạt.

Ông bà sinh được 3 người con gái:

- Lê Thị Hồng Vân (thường gọi là Sen), sinh ngày 5 tháng 6 năm Mậu Tý (1948), chồng là Trần Dũng, quê ở thôn Hải Châu, xã Nghĩa Hiệp (đã mất). Có các con là: - Trần Tấn, - Trần Hoàn, - Trần Thị Thanh Thuý, - Trần Ý, - Trần Thị Lâm, gia đình ở Tân Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng.
- Lê Thị Minh Âu, sinh ngày 13 tháng 9 năm Nhâm Thìn (1952) có chồng là Lê Phụ, quê xã Tư Nguyên, huyện Tư Nghĩa, có các con là: - Lê Quốc Dân (1979), - Lê Thị Quỳnh Tiên (1981), - Lê Quốc Bảo (1983), - Lê Quốc Kha (1986), - Lê Thị Quỳnh Như (1984), - Lê Quốc Khang (1988), - Lê Thị Quỳnh Anh Thư (1990).
- Lê Thị Nguyệt Ánh, sinh ngày 12 tháng 8 năm Giáp Ngọ (1954) có chồng là Tôn Thất Cẩm Nghĩa, quê ở thành phố Huế, có các con là: - Tôn Thất Ninh (1981), - Tôn Thất An (1989).

6. Trần Văn..(vô danh), sinh ngày 18 tháng 2 năm Mậu Thìn (1928), mất ngày 2 tháng 3 năm Mậu Thìn, mộ táng phía dưới chân mộ ông Trần Đình Châu tại “Vườn mộ họ Trần”.

7. Trần Dệ

8. Trần Thị Lại, sinh ngày 1 tháng 9 năm Ất Hợi (1935), mất ngày 10 tháng 12 năm Ất Hợi (1935) mộ táng tại “Vườn mộ họ Trần”, phía dưới chân mộ Trần Đình Châu về phía Bắc.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN ĐÌNH CHÂU
Bà	ĐOÀN THỊ MIÊN

❖ Ông **Trần Đình Châu**, thường gọi **ông Năm Châu**, thuộc đời thứ 6, là con thứ của ông Trần Văn Chấn và bà Nguyễn Thị Da Mi. Ông sinh ngày 6 tháng 01 năm Nhâm Tuất (1922), mất ngày 10 tháng 8 năm Mậu Tý (1948) hưởng dương 27 tuổi, mộ ông táng tại “Vườn mộ họ Trần” ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

❖ Bà **Đoàn Thị Miên** là con gái của ông Bá Hộ Đoàn Quý (thường gọi là ông Bá Nguon) với bà thứ thất, quê ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận.

Ông bà sinh được 1 con gái:

- **Trần Thị Xuân Sinh**, sinh tháng 9 năm Đinh Hợi (1947), có chồng là Lê Minh Tiền, con trai ông Lê Lương ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận, có các con là: - Lê Thị Mộng Oanh (1966) ; - Lê Minh Lạc (1968) có vợ là Lê Thị Ánh Tuyết quê ở An Chuẩn, xã Đức Lợi ; - Lê Minh Quang (1972) tốt nghiệp đại học Đà Lạt ; - Lê Thị Mộng Tuyền (1974), chồng là Lê Hoàng Khiêm quê ở An Tĩnh, xã Đức Thắng; - Lê Thị Kiều Giang (1989).

Năm 1950, bà Đoàn Thị Miên tái giá lấy ông Nguyễn Châu (con bà Đường) ở thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN DỆ
Bà chánh thất	LÊ THỊ MINH TÂM
Bà kế thất	TRẦN THỊ CỬA

❖ Ông **Trần Dệ**, lúc nhỏ có tên là **Xiêm**, thường gọi ông **chín Dệ** thuộc đời thứ 7, là con thứ của ông Tú tài Trần Văn Chấn và bà kế thất Nguyễn Thị Da Mi. Ông sinh ngày 7 tháng 3 năm Nhâm Thân (1932) đúng vào giờ Mùi ngày Mẹo.

Ông học hết bậc tiểu học thi đỗ Tiểu học Pháp Việt. Từ nhỏ ông đã gánh chịu cuộc sống nhiều bất hạnh: cha già, mẹ đau yếu triền miên, anh trai bệnh hoạn yếu đuối nên việc học hành dở dang. Cảnh nhà neo đơn phải nhờ chị gái Trần Thị Bông và anh rể về sống chung làm chỗ nương tựa.

Ông lập gia đình sớm, khi sinh được đứa con thứ 2 thì vợ mất. Anh trai Trần Đình Châu mất còn rất trẻ (1948) để lại một con thơ. Chị dâu đi lấy chồng khác, gánh nặng gia đình càng thêm nặng. Ông phải cưới vợ lần nữa vào năm 1959 để cùng ông chăm nom gia đình. Cuộc sống gia đình tạm ổn định chưa được bao lâu thì chiến tranh xảy ra, cửa nhà tan nát, phải lánh đi sống nhiều nơi: Bò Đề, Sông Vệ, Thị xã Quảng Ngãi, Qui Nhơn.

Sau giải ngày phóng (1975) ông về quê hương Tân Định, nhưng cuộc sống vẫn vất vả, khó khăn, ông phải tìm đến vùng kinh tế mới An Khê; đất mới, rừng thiêng, nước độc không chịu đựng nổi ông lại phải vào thôn Sông Cầu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu lập nghiệp.

Ông bình sinh là người năng động, trung hậu, bình dị, vui tính không ham danh lợi, thích lối sống nơi thôn dã. Lúc nhỏ ông thích chơi chim, gà đá, bắt cá, bẫy thú, cây cảnh. Lớn lên tuy phải sống nhiều nơi ông vẫn không quên thú chơi thường ngày của mình. Trời chẳng chịu người, ông luôn phải lặn lội với cuộc sống đó đây. Gia đình, cơm áo... khiến ông phải làm đủ mọi nghề, lúc phải chịu đi làm công chức, lúc xuống biển làm công nhân bến tàu, lúc lên rẫy trồng lúa.... Về già, ông thấm thía với 2 chữ “Định Mệnh” của Nho giáo, nhuần nhuyễn với ý niệm “Đời là bể khổ” trong giáo lý nhà Phật. Tuy vậy lúc nào ông cũng sống nhân ái, tự hào với truyền thống cha ông, luôn hoài cảm về quê hương cảnh cũ.

Hiện nay ông sống ở thôn Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, sống giản dị, thanh bản, tìm thanh thản nơi thú chơi cây kiểng, làm thơ... Thơ của ông không nhiều, hầu hết mang hương vị chua chát của thân phận, da diết ngậm ngùi với nỗi nhớ quê hương, hoặc dí dỏm để tặng con cháu. Ông hiệp cùng anh em trong họ tộc, vận động con cháu xây dựng nề nếp thờ phụng Tổ tiên, di dời, trùng tu mộ mã, tham gia xây dựng lại nhà thờ Cao tổ cũng như nhà thờ chi họ.

Tuy tuổi già sức yếu, nhưng hằng năm ông vẫn cố gắng về thăm quê nhà, viếng mộ mã tổ tiên và dự lễ giỗ tổ ông bà vào ngày 19 tháng 5 Âm lịch.

❖ Bà chánh thất **Lê Thị Minh Tâm** là con gái thứ 8 của ông Lê Văn Lang và bà Nguyễn Thị Diên (Bà Giáo Tài) quê ở thôn Vạn An, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa.

Bà sinh năm 1931, mất ngày 28 tháng 4 năm Mậu Tuất(1958), mộ bà táng tại “Vườn mộ họ Trần”, thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh được 2 người con (1 trai, 1 gái):

1. Trần Thị Huệ, sinh ngày 12 tháng 12 năm Quý Tỵ (1953), chồng là Nguyễn Ngọc Phương, có các con: - Nguyễn Trần Tuấn Anh, sinh năm 1982, - Nguyễn Trần Bảo Anh sinh năm 1983. Hiện đang sinh sống ở Thành phố Đà Lạt.

2. Trần Đình Trai, sinh ngày 01- 01-1956 (Ất mùi), có vợ chánh thất là Nguyễn Thị Diệu Hoa, con gái ông Nguyễn Ký Trung và bà Lương Thị Siêng ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận, có 2 con là:

- Trần Đình Khả (1979)
- Trần Đình Khải (1985)

Vợ kế là Trần Thị Máy (Út) quê ở Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, có con là:

- Trần Thị Yến Nhi (1993)

❖ Bà kế thất **Trần Thị Cửa**, sinh năm Ất Hợi (1935) là con gái thứ 14 của ông Chánh tổng Trần Thương (Tục gọi ông Chánh Hai) và bà Nguyễn Thị Nồng, quê thôn Năng An, Xã Đức Nhuận.

Bà là người khôn ngoan, vui tính, đảm đang việc nhà, chăm lo việc họ tộc. Trong mọi hoàn cảnh, bà luôn năng động cùng với ông chia xẻ bao nỗi khó khăn gian khổ, nuôi dạy con cái, thương yêu con chồng. Về già bà qui y Phật pháp, sống chay tịnh.

Ông bà sinh hạ được 8 người con (4 trai, 4 gái):

1. **Trần Đình Tráng**, sinh năm 1959 (Kỷ Hợi) vợ là Thái Thị Mỹ Ánh cùng tuổi, con ông Thái Đình Tú và bà Huỳnh Thị Hương, quê ở xã Hành Thiện, Nghĩa Hành, có 3 con (2 gái, 1 trai):

- Trần Thị Thái Uyên (1982)
- Trần Thị Thái Duyên (1986)
- Trần Thái Uy (1988)

2. **Trần Thị Tảo**, sinh năm 1961 (Tân Sửu)

3. **Trần Đình Trí**, sinh năm 1963 (Quý Mão) vợ là Ngô Thị Kha, quê ở xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có 01 con trai là:

- Trần Tuấn Kiệt (1993)

4. **Trần Thị Tàn**, sinh năm 1965 (Ất Ty) có chồng là Tạ Đình Hoà (1964), quê thôn Thạch Bích, xã Tư Chánh, huyện Tư Nghĩa, có 2 con: - Tạ Đình Thiên Bút (1990), - Tạ Thị Trà Giang (1993)

5. **Trần Đình Thuật**, sinh năm 1967 (Đinh Mùi) vợ là Trần Thị Kim Oanh (1967) quê ở Thủ Đức, có con là:

- Trần Thị Thanh Thanh (1994)

6. **Trần Thị Hương**, sinh năm 1969 (Canh Tuất)

7. **Trần Thị Bích Vy**, sinh năm 1972 (Nhâm Tý)

8. **Trần Đình Trạng**, sinh năm 1975 (Ất Mão), xuất gia theo Phật tại chùa Tổ đình Linh Sơn Tự ở xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN PHỤC
Bà HUỲNH THỊ ĐỐC

❖ Ông **Trần Văn Phục** tịch là **Trần Đại**, thường gọi là **ông Để** hay **ông Năm**, thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Ông sinh năm Bính Tuất (1886), ông mất ngày 30 tháng giêng năm Tân Sửu (1961). Hưởng thọ 76 tuổi. Mộ ông táng tại “Vườn mộ họ Trần” ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Sinh thời ông biết Hán tự và chữ Quốc ngữ, tính tình thuần phất, cần kiệm, vị tha. Tuy suốt đời chuyên việc nông trang, ông rất tự hào về truyền thống cha ông, quyết tâm bền chí nuôi con ăn học nên người. Con cháu ngày nay còn nhắc nhở đến câu chuyện, ông xin tấm bằng tốt nghiệp Tiểu học Đông Pháp của cháu mình là Trần Duẩn đem về dán ở vách nhà để nhắc nhở con cái lấy đó làm gương, chăm chỉ học hành. Không biết có phải do cách giáo dục này mà sau đó ông Trần Đình Tiễn, con trai của ông học giỏi và đã đỗ thủ khoa kỳ thi Pháp Việt năm 1941 không?

Ông là người ưa sáng tạo, lại khéo tay, giỏi việc đan lát, tìm tòi học hỏi giỏi cả việc nữ công gia chánh để giúp bà nuôi dạy con cái. Thấy bà và các con ngày 3 lần vào bếp nấu nướng vất vả, ông đã áp ủ ý định chế biến thức ăn khô để giúp bà và các con đỡ cực nhọc.

Ông rất nhiệt tâm đối với công việc của họ tộc. Cùng với anh em ông chăm lo phụng thờ Tổ tiên, ông đề xướng việc thu “thuỷ lợi phí” nguồn nước từ “Mạch Nhỏ” để góp thêm vào quỹ cúng giỗ ông bà, cha mẹ. Đặc biệt ông rất thương yêu con cháu. Thỉnh thoảng ông cũng viết lách, làm thơ để nói lên tâm tư của mình. Ông còn biết chơi cả đàn bầu, đàn nhị. Những năm cuối đời ông trần trở vì thế sự, không gặp mặt được đầy đủ các con cháu của ông.

❖ Bà **Huỳnh Thị Đốc** là con gái thứ 9 của ông Huỳnh Giảng (Chủ Giảng) quê ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Bà sinh năm 1893 (Quý Tỵ), mất ngày 4 tháng 7 năm Quý Hợi (12/8/1982), hưởng thọ 90 tuổi. Mộ bà táng cạnh mộ ông tại “Vườn mộ họ Trần”.

Sinh thời, bà sống rất cần cù, lao động miệt mài, dành dụm, chắt chiu, vun đắp cho gia đình, chăm lo nuôi dạy con cái. Bà rất nghiêm túc trong lời ăn tiếng nói và cử chỉ. Yêu ghét phân minh là nét nổi bật nhất của bà để bảo tồn nề nếp gia đình, truyền thống gia tộc.

Ông bà sinh hạ được 8 người con:

1. Trần Thị Để, sinh năm Nhâm Tý (1911), mất ngày 27 tháng 7 năm Kỷ Tỵ (28/8/1989), hưởng thọ 79 tuổi, có chồng là Trần Nở, con trai thứ 3 của ông bà Trần Lưu, quê ở thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng, ông bà sinh được 2 gái:

- Trần Thị Long, sinh năm 1934 (Giáp Tuất) có chồng là Nguyễn Biên Thuỳ, có con trai là Nguyễn Quốc Khánh.
- Trần Thị Viên, mất lúc còn nhỏ.

2. Trần Thị Đỗ, sinh năm Bính Thìn (1915), mất ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Mão (1999), hưởng thọ 84 tuổi, có chồng là Nguyễn Nhưng, con trai của ông bà Nguyễn Hành, quê thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng. Ông bà sinh hạ được 8 người con:

- Nguyễn Chánh (tức Phó), sinh tháng 4 Ất Hợi (1935) là Kiến trúc sư, vợ là Bùi Thị Giang quê ở huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, có các con là: - Nguyễn Thị Minh Đức, - Nguyễn Thị Hồng Hạnh, - Nguyễn Việt Trung. Hiện đang sinh sống tại Đà Nẵng.
- Nguyễn Trường, sinh ngày 22 tháng 12 năm Bính Tý (1936) có vợ là Trịnh Thị Miên, quê ở thôn Gia Hoà, ông thoát ly gia đình tham gia kháng chiến chống Mỹ, đã hy sinh, được công nhận là Liệt sĩ, có các con là: - Nguyễn Nam, - Nguyễn Thị Thu, - Nguyễn Thị Hương.

- Nguyễn Hà (tức Bá Thiện), sinh ngày 20 tháng 8 năm Mậu Dần (1938) vợ tên là Nguyễn Thị Hạnh, có 2 con: - Nguyễn Thị Uyên Tâm (1980), - Nguyễn Bá Tín (1986). Năm 2002 ông bà cùng con trai vào chùa quy y Phật pháp.

- Nguyễn Thị Hải, sinh ngày 16 tháng 1 năm Nhâm Ngọ (1942), chồng là Ngô Bá, con trai ông Ngô Thiềng, quê ở Năng An, có các con: - Ngô Thị Lài, - Ngô Thị Thuý, - Ngô Thị Mìn, - Ngô Thị Lựu, - Ngô Thị Li, - Ngô Thị Linh, - Ngô Thị Liền, - Ngô Hữu, gia đình đang định cư tại Mỹ.

- Nguyễn Thị Sơn, sinh năm 1944 (mất sớm).

- Nguyễn Thị Tịnh, sinh tháng 8 năm Mậu Tý (1948), có chồng là Trần Đình Phúc, con trai ông Trần Thê ở thôn Năng An, có các con là: - Trần Quốc Hưng (1975), - Trần Thị Huyền Trang (1978), - Trần Thị Duy Ái (1980), - Trần Quốc Huy (1981).

- Nguyễn Thanh, sinh năm 1951 (Tân Mão) mất năm 1975.

- Nguyễn Thị Minh, sinh ngày 1 tháng 4 năm Giáp Ngọ (1954), có chồng là Ngô Thanh Long (Ngô Tân) quê ở thôn Năng An, có các con là: - Ngô Thị Ngọc Diệp, - Ngô Trí, - Ngô Thị Như Ý.

3. Trần ..(vô danh), mất sớm

4. Trần Thị Thương, tức năm Thương (hoặc Thông), sinh năm Canh Thân(1920), mất ngày 4 tháng 10 năm Mậu Tuất (14/11/1958), hưởng dương 39 tuổi, chồng là Nguyễn Cải (tức Nguyễn Dụ), con trai ông Điền Xuyên ở thôn Hàm An, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, có các con là:

- Nguyễn Thị Thông, lấy chồng về Hàm An.
- Nguyễn Thái, có vợ tên Thê ở thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp.
- Nguyễn Độ, giáo viên, có vợ là Bổng ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận.
- Nguyễn Thị Ny, có chồng là Lê Lào ở thôn Thê Khương, xã Nghĩa Hiệp, có các con: - Lê thị Thảo, - Lê Quốc Thọ, - Lê Quốc Luận, - Lê Quốc Đạt.

5. Trần Thị Thẩn, (tức Sáu Thiều), thường gọi Bà Thiều, sinh năm 1922 (Nhâm Tuất), mat 29/10/2012 tức 15/9 Nham thin , chồng là Phan Trừu, con trai ông Phan Đạm (xã Đạm) ở thôn Thê Khương, xã Nghĩa Hiệp.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (3 trai, 3 gái):

- Phan Thị Thiều, sinh năm 1944, Liệt sĩ, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ.
- Phan Tấn Liêu, tức Phan Tất Thắng sinh năm 1949 , vợ là Nguyễn Thị Chiêm, con ông Nguyễn Triêm ở thôn Bồ Đề, có 2 con: - Phan Quốc Toàn, - Phan Ý Nhi.
- Phan Thị Điều, sinh năm 1952, chồng là Đỗ Bộn, con trai ông Đỗ Đương ở thôn Thê Khương, xã Nghĩa Hiệp, có các con: - Đỗ Đức Đoan, - Đỗ Thị Trang, - Đỗ Thị Diễm, - Đỗ Đức Phúc.
- Phan Tấn Tích, sinh năm 1955, vợ là Hà Thị Oanh, con ông Hộ ở thôn Đại Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, có các con: - Phan Thị Hà Lam, - Phan Quốc Đảm.
- Phan Thị Lan, sinh năm 1960, chồng là Trần Đức Luân, quê ở xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, có các con: - Trần Phan Loan, - Trần Phan Lân.
- Phan Tấn Phương, sinh năm 1964, vợ là Phạm Thị Hương con ông Phạm Huynh ở thôn Thê Khương, có các con: - Phan Tấn Phú, - Phan Thị Nguyên.

6. Trần Đình Tiễn

7. Trần Thị Thì, sinh năm 1929 (Kỷ Ty), mất năm Ất Ty (1965), hưởng dương 37 tuổi, chồng là Lê Đàm, con ông Lê Quốc (Xã Bình) quê thôn Tân Định. Ông bà sinh hạ được 3 người con:

- Lê Thị Đức, sinh năm 1950, chồng là Ngô Mai ở thôn Gia Hoà, có các con là: - Ngô Văn Thư, - Ngô Văn Tín, - Ngô Thị Mỹ Linh.
- Lê Thị Nhung, sinh năm 1954, có chồng là Lê Hợp, con ông Lê Bưởi ở thôn Tân Định, có các con là: - Lê Thị Kiều, - Lê Thị Diễm, - Lê Thị Trâm.
- Lê Dũng sinh năm 1958, giáo viên cấp 2, vợ là Ngô Thị Kim Chi, quê ở xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, có các con: - Lê Anh Khôi, - Lê Ngô Anh Thư, - Lê Ngô Nguyệt Thu, - Lê Ngô Anh Thi, LêHiện nay ở thôn Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu).

8. Trần Đông

---0-❀❀0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN ĐÌNH TIỀN
Bà NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

❖ Ông **Trần Đình Tiền** lúc nhỏ có tên là Thơ, thuộc đời thứ 7, là con trưởng nam của ông Trần Văn Phục và bà Huỳnh Thị Đốc, ông đậu bằng tiểu học Đông Pháp năm 1941, sau tiếp tục học hết năm thứ 3 trường Cao đẳng Kỹ nghệ thực hành Huế. Từ nhỏ ông đã nổi tiếng là một học sinh gương mẫu, xuất sắc, luôn dẫn đầu các lớp từ sơ học đến tiểu học và thi đỗ đầu toàn tỉnh bằng Tiểu học Đông Pháp (1941).

Năm 1945 ông tham gia cách mạng và vào Đảng cộng sản Đông Dương (1946).“Trong quá trình tham gia Cách mạng, ông liên tục giữ các chức vụ từ cơ sở đến tỉnh và cơ quan Trung ương” (trích điều Văn của VP TW Đảng). Ông đã từng là cán bộ chủ chốt của Đoàn Thanh niên cứu quốc từ xã, tỉnh đến Liên khu V, là cán bộ tuyên huấn từ huyện đến tỉnh. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ ông ở lại miền Nam hoạt động bí mật, tham gia xây dựng cơ sở đấu tranh chính trị, binh vận,... Năm 1957, ông bị địch bắt, ở tù 8 năm tại các nhà lao: Qui Nhơn, Phú Lợi, Năm Căn, Tam Hiệp, Côn Đảo, Quảng Ngãi. Bị tra tấn đọa đầy, chết đi sống lại nhiều lần song ông vẫn giữ khí tiết của người Cộng sản.

Trong suốt cuộc đời, lúc còn đi học, khi tham gia kháng chiến, nhiều lúc phải xông pha vào chốn bom đạn, nguy hiểm, những lúc công tác bề bộn, ở cơ quan, cả khi về hưu sống cuộc đời thường, lúc nào ông cũng tỏ ra điềm đạm, bình tĩnh, cẩn thận, chu đáo, làm việc gì cũng đến nơi đến chốn. Trong gia đình ông là người con chí hiếu, luôn nghĩ đến công ơn cha mẹ sinh thành, dưỡng dục. Với họ tộc, ông là người có tình sâu, nghĩa nặng, ông chuyên tâm nghiên cứu gia phả của dòng tộc, trân trọng truyền thống cội nguồn. Cả cuộc đời ông hy sinh vì sự nghiệp Cách mạng, giữ trọn lòng trung hiếu.

Ông sinh ngày 15 tháng giêng năm Bính Dần (1926), mất ngày 26 tháng 9 năm Kỷ Dậu (1989), hưởng thọ 64 tuổi. Mộ ông táng tại nghĩa trang Văn Điển Hà Nội. Năm 1992 di táng về “Vườn mộ họ Trần” tại Tân Định, Đức Thắng gần mộ cha mẹ và con trai duy nhất.

Trước lúc về hưu, ông là Vụ phó Vụ địa phương Văn phòng Trung ương Đảng. Ông được Nhà nước trao tặng: Huân chương Độc lập Hạng Hai, Huân chương Quyết thắng Hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ Hạng cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và nhiều huân huy chương khác.

❖ Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân**, tục danh là Nguyễn Thị Kính, sinh năm Mậu Thìn (1928), là con gái ông Nguyễn Xương và bà Phạm Thị Lành quê ở thôn Hoài An, xã Đức Chánh. Bà tham gia Việt Minh đầu năm 1945, công tác phụ nữ xã.

Năm 1954 bà tập kết ra Bắc công tác tại bệnh viện Hồng Thập Tự Liên Xô, nhà máy dệt kim Đông Xuân, năm 1965 học trường Đảng Lê Hồng Phong và công tác tại quận uỷ Hai Bà Trưng Hà Nội. Bà về hưu năm 1984, được thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng (1990).

Ông bà sinh được 4 con (1 trai, 3 gái):

1. Trần Thị Thuốc, sinh năm 1947 (Đinh Hợi) là Bác sĩ, chồng Hồ Đắc Hoài sinh năm 1936 (Ất Hợi) là Kỹ sư Địa chất, con trai ông Hồ Đắc Diễm. Có các con là: - Hồ Thanh Hương, sinh năm 1974 (Quý Sửu), - Hồ Đắc Hiếu, sinh năm 1976 (Ất Mão), - Hồ Thê Hà, sinh năm 1979 (Mậu Ngọ).

2. Trần Thị Yến, sinh năm 1948 (Mậu Tý), Kỹ sư Hoá, giảng viên Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, chồng Dương Quang Sả là Kỹ sư Hoá, quê ở xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Có các con là: - Dương Yến Hằng, sinh năm 1975 (Ất Mão), - Dương Quang Đức, sinh năm 1985 (Ất Sửu).

3. Trần Thị Kim Phụng, sinh năm 1950 (Canh Dần), Kỹ sư Hoá, chồng Nguyễn Đăng Bình, con trai ông Nguyễn Đăng Thiệp, quê ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Có các con : - Nguyễn Đăng Hoà, sinh năm 1977 (Đinh Tí), - Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh năm 1985 (Giáp Tý).

4. Trần Minh Chính, sinh năm 1952 (Nhâm Thìn), du học ở Liên Xô, bị bệnh hiểm nghèo mất ngày 26 tháng 2 năm 1975 (ngày 14 tháng 01 năm Ất Mão). Mộ táng tại nghĩa trang Văn Điển - Hà Nội và đã được di táng về “Vườn mộ họ Trần” tại Tân Định, xã Đức Thắng, Mộ Đức, Quảng Ngãi.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN ĐỒNG

Bà

NGUYỄN THỊ LUÔNG

❖ Ông **Trần Đồng**, thường gọi là ông **Chín Đồng**, thuộc đời thứ 7, sinh ngày 26 tháng 4 năm Nhâm Thân, là con trai út của ông Trần Văn Phục và bà Huỳnh Thị Đốc. Thuở nhỏ ông học hết bậc tiểu học.

Tháng 8 năm 1949, ông thoát ly gia đình gia nhập bộ đội, đến năm 1952 phục viên về địa phương tham gia công tác thanh niên cứu quốc xã. Tháng 10 năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác ở cơ quan thuộc Bộ xây dựng, ông vừa công tác vừa học tập tốt nghiệp xong bậc trung học. Ông gia nhập Đảng Lao động Việt Nam năm 1960. Năm 1970 ông vào Nam (đi B) tham gia kháng chiến chống Mỹ tại chiến trường Liên khu V, làm công tác binh dịch vận.

Sau giải phóng miền Nam 1975 ông công tác tại trường Tuyên huấn Trung ương 2, sau đó làm Hiệu phó trường Ngân hàng Nghĩa Bình, rồi Giám đốc Ngân hàng đầu tư xây dựng khu vực Quảng Ngãi. Ông nghỉ hưu tháng 10 năm 1992. Được Nhà nước tặng: Huy chương kháng chiến Hạng Hai, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng Hạng Ba, Huân chương Giải phóng Hạng Ba, Huy chương vì sự nghiệp xây dựng toàn quốc Coâng nơaon, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và nhiều huy chương khác. Năm 1993 ông bà chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sống với gia đình vợ chồng người con trai duy nhất của mình.

Sau khi đất nước hòa bình, nơi thờ cúng Tổ tiên chưa được ổn định, Khang trang là nỗi bức xúc của con cháu trong họ tộc. Năm 1992 nhận thấy hội đủ điều kiện ông khởi xướng dự án xây dựng nhà thờ chi họ tại Bồ Đề, được anh em, con cháu nội ngoại gần xa đồng tình hưởng ứng.

Năm 1993, ông chủ động đứng ra kêu gọi con cháu tại Sài Gòn, đi đầu trong việc đóng góp tiền của, đem về quê hương xây dựng lại nhà thờ của chi họ tại Bồ Đề, xây dựng và trùng tu mồ mã Tổ tiên. Hàng năm vợ chồng ông đều đặn đi về cùng họ tộc cúng giỗ ngày 19 tháng 5 Âm lịch. Ông tích cực đóng góp tiền của, công sức hiệp cùng bốn tộc xây dựng bia mộ ông bà các tầng cao, trùng tu từ đường, chỉnh lập lương bằng cho quỹ họ.

Xa quê hương, ông vẫn luôn nghĩ về cội nguồn, nơi “chôn nhau cắt rốn”. Để không quên truyền thống của Tổ tiên, tại thành phố Hồ Chí Minh, ông cùng cháu đích tôn Trần Lê Duy tập hợp con cháu nội ngoại hàng năm vào ngày 16 tháng 3 Âm lịch (từ năm 2003 lấy ngày 10 tháng 3 Âm lịch) làm lễ Tế Xuân nhòu ôn công đức Tổ tiên.

Tính ông ngay thẳng, điềm đạm và nhân hậu, rất mực yêu thương con cháu, đoàn kết họ tộc, nên được mọi người kính yêu.

❖ Bà **Nguyễn Thị Luông**, tên chữ là Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1929 (Kỷ Ty) là con gái thứ út của ông Nguyễn Chi (ông Chủ Mậu) và bà Nguyễn Thị Lắng, quê thôn Văn Bản, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức. Bà được tiếng hiền thực, đảm đang, xóm làng, bà con ai cũng khen. Về nhà chồng chưa được bao lâu, chồng đi tập kết ra Bắc, để lại cha mẹ già và con thơ.

Suốt 21 năm ở quê nhà bà giữ vững kiên trinh thủ tiết, một lòng một dạ với Cách mạng, quyết tâm nuôi con ăn học nên người, thay chồng gánh vác nặng gia đình, phụng dưỡng cha mẹ chồng trọn đạo, âm thầm chịu đựng bao khó khăn, nhọc nhằn... Có một thời gian bà đi thoát ly tham gia kháng chiến chống Mỹ nhưng nghĩ đến gánh nặng gia đình: mẹ chồng già, con dại bà lại phải quay về nuôi mẹ, nuôi con. Trong gia đình bà là người chí tình, chí nghĩa, ngoài xã hội bà biết sống thuận hòa, nhường nhịn mọi người, trong họ tộc bà là người cháu dâu hiền thảo, biết trân trọng truyền thống Tổ tiên nhà chồng, quý mến giúp đỡ anh em con cháu trong họ tộc. Vì đã có công đóng góp cho Cách mạng, bà đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến choáng Mỹ cứu nước Hạng Hai.

Ông bà sinh 1 con trai:

1. Trần Đình Thuận, sinh năm Giáp Ngọ (11/8/1954), Kỹ sư khai thác dầu khí, có vợ là Nguyễn Ái Hương, sinh năm Kỷ Hợi (24/9/1959), Kỹ sư địa chất, con gái của ông Nguyễn Văn Bản quê ở Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh và bà Đặng Thị Thanh quê ở Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Có 2 con:

- Trần Diễm Thu, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1987.
- Trần Thu Quỳnh, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1995.

2. Trần Thị Lệ Tâm, là con gái riêng của ông Trần Đồng, sinh năm 1962 tại Hà Nội, tốt nghiệp Trung cấp xây dựng, Cử nhân Kinh tế, chồng là Nguyễn Năm và có 2 con là: - Nguyễn Thị Hạnh Chi, - Nguyễn Trường Giang.

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN ÍCH
Bà ĐOÀN THỊ DÃ

❖ Ông **Trần Văn Ích** tịch là **Trần Thụy**, thường gọi là **ông Cữu Đạm**, thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà chánh thất Lê Thị Bân. Ông sinh năm Mậu Tý (1888), được tặng thưởng hàm Tòng cửu phẩm Bá Hộ, nhân dịp nhận lạc quyền quốc trái.

Ông theo học chữ Hán và biết cả chữ Quốc ngữ. Ông đi học trường Đốc ở tỉnh nhưng không theo đường khoa cử. Ông về sống ở Bồ Đề là làng chánh quán, được mời dự vào hàng chức sắc đại hào mục trong làng.

Ông giao du rộng rãi, quen thân với nhiều nhân sĩ, các vị khoa bảng và các thế gia cự tộc. Người bạn tâm giao của ông là cụ đồ Võ Du (có đạo cao đài) mở trường dạy học rất đông. Lúc rảnh rỗi, ông đến chơi nhà bạn, giúp giảng sách cho học trò, vừa đỡ nhớ sách vở. Tuy con cái đang theo học chữ Quốc ngữ, nhưng tối tối ông thường bắt học thêm chữ Hán để mở rộng thêm hiểu biết.

Ông thích cưỡi ngựa, xem hát tuồng, cầm châu. Ông còn biết chơi đàn cò, đàn bầu; thỉnh thoảng uống rượu và hút thuốc phiện... Ông có tài kinh doanh nông nghiệp, quản canh ruộng đất, nuôi nhiều trâu kéo, dựng chòi ép mía nấu đường, dựng bờ xe nước tưới ruộng (có chân trong hội đồng xa thủy của huyện). Của tiền từ nông sản bán được, ông tậu thêm ruộng đất, cất nhà ngói khang trang, nuôi con ăn học và giúp đỡ người nghèo khó. Ngày nào cũng có vài chục miệng ăn trong nhà, hầu hết là những người trong gia đình và con cháu nghèo được ông đem về nuôi dưỡng. Có người khi lớn lên được ông cho học nghề mộc, nghề nấu đường, giúp gây dựng vốn liếng, cưới vợ lập gia đình... Ông muốn con cháu trong họ gần gũi, sum tụ bên ông càng nhiều càng hay.

Ông rất coi trọng việc thờ phụng tổ tiên và làm các việc công đức để cầu nguyện cho sự bình an của xóm làng. Cùng với bốn tộc ông tham gia đắc lực trong việc xây dựng ngôi nhà thờ tổ, lập quỹ lương bổng, mua ruộng tế điền để con cháu có điều kiện thờ phụng tổ tiên. Ông cùng các ông họ Võ Xuân Cao, Nguyễn Lô, Nguyễn Quì, đóng góp công của để trùng tu chùa Già Lam (có từ đời ông Trần Văn Hưng) thờ đức Quan Thánh, mua 5 mẫu ruộng tế điền để hàng năm cúng tế cầu phúc cho dân làng. Ông cũng là người có công tạo lập dinh thờ ông Bùi Trần Công (tức danh thần Bùi Trần Bắc hay Bùi Tá Hán) và một nghĩa từ kế bên.

Vốn sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nho phong, là em ruột của quan thủ chỉ làng là ông thủ khoa cử nhân Trần Phiên, là em ruột của ông tú tài Trần Văn Chấn, lại là con rể của ông bà Xã Viện (một cự tộc làng Bồ Đề), tính tình ông phóng khoáng, giao du rộng rãi, có nhiều công đức với địa phương nên ông được người trong làng kính trọng, coi ông là người quyền quý và phúc đức.

Năm 1945, hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, ông đóng góp tích cực tiền, gạo nuôi quân, hưởng ứng tuần lễ vàng, quyên vàng để Nhà nước mua vũ khí đánh giặc Pháp.

Ông mất giờ Ngọ, ngày 10 tháng 12 năm Đinh Hợi (1947), thọ 60 tuổi, mộ ông táng tại đất nhà xứ Thượng Tân, nay đã di táng về nghĩa trang Núi Diệp, gần mộ bà. Năm 1997, mộ được trùng tu, trước mộ có 2 câu đối: “Phụng, Long quang chiếu minh sơn Diệp; Vệ thủy trường lưu bảo Định Lâm”. Đại ý nói quê ông làng Long Phụng (có núi Long, núi Phụng) về sống ở nguyên quán làm rạng rỡ cho làng Bồ Đề (có núi Diệp). Quê bà là làng Bồ Đề có Sông vệ, đức độ của bà hiên lành lan rộng khắp quê mình và quê chồng (Nho Lâm và Tân Định).

❖ Bà **Đoàn Thị Dã** thường gọi **bà Cữu Đạm**, là con gái duy nhất của ông bà Xã Viện (Đoàn Viện), cháu nội ông Đoàn Thông, em ruột ông Bá Nguơn và là chị ruột ông Xã Cảnh quê ở thôn Nho Lâm, làng Bồ Đề, xã Đức Nhuận.

Sinh thời bà có tiếng hiền đức, nhân hậu, vị tha, sống giản dị, siêng năng, cần kiệm, hết lòng thờ chồng, yêu thương con cháu. Tuy bà không sống bên nhà chồng nhưng bà rất được cha mẹ, anh chị em bên chồng quý mến. Bà biết thương người nghèo khó, chia xẻ nỗi đau của họ, đối lại họ cũng rất thương mến bà. Địa phương vẫn có nhiều người giàu có hơn bà, nhưng khi túng thiếu, người nghèo thường tìm đến bà nhờ vả vì bà có cách riêng giúp đỡ họ “nửa bán, nửa cho”... Ông mất sớm, bà lập chúc thư trí phần hương hỏa tự điền, còn lại phân chia tài sản cho con cái hưởng phần ngang nhau. Bà sống với con trai út (1949 – 1953) những năm kháng chiến thiếu thốn khó khăn nhiều nhất. Cuối đời, cuộc sống có phần dễ chịu hơn nhưng do tuổi già sức yếu bà lâm bệnh rồi mất.

Bà sinh năm 1893 (Quý Tỵ) mất vào giờ Tỵ, ngày 25 tháng 6 năm Quý Mão (15/8/1963), thọ 71 tuổi. Mộ bà táng cùng nơi với ông và được di táng về nghĩa trang Núi Đập.

Ông bà sinh hạ được 11 người con (4 trai, 7 gái):

1. Trần Thị Đạm, sinh năm 1912 (Nhâm Tý) mất năm 1913 (23/9 Quý Sửu).

2. Trần Hốt

3. Trần Thị Tỵ, thường gọi bà Hiến, sinh năm 1917 (Đinh Tỵ), có chồng là Võ Quang Nhượng con trai ông bà Võ Quang Nhân quê thôn Bò Đề, có các con:

- Võ Thị Hiến, có chồng là Bùi Xuân quê ở xã Đức Chánh có các con là: - Bùi Thị Phương, - Bùi Thị Hương, - Bùi Quang, - Bùi Thị Minh, - Bùi Thị Lan, - Bùi Thị Tý, - Bùi Dũng, - Bùi Cẩm.
- Võ Quang Diệu, sinh năm 1941, vợ là Nguyễn Thị Vân quê ở xã Nghĩa Hiệp có các con là: - Võ Quang Khanh, - Võ Thị Anh, - Võ Quang Tín, - Võ Quang Tân, - Võ Thị Tuấn, - Võ Thị Tùng.
- Võ Quang Huy, sinh năm 1944, vợ là Lê Thị Ánh quê thôn Bò Đề, có các con là: - Võ Quang Huyền, - Võ Thị Thủy, - Võ Thị Tuấn.
- Võ Quang Sương, sinh năm 1949, vợ là Nguyễn Thị Lý, quê Phú An, xã Đức Hiệp, có các con là: - Võ Thị Dung, - Võ Thị Trang, - Võ Thị Phúc, - Võ Thị Nữ.
- Võ Thị Tuyết, sinh năm 1954, chồng là Nguyễn Lân quê miền Bắc, có các con: - Nguyễn Thị Loan, - Nguyễn Sơn, - Nguyễn Thị Hoa, - Nguyễn Thị Hồng.

4. Trần Thìn

5. Trần Thị ... (vô danh) (mất sớm)

6. Trần Thị Từ, sinh năm 1923 (Quý Hợi) có chồng là Lê Ngọc Lân, con ông Lê Thiệu xã Đức Chánh, chết năm 1945, không có con. Bà tái giá với ông Bùi Trị (tức Hương Bộ Ấm) con trai ông chủ Hậu quê ở An Long, xã Đức Hiệp, có các con:

- Bùi Thị Phụng (Mất sớm)
- Bùi Văn Trình (mất sớm)
- Bùi Thị Lược, sinh năm 1961, giáo viên cấp 1, chồng là Nguyễn Nghĩa, giáo viên, có các con: - Nguyễn Thị Lệ Thủy, - Nguyễn Thị Phương Thủy, - Nguyễn Thị Bích Thủy.
- Bùi Dũng (Con nuôi) theo quê mẹ để sống ở Đồng Nai

7. Trần Thị Tự (mất sớm) mộ táng sau vườn ông Trần Văn Sĩ

8. Trần Văn Thứ (mất sớm) mộ táng sau vườn ông Trần Văn Sĩ

9. Trần Văn Sĩ

10. Trần Thị Trĩ, (mất sớm) mộ táng sau vườn ông Trần Văn Sĩ

11. Trần Thị Tỷ, sinh năm 1934 (Giáp Tuất), học hết tiểu học, mất ngày 14 tháng 2 năm Kỷ Sửu (1949), hưởng dương 16 tuổi, mộ táng sau vườn ông Trần Văn Sĩ.



Đời thứ bảy

Ông TRẦN HỐT
Bà TRẦN THỊ NHỎ

❖ Ông **Trần Hốt** tên chữ là **Trần Huất** thường gọi ông Ba Huất, thuộc đời thứ 7, là con trai trưởng của ông Trần Văn Ích và bà Đoàn Thị Dã.

Ông sinh năm 1914 (Giáp Dần), học hết chương trình tiểu học Pháp Việt rồi bị mang bệnh nặng, có tật ở chân phải bỏ học. Ông mở trường dạy chữ Quốc ngữ, học trò rất đông, ông cải cách phương pháp dạy giúp học trò học dễ, biết nhanh (học mẫu tự, học hết vần xuôi, bỏ học vần ngược thay vào đó bằng cách học đánh vần qua các câu ca dao, tục ngữ, từ dễ đến khó). Tính ông hiền lành, thận trọng, làm việc gì cũng suy nghĩ chín chắn, cân nhắc, đắn đo, hay giúp đỡ người khác nhất là việc liên quan đến giấy tờ khế ước. Ông thích làm vườn, nuôi chim lồng, gà đá, cũng rất khéo tay trong việc đan đác vá may. Ông biết chơi đàn cò, đàn nguyệt và đàn bầu.

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, ông tham gia kháng chiến, vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm hội trưởng Hội thân hào, hội trưởng Hội tương tế...

Ông mất khi còn trẻ, thân quyến xóm làng ai nấy đều tiếc thương. Ông mất ngày 5 tháng 2 năm Kỷ Dậu (1957). Thọ 44 tuổi, mộ ông táng tại đất nhà xứ Thượng Tân, nay cải táng về nghĩa trang Núi Diệp.

❖ Bà **Trần Thị Nhỏ** là con gái ông học sanh Trần Thúc Hồ (tức ông Học Hồ) quê ở thôn Ba Bình, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành.

Bà sinh năm 1918 (Mậu Ngọ). Mất ngày 11/01 năm Mậu Dần (1998), mộ bà táng tại nghĩa trang núi Diệp.

Ông bà sanh được 5 người con:

1. Trần .. (vô danh)

2. Trần Văn Ba, sinh năm 1937 (Mậu Dần), vợ Phạm Thị Hồng con gái ông Phạm Hân, quê thôn Năng An (đã mất). Có các con:

- Trần Văn Long
- Trần Thị Loan
- Trần Thị Lăng
- Trần Văn Liệu
- Trần Thị Lê
- Trần Văn Lương
- Trần Thị Quỳnh Trâm

3. Trần Thị Huệ, (.....) có chồng là Hồ Quang Thanh con trai ông Hồ Văn, quê Đức Hoà, Mộ Đức. Bị tử nạn năm 1975 cùng với 3 con gái và 1 con trai: - Hồ Thị Thủy, Hồ Thị Thi, Hồ Thị Thiện, - Hồ Quang Nhựt. Chỉ còn lại 1 con trai là Hồ Quang Liêm.

4. Trần Văn Hoanh, sinh năm (.....)

◆ Vợ chánh thất là Võ Thị Xuân con gái ông Võ Xuân Lữ quê Bồ Đề. Có 1 con gái:

- Trần Thị Kim Nương.

◆ Vợ kế thất là Trần Thị Nở, quê ở huyện Sơn Tịnh. Có các con là:

- Trần Văn Khương
- Trần Thị Thanh Vương
- Trần Văn Dương.

5. Trần Văn Hoàn, sinh năm (.....), vợ là Nguyễn Thị Hoa, quê ở Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Có các con là:

- Trần Thị Nguyệt
- Trần Thị Quyên
- Trần Thị Diễm
- Trần Văn Toàn.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN THÌN
Bà NGUYỄN THỊ THE

❖ Ông **Trần Thìn**, thường gọi là ông **Trần Nhung**, thuộc đời thứ bảy, là con trai thứ của ông Trần Văn Ích và bà Đoàn Thị Dã. Ông sinh vào giờ Thìn ngày 20 tháng 2 năm Canh Thân(1920).

Lúc còn nhỏ ông học dở dang bậc tiểu học rồi chuyển sang học chữ nho. Lớn lên ông cùng với người anh cô cậu mở tiệm “Tân Thạnh” buôn hàng tạp hoá, thổ sản như: cau, đường , mắm... bán ra Bắc. Lấy vợ, ông về sống ở quê bà tại Năng An (bà là con gái một của gia đình).

Sau cách mạng tháng 8/1945, ông tham gia kháng chiến chống Pháp, vào Đảng Cộng sản Đông Dương, công tác thanh niên cứu quốc. Vì làm chủ 2 tài sản (bên vợ và bên mình) ông có ruộng đất nhiều, trở thành đối tượng của công cuộc cải cách ruộng đất. Chán đời, ông thôi công tác, đọc sách thuốc, uống rượu giải khuây, nuôi gia cầm, chơi chim cảnh, nuôi con ăn học. Anh trai trưởng qua đời, ông quyền huynh thế phụ, hiệp cùng các chị, em, con cháu sửa sang lại nhà cửa của cha mẹ để thờ phụng, xây mộ chí cha mẹ...

Ông hăng hái đóng góp xây dựng nhà thờ chi phái, nhà thờ Cao tổ và trùng tu mồ mã ông bà tổ tiên. Tính ông khảng khái, cương trực, quý mến con cháu, họ hàng gia tộc.

Ông mất ngày 22 tháng 1 năm Đinh Sửu (1997), hưởng thọ 78 tuổi, mộ ông an táng tại nghĩa trang Núi Đập, xã Đức Nhuận.

❖ Bà **Nguyễn Thị The**, sinh ngày 01 tháng 12 năm Canh Thân (1920) là con gái duy nhất của ông Âm Sanh Nguyễn Bằng và bà Cao Thị Mè (bà âm Mười) quê thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

Bà mất ngày 6 tháng 7 năm Kỷ Mão (1999), hưởng thọ 80 tuổi, mộ táng tại nghĩa trang Núi Đập.

Ông bà sinh hạ được 5 người con:

1. Trần Thị Lệ Hà (1944) chồng là Nguyễn Hữu Phước, mất năm 1965 quê ở An Chuẩn, Đức Lợi. Có 1 con gái: - Nguyễn Thị Minh Thư sinh năm 1962 là giáo viên dạy trường trung học cơ sở. Chồng là Ngô Hữu Phúc, công nhân viên nhà nước.

2. Trần Thị Ngọc Lan (1946) chồng Phạm Xuân Kiều, quê ở Đức Tân, Mộ Đức. Có các con: - Phạm Thị Quỳnh Loan (1971), - Phạm Thị Quỳnh Lâm (1973), - Phạm Thị Quỳnh Lê (1977), - Phạm Xuân Lộc (1981).

3. Trần Văn Tôn sinh ngày 25 tháng 10 năm Nhâm Thìn (1952), tốt nghiệp đại học sư phạm, hiệu trưởng trường THCS, vợ Võ Thị Thới Khoa (1953) tốt nghiệp trường trung học sư phạm, giáo viên, con gái ông Võ Xuân Lộng quê ở Bồ Đề, Đức Nhuận. Có các con:

- Trần Thị Quyên
- Trần Thị Thới Văn (1981)
- Trần Văn Vĩnh Phúc (1984)
- Trần Văn Đức.

4. Trần Văn Khánh, sinh năm 1955, học xong trung học phổ thông, vợ Ngô Thị Xuân Nương (1957), quê ở thôn Năng An. Có các con:

- Trần Thị Tường Vy (1979)
- Trần Quốc Vũ (1983)
- Trần Minh Vương (1987)

5. Trần Thị Như Hải, sinh năm 1959. Tốt nghiệp trung học sư phạm. Giáo viên cấp 1, chồng là Tiên quê thôn Văn Bân, Xã Đức Chánh.

---0-❀❀0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN VĂN SĨ

Bà

HUỲNH THỊ NGÔ

❖ Ông **Trần Văn Sĩ**, thường gọi ông **Mười Sĩ**, thuộc đời thứ 7, là con trai út của ông Trần Văn Ích và bà Đoàn Thị Dã. Ông sinh ngày 1 tháng 6 năm 1930 (Canh Ngọ).

Được đi học từ nhỏ, ông thi đậu Sơ học yếu lược (1940), Tiểu học Pháp Việt (1943) và học gần hết năm thứ 2 ban Thành Chung trường “Cầm Bàn”.

Sau cách mạng tháng 8, ông tiếp tục đi học tại trung học Lê Khiết nhưng lại phải bỏ học vì bệnh nặng, sau cùng ông thi vào học và tốt nghiệp tại trường Trung học bình dân miền Nam Trung bộ (1948). Được giác ngộ lý tưởng yêu nước, ông vào Đảng cộng sản Đông Dương từ lúc còn ở trên ghế nhà trường. Xếp bút nghiên, tham gia kháng chiến chống Pháp, ông xung phong đi công tác Tây Nguyên và được giữ lại làm việc tại Văn phòng uỷ ban kháng chiến hành chánh miền Nam Trung bộ (trưởng ban mật mã). Trong chiến dịch tổng phản công giải phóng Liên khu 5, ông tình nguyện tham gia đoàn thanh niên xung phong hoả tuyến (chức vụ chính trị viên liên phân đội, tức đại đội), phục vụ các chiến trường Tây Nguyên cho đến ngày đình chiến (1954).

Nhằm giai đoạn Đảng và Nhà nước phát động quần chúng đấu tranh cải cách ruộng đất, ông từ chiến trường trở về cùng mẹ già, vợ yếu, con thơ ghép lại làm thành một cái gia đình phú nông, quản lý 4 mẫu ruộng đất, lâm vào cảnh nợ nần, đói khổ không lối thoát. Mặt khác ông còn là nạn nhân của một số đồng sự dao động trước thời cuộc, muốn cản cự lập công bằng các thủ đoạn bôi nhọ và vu khống kẻ khác. Ngao ngán tình đời xấu xa, đen bạc, ông đành từ bỏ công danh, sự nghiệp bất chấp mọi hiểm nguy ở phía trước, ở lại miền Nam, tự nhủ suốt đời không tham chính... Những năm tháng công tác miền Tây trong kháng chiến chống Pháp, ông chịu đựng nhiều gian khổ lại bị bệnh sốt rét rừng đeo đẳng, nên ông có ý tưởng học Tây y để bảo vệ bản thân, gia đình và cứu đời. Nhờ có vốn Pháp ngữ, cộng với sự giúp đỡ nhiệt tình của người cháu rể gọi ông bằng cậu là Đỗ Tất Hưng cùng sự đỡ đầu của Bác sĩ Tôn Thanh Giang, qua thời gian, ông trở thành một y tá trị bệnh. Nhờ chữa

được nhiều bệnh khó, nhận thù lao dễ dãi, ông được nổi tiếng, bệnh nhân tìm đến rất đông. Cho mãi về sau bà con gần xa vẫn còn nhắc nhở và nhớ ơn ông.

Chính quyền miền Nam nhiều lần mời ông ra giúp việc nhưng ông khôn khéo chối từ, trừ những trường hợp phải đối phó với áp lực tình cảm hoặc khi bị động viên nhập ngũ.

Tánh ông trầm tĩnh, đôn hậu, khiêm tốn, sống hoà hợp với mọi người. Ông đánh giá con người tốt xấu qua đạo đức làm người, không phân biệt giàu nghèo, chính kiến... Bình sinh, ông ham đọc sách báo, nghiên cứu y học, Văn học, tôn giáo, dịch lý... Ông còn có thú chơi gà đá, chim lồng, đàn hát, hội hoạ. Tuy không có năng khiếu về thi đối nhưng ông cũng đã cố gắng chế tác được 2 câu liên thơ tại từ đường chi họ, viết câu đối khắc tại lăng mộ song thân, khắc cổng Vườn mộ và Lăng mộ Tiên tổ để kỷ thác mỗi hoài cảm của mình đối với công ơn Tổ tiên.

Về già, ông sống tự tại, thanh bần, tìm sự an lạc trong đức tin “huyền nhiệm”. Tự hào với truyền thống nho giáo tốt đẹp của gia tộc, ông luôn là tấm gương sáng để giáo dục con cháu. Nối gót cha ông, cùng với họ tộc, ông đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng ngôi nhà thờ chi họ, trùng tu nhà thờ Cao tổ, dựng bia, xây mộ cho ông bà các tầng cao, cúng đất vườn để làm nhà thờ chi họ, quyết duy trì nề nếp cúng tế Tổ tiên hàng năm, để đời đời con cháu noi theo.

❖ Bà **Huỳnh Thị Ngô**, sinh năm 1931 (Tân Mùi) là con gái thứ 11 (út) của ông Huỳnh Cát và bà Nguyễn Thị Châm (Bá Hộ Châm), quê ở thôn Bách Mỹ, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa.

Bà giỏi việc nội trợ, cốt cách nhanh nhẹn, đảm đang, tánh tình vui vẻ nhân hậu. Bà được tiếng là vợ hiền, dâu thảo nuôi dưỡng mẹ chồng già trọn đạo, có trách nhiệm với con cái. Với xóm làng bà giành được nhiều thiện cảm do lòng thương người, biết giúp đỡ kẻ nghèo khó, hoạn nạn. Với họ tộc, bà tỏ ra là một cháu dâu hiền, rất tự hào về truyền thống tổ tiên nhà chồng, quý mến anh em họ hàng, giúp đỡ thật lòng con cháu.

Về già khi tuổi cao sức yếu, gánh nặng gia đình chồng chất, bà vẫn không nhẹ trách nhiệm góp sức cùng họ tộc gìn giữ nề nếp phụng thờ tổ tiên.

Ông bà sinh hạ được 8 người con (2 trai, 6 gái):

1. Trần Thị Thu Thảo, sinh năm 1953 (Quý Ty) tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, dạy cấp 1, có chồng là Võ Minh Thuý quê Hành Đức, Nghĩa Hành, là con trai ông bà Võ Luận, có các con là: - Võ Minh Trí, - Võ Thị Quỳnh Như, - Võ Minh Trục.

2. Trần Thị Thu Linh, sinh năm 1956 (Bính Thân), có chồng là Nguyễn Công Huân quê huyện Hoài Ân, Bình Định. Hai vợ chồng đã một thời công tác ở trại giống lúa An Tường, có các con là: - Nguyễn Công Hiền, - Nguyễn Thị Quỳnh Nhiên, - Nguyễn Thị Quỳnh Thoa.

3. Trần Thị Thu Phấn, sinh năm 1959 (Mậu Tuất), mất năm 1962 (Tân Sửu). Mộ táng sau vườn nhà.

4. Trần Thị Thu Nhạn, sinh năm 1960 (Canh Tý) tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, giáo viên cấp 2, có chồng là Trần Ngọc Thạch, Trung cấp cơ điện, con ông bà Trần Đông, quê Đức Chánh, có các con là: - Trần Ngọc Doanh, - Trần Tuấn Doanh.

5. Trần Thị Thu Dung, sinh năm 1963 (Quý Mão) tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, giáo viên cấp 2, có chồng là Trịnh Côi (1961) cũng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, giáo viên cấp 2, là con trai thứ của ông bà Trịnh Mỹ quê ở Đức Thắng, Mộ Đức, có các con là: - Trịnh Minh Tuệ, - Trịnh Minh Tài.

6. Trần Thị Hồng Nhiêu, sinh năm 1966 (Bính Ngọ), tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, giáo viên cấp 2, có chồng là Nguyễn Ngọc Thu, tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, giáo viên cấp 2, con ông Thái Ngọc Nam quê ở xã Đức Hiệp, Mộ Đức, có các con là: - Thái Ngọc Thiện, - Thái Cảnh Tuyên.

7. Trần Văn Hoan, sinh năm 1969 (Kỷ Dậu), cử nhân khoa học ngành Tin Học, giáo viên cấp 3.
- **Vôi:** Võ Thị Tuyết Hoa, sinh năm 1973, tốt nghiệp Đại học sư phạm Huế, giáo viên cấp 3, có 1 con :

- Trần Anh Khôi.

7. Trần Văn Phong, sinh năm 1972 (Nhâm Tý) Y sĩ, công tác ở bệnh viện huyện Mộ Đức, đang được đào tạo Bác sĩ Đa khoa tại Đại học Y khoa Huế.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN ĐẤU
Bà	NGUYỄN THỊ HOÀNG

- ❖ Ông **Trần Văn Đấu**, thường gọi là **ông Mỹ** thuộc đời thứ sáu, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiên

Ông sinh ngày 07 tháng 10 năm Mậu Tý (1888), mất ngày 13 tháng 2 năm Mậu Ngọ (1918), hưởng dương 31 tuổi. Mộ ông táng tại rẫy, đã di táng về “Vườn mộ họ Trần”. Sinh thời ông người hiền lành vui vẻ. Ông mất sớm vì căn bệnh dịch tả.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Hoàng** là con gái Ông Hương Bầm, Quê thôn Văn Bân, xã Đức Chánh.

Ông Bà sinh được hai con (1 trai 1 gái).

1. Trần Thị Mỹ (tức hai Tụ) Chồng là Nguyễn Đương con trai ông Xã Thòi thôn Dương Quang, xã Đức Thắng. Có các con: - Nguyễn Tụ, - Nguyễn Thị Thơm, - Nguyễn Thị Tho, - Nguyễn Pho, - Nguyễn Thị Nho, - Nguyễn Sỹ, - Nguyễn Thị Nông.

2. Trần Hoán

Sau khi ông mất bà tái giá. Bà được cha mẹ chồng quý như con gái (gã chồng cho bà). Chồng sau là ông Nguyễn Phùng (Xã Phùng) ở thôn Gia Hoà. sinh 2 con gái, một người tên Nguyễn thị Cầu bà gã cho ông Phạm Văn con trai bà Trần thị Dự là em gái đời chồng trước của Bà, giỗ tổ moãi tình chò daâu em choàng ngaoỷ naỏ.

---0-0000-0---

Đời thứ bảy

Ông:	TRẦN HOÁN
Bà chánh thất	LÊ THỊ THẾ
Bà kế thất	NGUYỄN THỊ RỘC

❖ Ông **Trần Hoán** thường gọi là ông **Ba Hoán** hay **ông A** thuộc đời thứ 7, là con trai duy nhất của ông Trần Văn Đẩu và bà Nguyễn Thị Hoảng.

Ông sinh năm 1916 (Đinh ty), có trình độ học vấn lớp 3 bậc sơ học thời Pháp thuộc. Ông theo bác ruột (Trần Phiên) vào ở Bình Định để vừa giúp việc vừa học thêm khi bác còn làm Quan ở tỉnh Bình Định. Bác dạy cho chữ Nho, các anh Trần Giới, Trần Duẩn dạy cho chữ Quốc ngữ.

Ông là người khoẻ mạnh, thân hình to lớn, vạm vỡ, tính tình thì hiền hậu, vui vẻ chân thật, lại rất siêng năng, tháo vát. Thời Pháp thuộc ông làm việc ở ngành Hoả Xa. Những năm kháng chiến chống Pháp, ông làm trưởng thôn Tân Định, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ông sống chính bằng nghề làm nông và đánh cá biển. Những năm chiến tranh tàn phá quê hương, ông di cư vào Cam Ranh làm lao công ở sở Mỹ để kiếm sống. Vợ chánh thất qua đời ông lấy vợ khác, gây dựng cơ nghiệp ở thôn Mỹ Ca, xã Cam Nghĩa huyện Cam Ranh tỉnh Khánh Hoà. Ông có nhà riêng bên cạnh con trai Trần Nghệ, sống chung với vợ kế và con gái. Thời trẻ ông đã có truyền thống gia tộc, nhiệt tâm phụng sự ông bà tại nhà thờ họ.

Tuy xa quê hương ông vẫn luôn tưởng nhớ về cội nguồn, góp tiền của tu bổ nhà thờ Cao tổ, xây dựng nhà thờ chi họ, sửa sang mồ mã ông bà chi họ. Tuổi già sức yếu không thể về quê, ông thường nhắc nhở con cháu hằng năm đi về thăm viếng mồ mã ông bà cùng nhang khói tổ tiên.

Oâng maát ngaøy 27 thaùng 4 naêm Giaùp thaân(14-6-2004).Moã taùng tại Cam ranh, tænh Khaùnh hoøa.

❖ Bà chánh thất **Lê Thị Thế** là con gái ông Lê Mỹ Cựu quê ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng , bà theo chồng vào Cam Ranh, lâm bệnh nặng và mất tại xã Cam Đức ngày 21 tháng 10 năm Mậu Thân (1968). Mộ bà táng tại Nghĩa địa công giáo, thôn Hoà Nghĩa, xã Cam Đức, Cam Ranh.

Ông bà sinh được 4 con (1gái 3 trai):

1. Trần Thị A, sinh1939 (kỷ mảo), Chồng là Lê Công Kính quê thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi, đã mất .Có 6 con (3 trai 3 gái): - Lê Thị Lam, - Lê Vĩ Linh, - Lê Thị Lâm, - Lê Thị Loan, - Lê Quốc Vương, - Lê Quốc Sư.

2. Trần Á tức Trần Định, sinh năm 1942 (Nhâm Ngọ), vợ là Lê Thị Nhon con ông bà Lê Độ ở thôn Thanh Long, xã Đức thắng , có 6 con (4 gái, 2 trai):

- Trần Lê Diễm Trang
- Trần Lê Huy
- Trần Lê Linh Thuỷ
- Trần Lê Kim Thái
- Trần Lê Trinh
- Trần Lê Hiền

Gia đình đang định cư tại Đức.

3. Trần Thanh, sinh năm 1946 (Bính Tuất), mất năm 2003, vợ là Huỳnh Thị Ánh con ông Huỳnh Dân Túng và bà Bùi Thị Giàn quê ở tỉnh Bạc Liêu. Có 3 con trai :

- Trần Thanh Tân , kỹ sư xây dựng
- Trần Thanh Trung
- Trần Thanh Tài (1987)

Vợ và các con đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trần Nghệ, sinh năm 1949 (Kỷ Sửu), vợ là Trần Thị Huyền Sương sinh năm 1957, quê xã Đức Sơn, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Có 4 con (2 trai, 2 gái):

- Trần Thị Minh Nguyệt
- Trần Minh Nhựt
- Trần Minh Đức
- Trần Thị Huyền Anh

5. Trần Thị Yên (mất sớm)

❖ Bà kế Thất : **Nguyễn Thị Rộc** quê quán ở xã Tuy An, huyện Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Bà sinh năm 1938 (Mậu Dần). Ông Bà sinh hạ được 1 con gái:

6. Trần Thị Muộn, sinh năm 1978 (Mậu Ngọ) làm thợ may ở Cam Ranh.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Bà	TRẦN THỊ DỊCH
Ông	NGUYỄN KIỆT

- ❖ Bà **Trần Thị Dịch**, thường gọi bà **Hương Sảng**, thuộc đời thứ 6, là con gái thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiến (bà Năm).
- ❖ Ông tên **Nguyễn Sảng**, thường gọi là ông Hương Sảng quê ở Trung An, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức.

Ông bà sanh hạ được 4 người con:

1. Nguyễn Thò Chuaân

2. Nguyễn Lía coøn coù teân Nguyễn Linh, mất 1945 có một người con gái là Nguyễn Thị Đường. Có chồng quê ở xã Đức Phong, hiện đang sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Công, chồng con dang dở, ở vậy nuôi cháu gái Nguyễn Thị Đường và sống với cháu cho đến cuối đời. Hiện đang ở Quận Tân Bình ,Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Cày (bị bệnh , mất sớm).

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Bà TRẦN THỊ TIỀM
Ông HUỲNH HÍCH

- ❖ Bà **Trần Thị Tiềm**, thường gọi bà **Chủ Cúc**, thuộc đời thứ 6, là con thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Không rõ ngày sinh của bà, mất ngày 9 tháng 3 năm Âm Lịch. Mộ táng tại.....Bà có chồng gần thầy mẹ, có cuộc sống trung bình .

Bà sanh thời là người thật thà, hiền lành, rất mực yêu thương thầy mẹ, anh em con cháu.

- ❖ Ông **Huỳnh Hích**, thường gọi ông Chủ Cúc quê thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Ông mất ngày 3 tháng 3 Âm lịch. Mộ táng tại.....

Ông bà sanh hạ được 5 người con:

1. Huỳnh Cúc, tục gọi là Giáo, mất ngày 18 tháng 3 Âm lịch, vợ là Nguyễn Thị Trà (mất ngày 14 táng 11 Âm lịch), có các con là:

- Huỳnh Giáo (1932) vợ là Đỗ Thị Giáo (1937)
- Huỳnh Dạy (1937) vợ là Lê Thị Hí
- Huỳnh Đám(1942) vợ là Lê Thị Yên (1946)
- Huỳnh Lãm(mất sớm)
- Huỳnh Tiên(mất sớm)
- Huỳnh Thị Hải Đường (1953) chồng là Hồ Quang Bông.

2. Huỳnh Thị Khuyên có chồng là Lê Xung quê ở thôn Mỹ Khánh, có các con:

- Lê Tụng (mất sớm)
- Lê Vinh Hoa (1945) vợ là Nguyễn Thị Ngà (1946).

3. Huỳnh Thị Diễm, sinh 1920 có chồng là Bùi Cần sinh 1915, có các con là:

- Bùi Diễm (1940) vợ là Lê Thị Chi (194..)
- Bùi Thị Tra

4. Huỳnh Cân, sinh 19...vợ là Nguyễn Thị Mái sinh 1924 không có con, mất sớm. Bà vào sống với cháu ở Bình Tuy.

5. Huỳnh Minh, sinh 1931 (đã mất) vợ là Lê Thị Bậu (đã mất), có các con:

- Huỳnh Khánh (1955) vợ là Nguyễn Thị Ngữ (1959)
- Huỳnh Lưu vợ là Nguyễn Thị Hạnh.
- Huỳnh Danh vợ là Nguyễn Thị Phi.
- Huỳnh Tiến vợ là Nguyễn Thị Biểu.
- Huỳnh Thị Lai chồng là Trần Văn Thanh

Đều sống ở Bảo Lộc.

Đời thứ sáu

Bà

TRẦN THỊ NGHI

Ông

LÊ KHIẾT

- ❖ Bà **Trần Thị Nghi** thường gọi là **bà Xã Phái**, thuộc đời thứ 6, là con thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiến (bà Năm).

Bà sinh năm 1894. Mất ngày 26 tháng 3 năm Nhâm Thìn (1952). Mộ bà táng tại nghĩa địa của dòng họ Lê Tuấn (chi 3) tại thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức.

- ❖ Ông **Lê Khiết** thường gọi là ông Xã Phái, dòng Lê Tuấn ở thôn An Tĩnh, xã Đức Thắng. Ông sinh năm 1895 mất ngày 16 tháng 9 năm Đinh Hợi (1947), mộ ông an táng tại nghĩa địa của dòng họ Lê Tuấn (chi 3) thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi.

Ông Bà sinh hạ được 6 người con: (3 trai 3 gái):

1. Lê Tuấn Phaù (Lê Tuấn Nhị) vợ là Nguyễn Thị Hy, có các con: - Lê Thị Nhị (mất), - Lê Tuấn Ba, - Lê Tuấn Hùng, - Lê Thị An, - Lê Tuấn Dũng, - Lê Thị Hiền.

2. Lê Tuấn Kiêm vợ là Nguyễn Thị Tự, có các con: - Lê Tuấn Dân (mất), - Lê Thị Lan.

3. Lê Thị Đủ chồng là Nguyễn Thế, có các con: - Nguyễn Thế, - Nguyễn Thị Ái, - Nguyễn Thị Dục.

4. Lê Thị Thiệt chồng là Nguyễn Ông, có các con: - Nguyễn Hương, - Nguyễn Lý, - Nguyễn Thị Phái.

5. Lê Tuấn Đình vợ là Lê Thị Thọ, có các con: - Lê Tuấn Tuyên, - Lê Thị Minh Thanh, - Lê Tuấn Chính, - Lê Thị Minh Thủy, - Lê Tuấn Cang, - Lê Bá Long, - Lê Tuấn Liêm (mất), - Lê Tuấn Trung, - Lê Thị Kim Chung.

6. Lê Thị Điền chồng Phạm Luật, có các con: - Phạm Tiến, - Phạm Xuân, - Phạm Đức, - Phạm Thị Nga, - Phạm Thị Mỹ, - Phạm Út.

---0-❧❧❧0---

Đời thứ sáu

Bà TRẦN THỊ TUỖ
Ông NGUYỄN THIỆP

❖ Bà **Trần Thị Tuỳ** tục gọi bà **Thủ Phò**, thuộc đời thứ 6, là con thứ của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Bà sinh năm Giáp Ngọ (1894), mất ngày 13 tháng 6 Âm lịch. Mộ bà táng tại thôn Phú Mỹ, huyện Tư Nghĩa.

Bà có chồng về làng Phú Mỹ, huyện Tư Nghĩa, là dậu trưởng nam trong một gia đình hào phú nhất vùng. Bà kể chuyện đời mình cho các con cháu nghe: .. rằng “hồi nhỏ ở với thầy me, thầy (cha) bấm số tử vi cho 3 cô con gái: cô Tiềm có số trung bình – cô Dự có số giàu sang mà khổ cực – cô Tuỳ (tức là bà) đã nghèo lại còn rất khổ”. Hai cô kia cam phận không nói gì, riêng bà lo sợ, thỉnh thoảng khóc lóc, năn nỉ thầy, xin thầy xem lại lá số của mình may ra có thay đổi khá hơn không! Thầy bảo: “đã là số thì làm sao thay đổi được! Thôi thì ...thầy sẽ chọn chỗ giàu có, phúc đức mà gả con về đó”. Bà được vồng lọng rước về làm dâu ông Chủ Doãn, vợ ông Thủ Sắc Phò, giàu có, ruộng đồng “thẳng cánh cò bay”, có bờ xe nước “Cây gáo” tưới ruộng. Thế mà qua thời gian không bao lâu, ông tiêu phá gia sản đến khánh kiệt, cuối cùng còn lại một nếp nhà tranh và một mảnh vườn bé tí (thậm chí cũng đã bán mất một nửa phía trước). Xuất giá theo chồng. Đáng cay phải chịu mận nong phải theo ... Bà là người vô cùng phúc hậu, hiền lành, bà con xóm làng ai cũng mến thương.

❖ Ông tên **Nguyễn Thiệp** thường gọi là ông Thủ Phò (hay Thủ Sắc Phò) quê làng Phú Mỹ nay là xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa, là con trai trưởng của ông Chủ Doãn, một người giàu có đương thời, nhưng do hiền lành, thật thà, nhất là tính “tâm phào” bị bọn quan lại hào lý tâng bốc, phỉnh nịnh, ăn chơi phung phí nợ nần phải bán sạch tài sản, ruộng đất, nhà cửa ... Chưa quá nửa đời người mà đã khánh tận cơ nghiệp. Thật là: “ăn không lo, của kho cũng hết”. Cuộc đời ông là một tấm gương để con cháu xem và suy gẫm.

Ông bà sinh được 6 người con(3 trai, 3 gái):

1. Nguyễn Phò có vợ ở thôn An Đại, xã Nghĩa Phương, có 2 con:

- Nguyễn Biện có 2 đời vợ, có 8 con (hiện ở Bảo Lộc)
- Nguyễn Bộ vợ là Bàu quê thôn Đề An, có 8 con: - Nguyễn Ba, Nguyễn Thị Biếc, - Nguyễn Thị Bốn, - Nguyễn Thị Bé, - Nguyễn Thị Biên, Nguyễn Thị Bền, - Nguyễn Thị Bền, - Nguyễn Bít.

2. Nguyễn Thị Trợ chồng là Phó Lý Tú, không có con, về già bà sống với con trai riêng của chồng tại xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa.

3. Nguyễn Công, có bệnh từ nhỏ, không vợ con mất sớm.

4. Nguyễn Thị Phu chồng là Huỳnh Chu quê ở thôn Bách Mỹ, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa, có các con: - Huỳnh Chu, - Huỳnh Cầu, - Huỳnh An, - Huỳnh Thị Nhu, tất cả đều mất sớm, - Huỳnh Thuần, có vợ là Nguyễn Thị Tám quê ở xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, - Huỳnh Thị Hiền, là giáo viên, có chồng ở thôn Đề An, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành.

5. Nguyễn Ca vợ là Trần Thị Tiềm con gái ông Trần Áp ở thôn Bò Đề, xã Đức Nhuận, có các con: - Nguyễn Thị Bích, chồng là Phạm Trịnh (chết), đã lấy chồng khác là Lê quê ở Sông Vệ; - Nguyễn Thị Tinh, có chồng ở Quán Lát, xã Đức Chánh, - Nguyễn Ý (sống ở Bảo Lộc); - Nguyễn Thị Ngải, - Nguyễn Ưng (mất sớm).

6. Nguyễn Thị Sinh, sinh năm 1932, không chồng, sống độc thân.

Đời thứ sáu

Ông	TRẦN VĂN TỌ
Bà chánh thất	LÊ THỊ SỬ
Bà kế thất	DƯƠNG THỊ ĐIỂM

- ❖ Ông **Trần Văn Tọ** thường gọi là **ông Sử** hay ông **Thầy Hai**, thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiến (bà Năm).

Ông biết chữ Hán. Khi vào Bình Thuận làm ăn sinh sống, ông hành nghề thuốc chữa bệnh (nên có tên Thầy Hai từ đó).

Ông sinh năm ... Mất ngày 6 tháng 8 năm Đinh Hợi (20/9/1947). Mộ táng tại xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- ❖ Bà chánh thất **Lê Thị Sử**, thường gọi bà Sử, là chị gái của ông Lê Vinh Hiền quê ở thôn Mỹ Khánh, xã Đức thắng, huyện Mộ Đức.

Bà sinh năm ..., mất năm ... Có 2 con là liệt sĩ. Bà có đủ tiêu chuẩn để đề nghị Nhà nước phong tặng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

Ông bà sinh hạ được 3 người con trai:

1. **Trần Sử**
2. **Trần Quyền**
3. **Trần Văn Chúng**, (mất sớm)

- ❖ Bà kế thất **Dương Thị Điểm**, còn có tên là **Dương Thị Nhì** (gọi theo tên con đời trước), quê thôn Thạch Trụ, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, sống với ông ở Bình Thuận và mất ngày 17 tháng 11 năm Quý Tỵ (1953). Mộ bà táng tại xã Hàm Ninh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Ông bà sinh hạ được 2 con gái:

1. **Trần Thị Thủy**, sinh năm 1925 (Ất Sửu), là liệt sĩ hy sinh ngày 01 tháng 8 năm Kỷ Dậu (1969), có chồng là Nguyễn Tấn Thành sinh năm 1922. Có các con là:

- Nguyễn Thị Sắc sinh năm 1943, nguyên Chánh án huyện Hàm Thuận Nam, có 1 con trai: - Nguyễn Hồng Tri. Hiện đang ở đội 4, hợp tác xã 2, xã Hàm Minh, Hàm Thuận Nam (ở km 23)
- Nguyễn Thị Hoa (Thép), tham gia kháng chiến chống Mỹ, làm được sĩ, hy sinh năm 1970. Huân chương kháng chiến hạng Ba.
- Nguyễn Thị Ánh Tư sinh năm 1949, được tá, chồng là Nguyễn Văn Túc, hiện ở km 37 Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam.
- Nguyễn Thị Năm sinh năm 1952 (Nhâm Thìn), chồng là Nguyễn Văn Hiệp, quê ở Quảng Trị, định cư tại Thị xã Phan Thiết, có các con: - Nguyễn Thị Nhung (1979), - Nguyễn Thị Dung (1982), - Nguyễn Thanh Phúc (1989).
- Nguyễn Thị Sáu sinh năm 1955 (Ất Mùi), chồng là Trần Bình Sơn, quê ở Quảng Trị, định cư tại Thị xã Phan Thiết, có các con: - Trần Khương Hùng (đã mất), - Trần Khương Việt (1980), - Trần Thị Ngọc Hân (1991).

2. **Trần Thị Chung** (tức Khoa), sinh năm 1934 (Giáp Tuất), chồng là Nguyễn Đăng Lâm (đã mất), quê xã Tân Thành, có 6 con là:

- Nguyễn Đăng Dân(SN.1962), vợ là Trần Thị Sấn, có 1 con trai là Nguyễn Đăng Việt
- Nguyễn Thị Thu Giang(1964), chồng Trần Văn Nhựt(1964)

- Nguyễn Thị Kim Dung (1967)
- Nguyễn Thị Kim Anh (1969), chồng Nguyễn Văn Năm(1964)
- Nguyễn Đăng Quân (1971)
- Nguyễn Đăng Nhân (1974)

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN SỬ

❖ Ông **Trần Sử**, sinh năm 1921(Tân Dậu), tên chữ là Trần Sơ, thuộc đời thứ 7, là con trai trưởng của ông Trần Văn Tợ và bà Lê Thị Sử.

Lúc nhỏ ông được đi học thi đỗ bằng Tiểu học Đông Pháp. Ông theo cha vào làm ăn ở tỉnh Bình Thuận, rồi tham gia kháng chiến chống Pháp, làm y tá trong bộ đội.

Ông hy sinh năm 1947, chưa có vợ con, được Nhà nước công nhận là liệt sĩ.

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN QUYỆT
Bà HUỲNH THỊ HẠNH

❖ Ông **Trần Quyệt**, sinh năm 1924 (Giáp Tý), thuộc đời thứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Tợ và bà Lê Thị Sử.

❖ Bà **Huỳnh Thị Hạnh** sinh năm 1926 quê ở thôn Vân Khê, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Ông bà đã tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, đã có nhiều thành tích được Nhà nước cấp bằng Tổ Quốc Ghi Công, bà Hạnh đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương chống Mỹ hạng Ba, thương tật hạng 3/4, bà đã có công nuôi dưỡng người con của chị gái từ lúc lên 3 là Đặng Văn Giới, người con nuôi này cũng đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, được công nhận là liệt sĩ, được truy tặng huân chương kháng chiến hạng Ba. Ông tham gia đoàn cán bộ công tác ở huyện, và hy sinh ngày 27 tháng 7 năm Đinh Mùi tức ngày 15 tháng 5 năm 1967 trong một chuyến đi công tác xuống cơ sở.

Ông được công nhận là liệt sĩ. Mộ ông táng tại Nghĩa trang liệt sĩ Hồng Sơn, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Hiện nay cuộc sống của bà nhờ vào tiền trợ cấp của Nhà nước.

Ông bà sinh hạ được 2 người con trai:

1. Trần Văn Ba sinh năm 1959 (Kỷ Hợi), tốt nghiệp Đại học Pháp Lý, công tác tại Ban thanh tra huyện Hàm Thuận Nam, vợ Trần Thị Oanh, sinh năm 1970 quê ở Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, có các con:

- Trần Ngọc Anh
- Trần Hữu Phan

2. Trần Văn Bốn sinh năm 1961 (Tân Sửu), có vợ là **Nguyễn Thị Lê** (1963) quê ở xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, có các con:

- Trần Minh Vũ (1986)
- Trần Minh Vĩ (1989)
- Trần Vi (1995)



Đời thứ sáu

**Bà
Ông**

**TRẦN THỊ DỰ
PHẠM HÀNG**

- ❖ Bà **Trần Thị Dự**, thường gọi là bà Thí hay bà Phạm Hàng, thuộc đời thứ 6 là con gái út của ông Trần Văn Sách và bà Lê Thị Bân.

Bà sinh ngày Dậu tháng 8 năm Đinh Dậu (1897). Mất ngày 20 tháng 01 năm Mậu thìn (1988).

Mộ bà táng bên ông tại nghĩa trang gia tộc ở thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi.

Bà có chồng về An chuẩn, nay thuộc xã Đức Lợi, thuộc một gia đình hào phú, cai quản nhiều tài sản đất điền gần xa, lại là đầu trưởng nam của một chi tộc lớn. Cha chồng mất sớm, bà phải sống dưới sự chi phối của hai bà cô chồng đầy quyền uy và một mẹ chồng nổi tiếng khó tính. Chồng bà lại là một người hào phóng, giao du rộng rãi, ít quan tâm đến công việc gia đình, ngoài trừ một vài vấn đề về ruộng đất có quan hệ đến pháp lý. Trong hoàn cảnh đó, không kể những lúc còn ăn ở chung mà khi đã ra ở riêng, bà phải đem hết tài đảm đang và cái “Tứ đức Tam tòng” hấp thu được từ gia đình thầy mẹ, ... để gánh vác cái giang san nặng oằn của nhà chồng: Quản lý công việc nội trợ, điều hành công việc nông trang, đương đầu với mọi phức tạp trong sinh hoạt họ tộc, mọi quan hệ giao tế của chồng!

Bà đông con, có đến 12 lần sinh đẻ, sống trong cảnh giàu sang mà vô cùng vất vả. Tuy vậy bà nhẫn nại chịu đựng, luôn vui vẻ, hoà nhã, sống nhân hậu, thành thực với tất cả mọi người... Cho nên, từ kẻ ăn người ở trong nhà, bà con nội ngoại cho đến hàng xóm láng giềng ai ai cũng mến phục, quý yêu. Bà rất tự hào về hai bên gia đình, nhất là phía thầy mẹ bà.

Hầu hết con cái của bà sau này đều có những ấn tượng và việc làm đẹp đẽ khắng khít với bên ngoại .

- ❖ Ông tục danh **Phạm Huyền**, tên chữ **Phạm Hàng**, bút hiệu “ Bút Đình”, là con trai trưởng của ông Phạm Kinh và bà Nguyễn Thị Tí. Ông Phạm Kinh vốn người Phổ An, huyện Tư Nghĩa, đã một thời là lý trưởng sở tại, sau cư trú và lập nghiệp tại làng An Chuẩn, nay là một thôn của xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức. An Mô là nơi lập cơ ngơi sau cùng đời ông Phạm Hàng.

Ông theo Nho học, từng là học trò ngồi nghe giảng sách tại nhà ông Tú Tuân (sau này là anh vợ) nhưng không có duyên khoa cử. Ông có tiếng thông minh, có tài thi đối, trong nhân dân thời đó có câu :

“ An Mô có chút Phạm Hàng

Văn chương chữ nghĩa xóm làng đều kinh”

Là người có tư tưởng hào phóng, giao du rộng rãi, nên đã có lần bị thực dân Pháp cầm tù vì tội tham gia phong trào cải lương của nhà chí sĩ Phan Chu Trinh và quan hệ chính trị với các sĩ phu yêu nước thời 1930 – 1931. Sinh thời ông có thú chơi đồ cổ, gà đá, chim lồng, cưỡi ngựa, đánh bạc ... và ở lĩnh vực nào ông cũng tỏ ra lanh lợi, tài hoa, không thua kém ai.

Ông sinh năm Đinh Dậu (1897) mất năm Tân Tỵ (1941), hưởng dương 44 tuổi (giỗ ngày 10 tháng 9 Âm lịch), mộ táng tại nghĩa trang gia tộc ở thôn Vinh Phú xã Đức Lợi.

Ông bà sinh hạ được 12 người con (trưởng thành được 6 trai 4 gái):

1. Phạm Thị Thí, có tên chữ là Phạm Thị Nguyệt Minh còn gọi là bà Vân sinh năm 1918 (Mậu Ngọ), chồng là Nguyễn Ngọc Ân, còn gọi là thầy Mười, quê ở thôn An Chỉ, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành. Có các con là: - Nguyễn Thị Ngọc Vân (mất sớm), - Nguyễn Ngọc Trinh, - Nguyễn Thị Mỹ Dung, - Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Phạm Dân, còn gọi là ông Kính, sinh năm 1920

Ông là người khôn ngoan, lanh lợi, tháo vát, có óc kinh doanh, làm kinh tế giỏi, tính tình vui vẻ, nhân hậu, sống chí hiếu với tổ tiên hai bên nội ngoại, giàu lòng tương thân tương ái, sống hoà hợp với mọi người.

♦ Vợ Ông là bà **Lê Thị Biểu** ở thôn Đề An, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành. Ông bà có 10 con (4 trai, 6 gái): - Phạm Kính, - Phạm Thị Việt, - Phạm Thị Thư, - Phạm Thị Huệ, - Phạm Thị Lệ, - Phạm Bình, - Phạm Thị Khánh, - Phạm Thụy, - Phạm Thị Hà, - Phạm Hảo.

3. Phạm Thống, sinh năm 1922. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Tập kết ra Bắc sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, ông công tác ở ngành thương nghiệp. Sau năm 1975 về Nam làm hiệu phó trường Kinh tế Quảng Ngãi.

Ông là người có tính ngay thẳng, bộc trực nhưng rất đôn hậu. Xa quê hương nhiều năm, về già được trở về nơi chôn nhau cắt rốn, ông luôn day dứt đối với vấn đề gia tộc, không phân nội, ngoại. Ông đã đóng góp nhiều công sức, tiền của trong việc bảo tồn mồ mã và phụng sự tổ tiên.

Vì hoàn cảnh gia đình ông lại phải xa quê hương lần nữa, rời Quảng Ngãi vào ở thành phố Hồ Chí Minh sống những năm cuối của cuộc đời.

♦ Vợ chánh thất là **Nguyễn Thị Mỹ**, quê ở An Mô, xã Đức Lợi, sinh các con: - Phạm Trị, - Phạm Thủy, - Phạm Thị Lâm. Bốn mẹ con đều bị tử nạn trong trận lụt tháng 9 năm 1964.

♦ Vợ kế thất là **Nguyễn Thị Tường**, quê ở xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, sinh các con: - Phạm Thị Hoa, con riêng bà Tường mang họ Phạm, - Phạm Thủy, - Phạm Thị Lệ, - Phạm Nhất.

4. Phạm Văn, sinh năm 1923. Ông đã tham gia kháng chiến chống Pháp, gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1955 tập kết ra Bắc ông công tác ở ngành bưu điện, sau giải phóng ông trở về Nam, nghỉ hưu không được bao lâu và mất.

♦ Vợ chánh thất **Nguyễn Thị Cầu** còn có tên **Nguyễn Thị Nhung** là con gái ông Nguyễn Phùng (xã Phùng) và bà Nguyễn Thị Hoàng quê ở thôn Gia Hoà, xã Đức Thắng, có 3 con: - Phạm Dũng, - Phạm Chí, - Phạm Thị Thanh Ý (mất sớm)

♦ Vợ kế thất tên là **Trần Thị Sa**, quê xã Ân Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, có các con là : - Phạm Minh Hùng, - Phạm Thế Vương, - Phạm Thế Nhân.

5. Phạm Thị Xi, tức Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1925 có chồng là Nguyễn Đình Cẩn, tập kết ra Bắc, trở về Nam công tác, hy sinh tại quê nhà. Quê ông ở thôn Văn Bản, xã Đức Chánh, có con gái là : - Nguyễn Thị Thu, giáo viên cấp 1, chồng là Trần Hiệt cũng là giáo viên cấp 1. Bà tái giá với ông Võ Quang Anh, quê ở thôn Phước Lai, xã Đức Chánh, có 2 con: - Võ Thảo, - Võ Thị Bé.

6. Phạm Thị Xi, tức Phạm Thị Cúc sinh năm 1927, có chồng là Nguyễn Doãn Thuyên, con trai ông bà Hương bộ Huyền, quê thôn Văn Bản, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, có các con là: - Nguyễn Tuấn, - Nguyễn Thị Loan, - Nguyễn Thị Yến, - Nguyễn Luyện (tức Nguyễn Du), - Nguyễn Thị Phụng, - Nguyễn Thị Ánh, - Nguyễn Sơn, - Nguyễn Doãn Điềm.

7. Phạm Minh Thuỳ, tức Phạm Bút sinh năm 1930, học xong trung học. Ông là người thông minh, thích cuộc sống phóng khoáng, có tấm lòng nhân hậu, tuy nhiên cuộc sống đầy đưa ông gặp những điều bất như ý: Lúc cô đơn, khi nghèo túng, lúc kinh doanh khách sạn, khi phá núi, vỡ rừng, lúc phong lưu, khi ẩn dật... Hiện ông đang sống ở Hoa Kỳ nhưng lòng vẫn canh cánh nhớ về quê hương. Thỉnh thoảng ông gửi tiền về nước, góp phần phụng sự tổ tiên nội ngoại, giúp đỡ bà con nghèo khó.

♦ Vợ ông là **Cao Thị Phan**, con gái ông Cao Vị ở thôn An Chi, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, có các con là: - Phạm Doanh Châu, - Phạm Thị Ngọc, - Phạm Thị Quỳnh, - Phạm Doanh Liễn, - Phạm Trắc Chương.

Gia đình định cư tại Mỹ.

8. Phạm Thị Nghiên, sinh năm 1934, chồng là Nguyễn Hoán, con trai ông Nguyễn Kiên thôn Thanh Long xã Đức Thắng, có các con là: - Nguyễn Thị Hoa, - Nguyễn Lăng, - Nguyễn Hải, - Nguyễn Ngãi.

9. Phạm Huệ, tức Phạm Hai, sinh năm 1936, Cử nhân văn chông nguyên là giáo viên dạy môn văn trường cấp 3 Trần Quốc Tuấn Thị xã Quảng Ngãi. Ông là người thông minh, hiểu học sớm có chí hướng và óc tự lập. Trong bối cảnh học đường, ông làm công việc khai khoá, khích lệ lớp trẻ hơn là làm nhiệm vụ một giáo viên bình thường. Ông đến Hoa Kỳ, không phải để tạo công danh hay tìm sự giàu có. Ông làm việc cật lực, sống cuộc đời giản dị. Dành một phần tiền làm ra, ông gửi về nước để giúp đỡ bà con, bạn bè, góp sức cùng họ tộc nội ngoại ... chỉ tiêu cho công việc thờ phụng, trùng tu mồ mã Tổ tiên. Đặc biệt ông rất thương mẹ và quý mến họ hàng bên ngoại.

◆ Vợ ông là **Phạm Thị Hạnh** con ông Phạm Hường quê Thị xã Quảng Ngãi, các con là: - Phạm Chiêu Đàm, - Phạm Nghiêu Đàm, - Phạm Huân Đàm, - Phạm Khâm Đàm, - Phạm Ứng Đàm (mất sớm).

Gia đình định cư tại Mỹ.

10. Phạm Viên sinh năm 1939, tốt nghiệp Đại học sư phạm, nguyên là giáo viên dạy Anh văn trường Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi.

◆ Vợ ông là **Phạm Thị Ngọc Lan**, con gái ông bà Thông Thanh, có các con: - Phạm Nguyên Kha (1977), - Phạm Thị Thuý Vy (1978).

Gia đình định cư tại Mỹ.

Đời thứ sáu

Bà	TRẦN THỊ THUẬN
Ông	NGUYỄN VĂN

- ❖ Bà **Trần Thị Thuận** còn gọi bà **Hương Văn** hay bà Xã Bốn, thuộc đời thứ 6, là con gái thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiến. Chồng bà là ông Nguyễn Văn, quê ở làng Thi Phô, nay là xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức.

Bà mất rất trẻ, không có con. Mộ táng tại quê chồng.

---0-❧❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Ông TRẦN VĂN HUỀ
Bà NGUYỄN THỊ LAI

- ❖ Ông **Trần Văn Huề** thường gọi **ông Bồng**, thuộc đời thứ 6, là con trai thứ của ông Trần Văn Sách và bà thứ thất Nguyễn Thị Tiến (bà Năm).

Ông sinh năm Giáp Thìn (1904), mất ngày 26 tháng 7 năm Bính Tuất (1946), hưởng dương 42 tuổi.

Mộ táng tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Năm 2000 mộ ông được cải táng về “Vườn mộ họ Trần” tại thôn Tân Định.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Lai** thường gọi **bà Bồng**, là con gái ông Bảo Mỹ quê thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức.

Bà sinh năm ... Mất ngày 28 tháng 3 năm Tân Dậu (1/5/1981). Mộ bà táng tại thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi. Năm 2000 mộ bà cũng được cải táng về “Vườn mộ họ Trần” nằm kế bên ông.

Ông bà sinh hạ được 5 người con (3 trai, 2 gái):

1. Trần Thị Bồng, sinh năm ..., thường gọi là Hai Bồng, có chồng là Lê Chí, con trai ông bà Lê Tình ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Ông bà sinh hạ được 8 người con (6 trai, 2 gái): Lê Quyết, Lê Tâm, Lê Thị Chiến, Lê Thắng, Lê Văn, Lê Văn, Lê Thị Gái, Lê Thanh. Gia đình lập nghiệp ở Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Trần Thị Hình (mất sớm)

3. Trần Sương

4. Trần Tương

5. Trần Nhung

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông TRẦN SƯƠNG
Bà LÊ THỊ NHANH

- ❖ Ông **Trần Sương** thường gọi ông **Bón Sương**, thuộc đời thứ 7 là con trưởng nam của ông Trần Văn Huề và bà Nguyễn Thị Lai, ông sinh năm 1934 (Giáp Tuất).

Ông có tính tình hiền hậu, suốt đời cần kiệm chăm lo cho gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành. Về già, ông cũng có lòng lo lắng đối với việc thờ phụng ông bà tổ tiên, góp sức cùng họ tộc sửa sang mồ mã ông bà, nhà thờ họ, xây dựng nhà thờ chi họ.

- ❖ Bà **Lê Thị Nhanh** là con gái ông Lê Mỹ Liễu, quê thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 7 người con (5 trai, 2 gái):

1. Trần Văn Nhẫn (mất sớm)

2. Trần Văn Nại, vợ là Nguyễn Thị Trung, có 4 con (3 trai, 1 gái)

3. **Trần Văn Bốn**, vợ là Phạm Thị Phụng con ông bà Phạm Lương ở thôn Đại thành, xã Đức thắng.

4. **Trần Thị Bé**

5. **Trần Văn Bằng** vợ là Nguyễn Thị Lực

6. **Trần Văn Quang**

7. **Trần Thị Thêu**

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông

TRẦN TƯƠNG

Bà

LÊ THỊ NHÁNH

❖ Ông **Trần Tương** thường gọi là **Năm Tương**, thuộc đời tứ 7, là con trai thứ của ông Trần Văn Huệ và bà Nguyễn Thị Lai.

Ông sinh năm 1936 (Bính Tý). Tính tình ông hiền lành, vui vẻ, trung thực, sống thân ái với gia tộc họ hàng. Thời trai trẻ, ông rất lặn lội với gia đình. Không chịu nổi cuộc sống nghèo khó, ông rời quê hương đưa gia đình đi vùng kinh tế mới ở miền Nam, tại Thị trấn Ngãi Giao tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu để lập nghiệp.

Tuy việc mưu sinh tạm ổn nhưng ông bà sinh con đông, lại khó nuôi con nên sinh hoạt khá vất vả. Tuy xa quê, ông vẫn không quên cội nguồn gia tộc, hàng năm đi về thăm viếng, đóng góp tiền của cho họ tộc góp phần bảo tồn nền nếp thờ phụng tổ tiên.

❖ Bà **Lê Thị Nhánh** là con gái ông Lê Đạm, quê thôn Mỹ Khánh, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 9 người con (4 trai, 5 gái):

1. **Trần Thị Bích** (mất sớm)
2. **Trần Thị Yến**, có chồng là Lê Chính quê ở Tân Định
3. **Trần Tiến** (bị bệnh đã mất)
4. **Trần Thị Thuỷ**, sinh năm 1970 (Canh tuất)
5. **Trần Thị Gương**, sinh năm 1971 (Tân Hợi)
6. **Trần Thị Phương**, sinh năm 1974 (Giáp Dần)
7. **Trần Văn Đức**, sinh năm 1976 (Bính Thìn)
8. **Trần Văn Nhựt**, sinh năm 1981 (Tân Dậu)
9. **Trần Văn Ánh**, sinh năm 1985 (Ất Sửu)

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN NHƯƠNG
Bà	NGUYỄN THỊ BỘ

❖ Ông **Trần Nhương** thường gọi ông **Sáu Nhương**, thuộc đời thứ 7, là con trai út của ông Trần Văn Huệ và bà Nguyễn Thị Lai.

Ông sinh năm 1940 (Canh Thìn), ông sống tại quê cũ của mẹ ở thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi. Tính ông vui vẻ, hiền hậu, năng động. Tuy là con út, ông rất hiếu thảo với cha mẹ, sốt sắng cùng họ tộc bảo tồn nền nếp thờ phụng Tổ tiên.

❖ Bà **Nguyễn Thị Bộ** là con gái bà Nguyễn Thị Độ quê thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (4 trai, 2 gái):

1. Trần Văn Mạnh, sinh năm 1967 (Đinh Mùi), vợ Đào Thị Lân, sinh năm 1966 quê ở Sông Vệ, Nghĩa Phương, có 2 con:

- Trần Văn Cọng
- Trần Văn Tí

2. Trần Thị Muông, sinh năm 1969 (Kỷ Dậu), chồng là Nguyễn Thạch quê Kỳ Tân, Đức Lợi, có 3 con (1 trai, 2 gái):

3. Trần Thị Kết, sinh năm 1972 (Nhâm Tý), chồng là Nguyễn Khoa, quê Kỳ Tân, Đức Lợi.

4. Trần Đoàn, sinh năm 1975 (Ất Mão)

5. Trần Anh, sinh năm 1978 (Mậu Ngọ)

6. Trần Em, sinh năm 1981 (Tân Dậu)



Đời thứ năm

Ông **TRẦN CỤI (Dưỡng Tử)**
Bà TƠ

- ❖ Ông **Trần Cui**, thuộc đời thứ 5, là con nuôi của ông Trần Văn Thành và bà Nguyễn Thị Tấn. Cha mẹ ông gốc người Tàu, sinh được 2 người con trai, người con lớn theo cha về Tàu, ông ở lại với mẹ được nhận làm con nuôi và được mang họ Trần từ đó.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (2 trai, 4 gái):

1. **Trần Thị Huyền**
2. **Trần Thị Cung**
3. **Trần Thị Ngát**
4. **Trần Thị ... (mất sớm)**
5. **Trần Sum**
6. **Trần Bồi**

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ sáu

Ông **TRẦN SUM**
Bà **NGUYỄN THỊ NHẠY**

- ❖ Ông **Trần Sum**, tục gọi **ông Vầy**, là con trai của ông Trần Cui và bà Tơ, ông là người siêng năng, thật thà, chất phát gắn bó với họ tộc, tổ tiên.

Ông sinh ngày ... Mất ngày 19 tháng 4 Âm lịch. Mộ ông táng tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

- ❖ Bà **Nguyễn Thị Nhạy**, quê thôn Phú Mỹ, xã Nghĩa Phương, nay là Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa. Bà là người khoẻ mạnh, siêng năng, cần cù. Tuy nghèo khó bà vẫn sẵn sàng giúp đỡ người khác bất cứ công việc gì, bà con xóm làng ai cũng mến thương.

Bà sinh năm Mất ngày 17 tháng 11 Âm lịch. Mộ bà táng tại thôn Tân Định, xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 2 con trai:

1. **Trần Hoà**
2. **Trần Dụ**

---0-❧❧❧-0---

Đời thứ bảy

Ông **TRẦN HOÀ**
Bà **LÊ THỊ CẢNH**

- ❖ Ông **Trần Hoà**, thường gọi ông **Bảy Hoà**, là con trai trưởng của ông Trần Sum và bà Nguyễn Thị Nhạ, ông sinh năm 1931 (Tân Mùi).

Tính ông thật thà, hiền lành, vui vẻ, siêng năng việc gia đình đồng áng và cả nghề làm biển.

Tuy là con cháu thuộc đời dưỡng tử, ông rất sốt sắng với công việc họ tộc, góp phần xây dựng nơi thờ phụng Tổ tiên, sửa sang, trùng tu mồ mã, nhất là thường xuyên tới lui thăm viếng bà con trong họ.

- ❖ Bà **Lê Thị Cảnh**, là con gái đầu của ông Lê Mông và bà Cao Thị Kén quê ở thôn Tân Định, xã Đức Thắng. Bà tính tình thật thà, vui vẻ, giỏi đang việc gia đình, nhiệt tình với công việc của họ tộc, bà con trong họ ai cũng quý mến.

Bà sinh ngàytháng... năm...

Ông bà sinh hạ được 1 con trai:

- ◆ **Trần Huân**, có vợ tên là Lê Thị Thu, có 5 con (1 trai, 4 gái):

- Trần Thị Thuý
- Trần Thị Phụng
- Trần Thị Yên
- Trần Thị Giang
- Trần Khanh

---0-❧❧❧0---

Đời thứ bảy

Ông	TRẦN DỤ
Bà	HỒ THỊ MUỘN

- ❖ Ông **Trần Dụ** thường gọi ông **Chín Dụ**, là con trai thứ của ông Trần Sum và bà Nguyễn Thị Nhạ.

Ông sinh

Tính ông hiền lành, thực thà và siêng năng, có trách nhiệm với gia đình, con cái. Đối với bà con ông tỏ ra hoà thuận, đối với họ tộc ông tỏ ra rất sốt sắng, không từ nan công việc gì khi họ tộc cần đến để xây dựng nền nếp thờ phụng tổ tiên.

- ❖ Bà **Hồ Thị Muộn**, sinh năm ... , con gái bà Trần Thị Đốc (bà Chúc), quê thôn Dương Quang , xã Đức Thắng.

Ông bà sinh hạ được 6 người con (4 trai, 2 gái):

1. **Trần Văn Nho**
2. **Trần Văn Nhỏ**
3. **Trần Văn Vũ**
4. **Trần Văn Vân**
5. **Trần Thị Nhi**
6. **Trần Thị Vân**

---0-❧❧❧0---

Những việc cần lưu ý!

- Gia phả Họ **TRẦN VĂN KHOA**, là “**Gia bảo**” của dòng tộc **TRẦN** cần nhớ bảo vệ, giữ gìn cẩn trọng, nếu nói bản thảo hoặc cắt trong rừng, tu. Không nhớ nếu bắt bài, không làm lem luốc, nhàu nát và không cho người ngoài gia tộc mượn (phong thất lạc).
- Gia phả tu soạn lần này tuy đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn không thể tránh khỏi những sai sót nhỏ : sai tên, họ, chỗ lặt....
- Những việc sai sót cần nhớ chỉnh, bỏ sung. Rất mong các Trông chỉ họ, các thành viên trong dòng tộc nhận biết nhớ những chỗ sai sót cần biên thảo hoặc tiếp phân ánh cho Họ nhà họ gia tộc nếu tổng hợp và bỏ sung cho gia phả ngày càng hoàn chỉnh hơn.



Toà tu soạn:

- Trần Văn Cảnh
- Trần Văn Số
- Trần Nhàn

Chủ biên: Trần Văn Cảnh

Kiểm soát : Trần Nhàn
2004)

In: 04 cuốn (20 – 10- -

Vi tính : Trần Văn Hoàn
2004

Ngày hoàn thành: 20 – 10- -

Nội lưu trữ:

- Nhà thờ chi họ 3- nhớ thờ 4 tại Nho lâm – Bà nhà.
- Nhà thờ cao tại Văn hoá – Bà nhà.
- Ông Trần Văn Cảnh (tại Hà Nội).
- Ông Trần Lê Duy (tại Tp. HCM).

